VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN THỊ ĐÀO

PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG TẠI ĐẢO BÉ, HUYỆN LÝ SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Chuyên ngành: VIỆT NAM HỌC
Mã số: 60 22 01 13

LUẬN VĂN THẠC SĨ VIỆT NAM HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. CHU MẠNH TRINH

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các nội dung, số liệu và kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là trung thực. Số liệu được lấy từ các cơ quan có liên quan và điều tra của tác giả và chưa từng công bố trong bất kì công trình nào khác.

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 08 năm 2017

Tác giả luận văn

Trần Thị Đào

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
Chương 1. TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU 9
1.1. Khái niệm về du lịch sinh thái bền vững 9
1.2. Các nguyên tắc du lịch sinh thái bền vững 12
1.3. Các yếu tố đảm bảo thành công cho du lịch sinh thái bền vững 15
1.4. Các tiêu chuẩn đánh giá du lịch sinh thái bền vững 15
1.5. Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái của một số quốc gia, địa phương và bài học vận dụng cho Việt Nam nói chung và đảo Bé nói riêng 16
riêng 20
1.6. Khái quát về địa bàn nghiên cứu 21
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI ĐẢO BÉ 26
2.1. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của Đảo Bé 26
2.2. Thực trạng phát triển du lịch tại đảo Bé 41
2.3. Tác động của phát triển dịch vụ du lịch 47
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG TẠI ĐẢO BÉ 55
3.1. Định hướng phát triển DLST bền vững tại Đảo Bé 55
3.2. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững 58
KẾT LUẬN 79
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

DLST:	Du lịch sinh thái
UBND – VX:	Ủy ban nhân dân – Văn Xã
CP ĐT PT:	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
PCT. Tỉnh:	Phó chủ tịch Tỉnh
ĐDSH:	Đa dạng sinh học
HST:	Hệ sinh thái
ESCAP:	Ủy ban Kinh tế Xã hội Châu Á – Thái Bình Dương Liên hợp Quốc
SIDA:	Tổ chức Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển
IUCN:	Tổ Chức Bảo Tồn Thiên nhiên Quốc tế

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, ngành du lịch sinh thái đang phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Ngành này ngày càng được thu hút sự quan tâm của mọi người trong xã hội, đặc biệt đối với những người có nhu cầu muốn trải nghiệm, khám phá vùng đất mới. Xã hội ngày càng phát triển đòi hỏi các ngành kinh tế đầu tư phát triển theo chiều sâu, đầu tư bằng chất xám – trí tuệ. Ngành du lịch sinh thái cũng vậy, nó ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm và được đặt trong sự phát triển hướng tới tính bền vững. Để đảm bảo tính bền vững, ngành du lịch sinh thái cần dựa trên sự phát triển cân bằng giữa kinh tế du lịch, đảm bảo yếu tố về môi trường và không tác động tiêu cực đến văn hóa - xã hội của địa phương, đang trở thành xu thế của thời đại.

Từ ngày 7 đến 9 - 9 -1999 các chuyên gia, các nhà khoa học quốc tế và Việt nam về DLST và các lĩnh vực liên quan, tổ chức Hội thảo quốc gia về xây dựng chiến lược phát triển DLST ở Việt Nam đã đưa ra định nghĩa về DLST ở Việt Nam: *"Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương*" [10, tr 9]. Khách du lịch tìm đến với loại hình DLST mục đích chính là tham quan tìm hiểu về tự nhiên cũng như những giá trị văn hóa truyền thống của vùng đất đó. Đồng thời hạn chế mức thấp nhất tác động đến môi trường tự nhiên và văn hóa – xã hội, có sự hỗ trợ của hoạt động bảo tồn. DLST phải bao gồm những hoạt động giáo dục và diễn giải về môi trường, tăng cường nhận thức của cả du khách và người dân địa phương về sự cần thiết phải bảo tồn các giá trị tự nhiên và văn hóa. Ngành này tạo ra những lợi ích kinh tế cho các tổ chức, chủ thể quản lý và đặc biệt cải thiện sinh kế cho cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch.

Đảo Bé là hòn đảo thuộc huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi còn giữ được vẻ đẹp hoang sơ. Ngoài ra, nó còn là địa bàn phân bố của một hệ thống di sản địa chất đa dạng và độc đáo, nước biển luôn trong xanh và một nền văn hóa biển đảo vẫn còn lưu giữ. Con người dựa vào thiên nhiên tạo ra sản vật hành, tỏi một trong những đặc sản thương hiệu nổi tiếng của tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 28/4/2007, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức lễ khai trương tuyến du lịch ra huyện đảo Lý Sơn, nhưng bắt đầu từ năm 2014 đến nay du lịch huyện Lý Sơn mới khởi sắc và bắt đầu phát triển trong đó có Đảo Bé. Ngành du lịch bước đầu phát triển cùng với hai nghề truyền thống nơi đây, góp phần vào sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tạo việc làm xóa đói giảm nghèo, nâng cao

chất lượng đời sống của người dân, góp phần bảo lưu gìn giữ các nét đẹp văn hóa của địa phương.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển du lịch tự phát, Đảo Bé đang đối diện nhiều vấn đề liên quan đến phát triển bền vững. Số lượng khách du lịch ngày càng tăng lên là niềm vui và thách thức lớn trong việc bảo tồn hệ sinh thái nơi đây, vấn đề môi trường, xử lý rác thải, đa dạng sinh học biển, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương… Chiếu vào nội dung định nghĩa DLST ở Việt Nam, Đảo Bé bước đầu phát triển du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa, có sự tham gia của cộng đồng địa phương. Nhưng nó còn thiếu một số yếu tố để có sự bền vững như yếu tố môi trường, tăng cường nhận thức của cả du khách và người dân địa phương về các hoạt động bảo tồn, sự tham gia tích cực hơn nữa của cộng đồng địa phương trong các hoạt động bảo tồn. Chính vì vậy, Đảo Bé đang vấp phải về vấn đề môi trường nước thải, rác thải, các hệ sinh thái đang bị xâm hại cả trên bờ lẫn dưới biển chưa được bảo tồn và chưa phát huy hiệu quả hết các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương…

Hiện nay, Đảo Bé đã có du lịch và khai thác các hoạt động dịch vụ du lịch từ những tháng cuối năm 2015, những năm trước đây lượng khách rất ít và chưa có các hoạt động dịch vụ du lịch. Nơi đây có đầy đủ tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái, nhưng hiện nay vẫn chưa có những giải pháp phát triển theo hướng bền vững, vậy làm thế nào có các giải pháp phù hợp để để phát triển du lịch sinh thái và tìm mô hình quản lý mới, ứng dụng trong phát triển du lịch sinh thái tại đảo Bé là vấn đề mà tác giả lựa chọn đề tài: **Phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Đảo Bé, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.**

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trên thế giới và Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về DLST của nhiều cá nhân và tập thể các tác giả đến từ các trường Đại học, các Viện nghiên cứu và các tổ chức trên thế giới.

<u>Trên thế giới:</u>

- Nhà nghiên cứu Hill (2011) *"Du lịch sinh thái ở khu vực Amazon Peru: sự kết hợp giữa du lịch, bảo tồn và phát triển cộng đồng"* [42]. Công trình nghiên cứu đã đề xuất một số nguyên tắc chủ yếu nhằm đạt được thành công trong quá trình phát triển ở khu vực rừng nhiệt đới. Các nguyên tắc đó là nâng cao năng lực cộng đồng thông qua tạo điều kiện cho họ tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái. Công tác trao đổi nhận thức giữa cộng đồng và người điều hành tour, đồng quản lý tài nguyên rừng, kết hợp đào tạo và du lịch, giảm thiểu của hoạt động du lịch tới môi trường và hệ sinh thái. Nghiên cứu này nhấn mạnh mối quan hệ giữa du lịch sinh thái, bảo tồn hệ sinh thái và phát triển cộng đồng.

- Samdin (2013) và đồng sự trong nghiên cứu *"Sự bền vững của tài nguyên du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Taman Negara: phương pháp định giá ngẫu nhiên"* [44]. Công trình đã đánh giá được giá trị kinh tế của tài nguyên du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Taman Negara. Nghiên cứu cũng đưa ra được khung mức bằng lòng chi trả cho dịch vụ du lịch sinh thái và kết luận rằng du khách bằng lòng chi trả mức phí vào cửa cao hơn so với mức phí hiện hành.

- Các nhà nghiên cứu Eagles P.F.J., McCool S. F. and Haynes C.D (2002) "*Du lịch bền vững tại các khu bảo tồn: Hướng dẫn kế hoạch và quản lý"* [41]. Mục đích chính của hướng dẫn này là để hỗ trợ các nhà quản lý khu bảo tồn và các bên liên quan trong việc lập kế hoạch và quản lý các khu bảo tồn, vui chơi giải trí cho du khách và các ngành công nghiệp du lịch. Du lịch mà có thể phát triển một cách bền vững thì cần tôn trọng các điều kiện địa phương và cộng đồng địa phương. Một thông điệp chính là tầm quan trọng của quản lý tài nguyên và du khách ngày nay, để du khách của ngày mai cũng có thể trải nghiệm các giá trị bảo tồn. Hướng dẫn này cũng có một số mục tiêu chi tiết như thảo luận về vai trò của quản lý du khách, các kỹ thuật kiểm soát và tác động giới hạn sử dụng của du khách được cung cấp theo mức quy định của điều kiện môi trường và xã hội.

Ở Việt Nam:

- PGS.TS Phạm Trung Lương (chủ biên) (2002*) "Du lịch sinh thái những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam"* [14]. Công trình làm rõ cơ sở lý luận về DLST, nêu ra tiềm năng và hiện trạng phát triển DLST ở Việt Nam, đồng thời đưa ra một số định hướng và giải pháp cơ bản để phát triển DLST ở Việt Nam.

- Nguyễn Đình Hòa (2006) "*Du lịch sinh thái – thực trạng và giải pháp để phát triển ở Việt Nam"* [9]. Tác giả đã phân tích điều kiện và giải pháp phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

- Nguyễn Thị Tú (2006) "*Những giải pháp phát triển du lịch sinh thái Việt Nam trong xu thế hội nhập"* [24]. Công trình nghiên cứu đã phân tích khá chi tiết điều kiện phát triển DLST và xu thế phát triển du lịch sinh thái Việt Nam trong xu thế hội nhập.

- GS - TSKH. Lê Huy Bá (2006) "*Du lịch sinh thái (Ecotourism)"* [2]. Công trình nghiên cứu giới thiệu về các quy luật tương tác giữa các thành phần môi trường trong một hệ sinh thái, tính đa dạng sinh học, diễn thế và sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng theo quy luật vận động và phát triển của DLST. Đồng thời, công trình còn giới thiệu cơ sở sinh thái môi truờng, sinh thái cảnh quan, cái hay, cái hấp dẫn của một số loại hình sinh thái đặc thù. Nghiên cứu còn bổ sung thêm khai thác nhằm phục vụ cho hướng dẫn DLST và bảo vệ môi trường mà trước hết là phát triển

loại hình DLST bền vững, tạo tay nghề cho hướng dẫn viên hay quy hoạch tiến tới thiết kế DLST cho một khu hay một tour DLST.

- Hội thảo *" xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển DLST tại Việt Nam"* diễn ra tháng 9/1999 được tổ chức với sự phối hợp của Tổng cục Du lịch Việt Nam, IUCN, ESCAP và tài trợ của tổ chức SIDA [23]. Tại hội thảo này có rất nhiều tham luận được đưa ra về những kinh nghiệm và thực tế phát triển DLST.

- Các luận văn nghiên cứu cũng đã đề cập đến phát triển du lịch ở Lý Sơn như: Đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ chuyên ngành kinh tế phát triển "*phát triển du lịch huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*" (2011) của tác giả Lê Văn Huy [12]. Luận văn thạc sĩ "*cơ sở khoa học cho định hướng phát triển kinh tế sinh thái tại đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*" (2012) của tác giả Lê Thị Hoa [8]…Nhìn chung các đề tài này đề cập nhiều khía cạnh, đưa ra các định hướng chung phát triển du lịch cho huyện Lý Sơn. Tuy nhiên cho đến nay, vẫn chưa có một đề tài nào nghiên cứu chuyên sâu về phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững tại đảo Bé của huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài

1**.** Nghiên cứu và làm rõ các cơ sở lý luận liên quan đến du lịch sinh thái và du lịch sinh thái bền vững.

2. Nghiên cứu các tài liệu thứ cấp để kế thừa các thông tin khoa học về môi trường, địa chất và sự đa dạng sinh học cả trên cạn lẫn dưới biển.

3. Điều tra phỏng vấn cộng đồng Đảo Bé nhằm thu thập các tài liệu sơ cấp về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể làm rõ các nội dung văn hóa trên đảo, các sinh kế truyền thống và các hoạt động dịch vụ du lịch tác động đến du lịch sinh thái trên đảo.

4. Nghiên cứu và tìm ra các giải pháp du lịch sinh thái (mô hình ứng dụng) trong phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Đảo Bé.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để thực hiện được các mục đích trên, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu các cơ sở lý luận về phát triển du lịch sinh thái, du lịch sinh thái bền vững.

2. Khảo sát, thu thập thông tin, phân tích và xử lý số liệu:

+ Tìm hiểu và kế thừa tài liệu thứ cấp liên quan đến văn hóa, địa chất và sự đa dạng sinh học cả trên cạn lẫn dưới biển.

+ Sử dụng các phương pháp điều tra thu thập các nội dung về các sinh kế truyền thống và các hoạt động dịch vụ du lịch.

+ Tìm hiểu thực trạng về môi trường rác thải và nước thải.

3. Sau khi tổng hợp thông tin, đánh giá cụ thể từng đối tượng từ đó đề xuất định hướng các giải pháp phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững trong thời gian tới tại đảo.

4. Du lịch sinh thái là tổng hợp của nhiều lĩnh vực, nghiên cứu và đề xuất ứng dụng mô hình quản lý 5 nhà: doanh nghiệp bảo tồn (điều phối), nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp truyền thống và nhà dân trong công tác bảo tồn và làm du lịch sinh thái, hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái cộng đồng theo hướng bền vững.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu*:* Đối tượng nghiên cứu chính là các hoạt động dịch vụ du lịch được tổ chức tại Đảo Bé. Ngoài ra, tác giả còn nghiên cứu và kế thừa những nội dung như môi trường, văn hóa – xã hội, địa chất, đa dạng sinh học cả trên cạn lẫn dưới nước trong công tác bảo tồn và sinh kế. Tác giả không nghiên cứu chuyên sâu từng lĩnh vực chỉ nghiên cứu những nội dung cơ bản nhằm phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững. Bởi vì, du lịch là một ngành tổng hợp của nhiều lĩnh vực có liên quan mật thiết với nhau trong qúa trình hoạt động bảo tồn và phát triển.

4.2. Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi nghiên cứu của luận văn được giới hạn trong không gian thuộc khu vực Đảo Bé và các vùng lân cận có ảnh hưởng đến đề tài.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài này tác giả muốn nghiên cứu và làm rõ các nội dung lý luận về du lịch sinh thái, các nguyên tắc, điều kiện để phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững. Thông qua việc phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động dịch vụ du lịch và sinh kế của cộng đồng địa phương tác động đến môi trường, địa chất, văn hóa, kinh tế - xã hội, nhằm đưa ra định hướng phát triển du lịch. Đồng thời, tác giả nghiên cứu tìm ra mô hình mới với các giải pháp nhiệm vụ và quyền lợi giữa các bên liên quan doanh nghiệp bảo tồn, doanh nghiệp truyền thống, nhà khoa học, nhà nước và cộng đồng người dân địa phương.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Chuyên ngành Việt Nam học lấy con người chủ thể làm trung tâm, Việt Nam học có liên quan tới hầu hết các lĩnh vực của khoa học xã hội và nhân văn, với đặc trưng cao nhất là văn hóa, kinh tế, xã hội theo cách tiếp cận tổng hợp. Trong quá trình nghiên cứu tác giả đã vận dụng những kiến thức và phương pháp của nhiều ngành khoa học khác nhau như văn hóa học, địa chất học, sinh thái học, xã hội học, kinh tế học, du lịch học… để làm sáng tỏ trong quá trình nghiên cứu đề tài. Đề tài lấy cộng đồng Đảo Bé là chủ thể trung tâm và vận dụng kiến thức và phương pháp

của các ngành trên để tìm giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững cho địa phương.

5.2.2. Phương pháp thực địa - điền dã

Tác giả đã tiến hành đi thực địa, điền dã để thực hiện các thao tác quan sát, ghi chép, chụp ảnh, phỏng vấn lấy những thông tin khoa học cần thiết cho công trình nghiên cứu. Những việc làm đó tác giả thực hiện tại nhà dân, ở các hàng quán người dân địa phương kinh doanh. Phỏng vấn 28 người đại diện cho 28 hộ gia đình khai thác hải sản tại Đảo Bé, 11 chủ các hàng quán, 3 người bán hàng đặc sản, 2 chủ nhà nghỉ và 5 người dân làm homestay, 13 lái xe điện đưa du khách tham quan quanh đảo, 5 thành viên trong đội đưa du khách lặn ngắm san hô được thực hiện nhiều đợt trong 2 năm 2016 và 2017. Và 30 phiếu phỏng vấn về vai trò của công tác bảo tồn và các hoạt động bảo vệ môi trường với người dân địa phương.

5.2.3. Phương pháp tiếp cận ABCD (Assets-Based Community Development)

Phát triển cộng đồng dựa vào nguồn lực địa phương. Mục đích của phương pháp này tìm ra những tài sản mà cộng đồng địa phương có sẵn, và đây là tài sản quý giá mà cộng đồng địa phương đồng hành cùng với nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp trong quá trình bảo tồn và phát triển du lịch sinh thái. Các nguồn lực của cộng đồng Đảo Bé đang sở hữu là các giá trị di sản địa chất độc đáo – di sản địa chất núi lửa biển, cát trắng san hô, làn nước trong vắt, các giá trị văn hóa truyền thống địa phương, hệ sinh thái đa dạng cả trên bờ và dưới biển…

5.2.4. ***Phương pháp điều tra xã hội học***

Đối tượng điều tra bằng bảng hỏi bao gồm:

- Các hộ dân địa phương tại Đảo Bé: Điều tra về các thông tin hộ gia đình, sinh kế truyền thống và hoạt động dịch vụ du lịch 74 phiếu được triển khai nghiên cứu vào năm 2016. Các hộ dân mong muốn làm homestay trên đảo là 39 phiếu. Các hoạt động điều tra phỏng vấn tiến hành nhiều đợt trong 2 năm 2016 và 2017.
- Khách du lịch đến thăm quan Đảo Bé: 49 phiếu phỏng vấn du khách với các thông tin: kênh thông tin biết Đảo Bé, hài lòng và không hài lòng về chất lượng sản phẩm du lịch và dịch vụ trên đảo. Đề xuất, đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng cả sản phẩm du lịch và dịch vụ trên đảo.
- Bên cạnh đó, tác giả còn điều tra phỏng vấn trực tiếp người dân và du khách bằng những câu hỏi chuyên sâu để làm rõ nội dung vấn đề cần hỏi.

5.2.5. ***Phương pháp thu thập, phân tích và xử lý số liệu***

1. Phương pháp thu thập dữ liệu

• Thu thập dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp là nguồn thông tin được thu thập từ các đề tài nghiên cứu, báo cáo, tổng kết, đánh giá của các nhà khoa học, sở, ban ngành, địa phương, sách báo

và các phương tiện truyền thông, internet về vấn đề liên quan đến DLST, Văn hóa, Địa chất, đa dạng sinh thái biển ở trong nước và thế giới.

• Thu thập dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu sơ cấp là các thông tin, số liệu thu thập được trong quá trình triển khai nghiên cứu, đi thực tế, thu thập thông tin, số liệu từ cộng đồng địa phương và du khách cụ thể:

- Phỏng vấn người dân để thu thập thông tin về các hoạt động sinh kế truyền thống và các hoạt động dịch vụ du lịch, môi trường, công tác bảo tồn.

- Phỏng vấn du khách thu thập thông tin về chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch, những điều hài lòng, chưa hài lòng, đề xuất và đóng góp các ý kiến.

2. Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu

Quan sát, mô tả và thống kê các số liệu thô về các sinh kế truyền thống, các hoạt động dịch vụ du lịch, doanh thu, lượt khách, môi trường… sau đó xử lý số liệu bằng các bảng, biểu đồ với phần mềm Excel.

5.2.6. ***Phương pháp phân tích SWOT (Strengths, Weaknesses, Opportunities, Threats)***

Đây là phương pháp phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức. Từ thực tiễn phát triển du lịch của Đảo Bé, luận văn vận dụng phương pháp phân tích SWOT nhằm tạo cơ sở cho việc đề xuất các định hướng phát triển. Trong đó, điểm mạnh là sở hữu các giá trị di sản mà hiếm nơi nào có được. Điểm yếu là hiện nay các di sản đang có dấu hiệu bị xâm hại và chưa có mô hình quản lý hiệu quả. Cơ hội của Đảo Bé là điểm đến du lịch hấp dẫn và đang nằm trong vùng lõi của Công viên địa chất Lý Sơn, sẽ có nhiều cơ chế, kế hoạch hỗ trợ phát triển bền vững. Thách thức là hiện nay một bộ phận quản lý quản lý nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Quảng Ngãi vẫn chưa hiểu hết các giá trị công tác bảo tồn trong phát triển du lịch sinh thái bền vững.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn luận văn

6.1. Về lý luận

Luận văn khái quát cụ thể về du lịch sinh thái, đặc biệt là phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững cho Đảo Bé với các giải pháp phát triển DLST mà đó là mô hình 5 nhà tại hòn đảo tiền tiêu của tổ quốc.

6.2. Về thực tiễn

- Luận văn phân tích sự phát triển du lịch sinh thái hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, văn hóa - xã hội và đảm bảo yếu tố môi trường. Đảo Bé phải phát triển theo loại hình du lịch sinh thái, cân bằng giữa các yếu tố trên.

- Trên cơ sở phân tích, tổng hợp các dữ liệu từ đó đưa ra và đề xuất xây dựng chương trình phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững dựa trên công tác bảo

tồn, trong đó nhấn mạnh vai trò của yếu tố cộng đồng là chủ thể, trong định hướng phát triển bền vững tại đây.

- Tìm ra các giải pháp phát triển DLST mà đó là một mô hình mới 5 nhà: Nhà bảo tồn (điều phối), nhà nước, nhà khoa học, nhà dân và nhà doanh nghiệp truyền thống mỗi nhà với vai trò và lợi ích riêng không chồng chéo lên nhau, cùng nhau phát triển. Mô hình quản lý này có nhiều ưu việt cho việc ứng dụng trong công tác bảo tồn gắn liền với phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Đảo Bé.

- Kết quả của công trình nghiên cứu là tài liệu tham khảo phục vụ cho dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại Đảo Bé.

- Ngoài ra, kết quả nghiên cứu có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên và những người nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực du lịch sinh thái.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Tổng quan cơ sở lý luận về phát triển du lịch sinh thái và địa bàn nghiên cứu

Chương 2. Thực trạng phát triển du lịch tại Đảo Bé

Chương 3. Một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Đảo Bé

Chương 1
TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Khái niệm về du lịch sinh thái bền vững

1.1.1. Khái niệm về du lịch bền vững

Khái niệm phát triển bền vững (sustainable development) ra đời rất muộn, lần đầu tiên xuất hiện trong báo cáo "tương lai của chúng ta" của Ủy ban môi trường và phát triển ngân hàng thế giới (WB), vào năm 1987.

Trong phát triển bền vững, điều cần chú ý nhất là thỏa mãn các nhu cầu hiện tại và không làm tổn hại đến sự thỏa mãn các nhu cầu trong tương lai, đảm bảo sử dụng đúng mức và ổn định tài nguyên thiên nhiên, môi trường sống. Nhờ vậy, phát triển bền vững không chỉ là phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội một cách bền vững nhờ khoa học công nghệ tiên tiến mà còn phải đảm bảo những điều kiện môi trường thiết yếu cho con người đang tồn tại và cho các thế hệ sẽ tồn tại (những người đang sống và những người sẽ sống) [2, tr. 84].

Theo Hội đồng Du lịch Lữ hành Thế giới (WTTC) và Tổ chức Du lịch Thế giới của du khách và của những điểm đến mà vẫn bảo đảm và cải thiện nguồn lực cho tương lai. Du lịch bền vững dẫn tới một phương thức quản lý tất cả các nguồn lực sao cho thỏa mãn nhu cầu kinh tế, xã hội, thẩm mỹ và vẫn giữ gìn được sự trọn vẹn của văn hóa và môi trường sống.

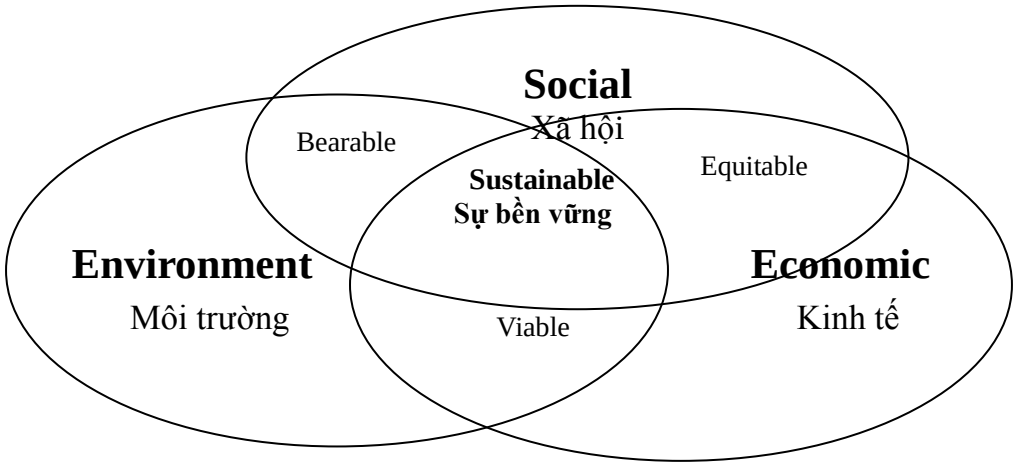

Sơ đồ 1.1: Sự tiếp cận phát triển bền vững là nền tảng của Du lịch sinh thái (UNWTO, 2009) [10, tr. 7]

Tiếp cận phát triển bền vững là nền tảng của DLST. Du lịch bền vững là sự lựa chọn đúng đắn của ngành du lịch trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nó thỏa mãn được những vấn đề cơ bản từ phát triển kinh tế, xã hội công bằng, đến môi trường cải thiện.

1.1.2. Khái niệm về du lịch sinh thái

Mặc dù cũng lấy các hệ sinh thái tự nhiên làm đối tượng nhưng du lịch sinh thái hoàn toàn không đồng nghĩa với du lịch thiên nhiên hay du lịch xanh như nhiều người lầm tưởng. Nói đến du lịch thiên nhiên hay du lịch xanh mới chỉ là nói đến đối tượng du lịch, cũng tương tự như ta nói về du lịch văn hóa, du lịch lễ hội hay du lịch biển… Các loại hình du lịch đó, có thể được tiến hành theo phương thức thương mại không bền vững.

Du lịch sinh thái phải được tiến hành trên các vùng sinh thái còn khá nguyên vẹn theo phương thức của du lịch bền vững.

Cho đến nay, các nhà nghiên cứu du lịch sinh thái trên Thế giới và Việt Nam đã đưa ra nhiều khái niệm về du lịch sinh thái:

- "*Du lịch sinh thái là lữ hành có trách nhiệm tới các khu thiên nhiên, bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho nhân dân địa phương*".

(Hiệp hội Du lịch sinh thái Anh – Lindberg, K. và D.E Hawkins, 1993)

- "*Du lịch sinh thái là hình thức du lịch thiên nhiên có mức độ giáo dục cao về sinh thái và môi trường, có tác động tích cực đến việc bảo vệ môi trường và văn hóa, đảm bảo mang lại các lợi ích về tài chính cho cộng động địa phương và có đóng góp cho các nỗ lực bảo tồn*".

(Phạm Trung Lương và Nguyễn Tài Cung, 1998 – Viện NC và PTDL)

- "*Du lịch sinh thái là du lịch vào những khu tự nhiên hầu như không bị ô nhiễm hoặc ít bị xáo trộn với các mục tiêu đặc biệt: nghiên cứu, thưởng ngoạn, trân trọng phong cảnh và muôn thú hoang dã và các biểu thị văn hóa được khám phá trong các khu vực này*".

(Cebllos-Lascurain, H., 1987, theo L. Hens, 1998)

- "*Chỉ có du lịch tự nhiên được quản lý bền vững, hỗ trợ cho sự bảo tồn và được giáo dục về môi trường mới được coi là du lịch sinh thái và du lịch sinh thái được coi là đồng nghĩa với du lịch tự nhiên đích thực*".

(Boo, 1990, theo L. Hens, 1998)

- "*Du lịch sinh thái là du lịch tại các vùng còn chưa bị con người làm biến đổi. Nó phải đóng góp vào bảo tồn thiên nhiên và phúc lợi của dân địa phương*".

(Hội DLST Hoa Kỳ, theo L. Hens, 1998) [11, tr.139, tr.140].

Ở Việt Nam, trong lần hội thảo về "Xây dựng chiến lược phát triển DLST ở Việt Nam" từ 7/9/1999 đến 9/9/1999 đã đưa ra định nghĩa về DLST là: "*DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương*".

Tuy có nhiều cách phát biểu khách nhau như đã thấy ở trên, nhưng chung quy lại du lịch sinh thái là loại hình du lịch:

- Tại các vùng thiên nhiên còn hoang sơ,
- Phải đóng góp vào bảo tồn thiên nhiên (tại vùng đó)
- Phải đóng góp vào phúc lợi của cộng đồng địa phương.

Theo Hens, L. (1998) [11, tr.141] xác định các đặc trưng của DLST như sau:

- Mục tiêu là quan sát thiên nhiên,
- Nơi tiến hành: chủ yếu ở các nước đang phát triển (còn nhiều diện tích tự nhiên hoang sơ),
- Khách hàng: chủ yếu ở Bắc Mỹ và Châu Âu (là loại du khách có tiền, có trình độ nhận thức và thẩm mỹ phù hợp).
- Hợp tác thực hiện giữa các đối tác: điều hành tour, đại lý du lịch ở quốc gia có vùng DLST, cộng đồng địa phương, quản lý các khu bảo tồn, các tổ chức môi trường, giới khoa học.

Như vậy, có thể thấy du lịch sinh thái tại các Vườn quốc gia và Khu bảo tồn thiên nhiên là loại hình phổ biến nhất, nhưng không phải là toàn bộ hoạt động du lịch sinh thái.

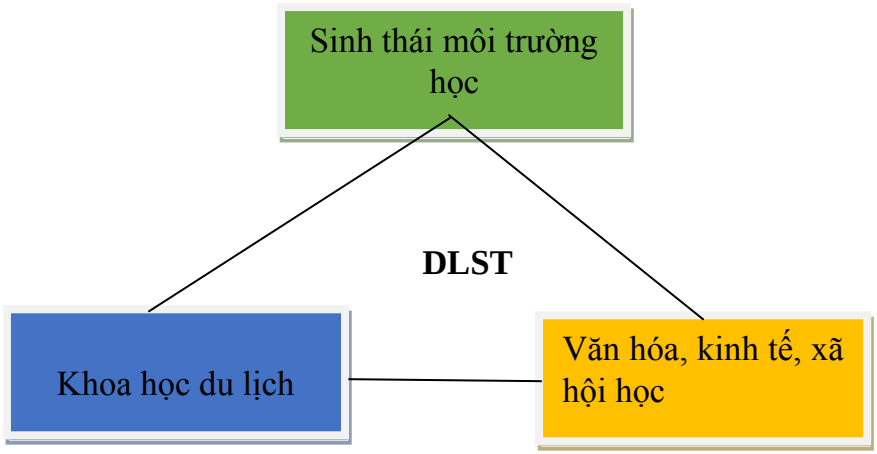

Sơ đồ 1.2: Du lịch sinh thái là kết tinh của khoa học, du lịch, văn hóa, kinh tế, xã hội và hệ sinh thái môi trường học (Lê Huy Bá, 2006) [2, tr. 85]

Du lịch sinh thái là sự kết tinh hài hòa của các lĩnh vực khác nhau từ môi trường sinh thái, khoa học, du lịch, văn hóa, kinh tế, xã hội. Các lĩnh vực hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ và có mối quan hệ tương tác với nhau và cùng nhau phát triển.

1.1.3. Khái niệm về du lịch sinh thái bền vững

"*DLST bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi đó vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên và phát triển du lịch trong tương lai*" [2, tr.86]. Du lịch bền vững là phải đưa ra và thực hiện các kế hoạch quản lí các nguồn tài nguyên nhằm thỏa mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội và thẩm mỹ của con người. Đồng thời, chúng ta phải nỗ lực và duy trì được sự toàn vẹn về mặt xã hội,

sự đa dạng về sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho con người.

Phát triển DLST bền vững không những đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững mà còn làm giảm tối thiểu các tác động của khách du lịch đến văn hóa và môi trường, đảm bảo cho cộng đồng địa phương được hưởng nguồn lợi tài nguyên, do du lịch mang lại và cần chú trọng đến những đóng góp tài chính cho việc bảo tồn tài nguyên. Phát triển DLST bền vững cần có sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường trong khuôn khổ các nguyên tắc và các giá trị đạo đức (Allen K., 1993).

Theo đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu về du lịch sinh thái, muốn cho ngành du lịch sinh thái thật sự có thể phát triển bền vững cần phải dựa vào 3 yếu tố sau đây:

- Thứ nhất là thị trường thế giới về những điểm du lịch mới và các sản phẩm du lịch ngày càng gia tăng,
- Thứ hai là phát triển phải coi trọng việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên,
- Thứ ba là du lịch trực tiếp mang lại nhiều lợi ích về kinh tế và cải thiện phúc lợi cho các cộng đồng [2, tr.86].

Trong sự phát triển của ngành công nghiệp du lịch hiện nay, cả ba nhân tố trên gắn bó chặt chẽ với nhau, để cho người ta nhận biết như một ngành DLST, đảm bảo môi trường và cảnh quan cho mọi điểm du lịch. Chính vì thế, các chuyên gia du lịch sinh thái đầu ngành đã luôn khẳng định rằng "cần chú ý sự tập trung vào du lịch bền vững cùng với vai trò của nó trong sự phát triển cộng đồng địa phương và bảo tồn là vô cùng quan trọng". Vì nếu chỉ riêng phát triển du lịch không thôi thì không phải là sự phát triển bền vững, vấn đề đặt ra là sự phát triển bền vững ấy bằng cách nào và cho ai?

Như chúng ta đã biết, du lịch dựa trên cơ sở khai thác các lợi thế từ tự nhiên ban tặng là hình thức phát triển du lịch nhanh nhất trên thế giới. Trong bối cảnh hiện nay, những nước nào biết kết hợp giữa phát triển du lịch, bảo vệ môi trường tự nhiên và bảo vệ quyền lợi của cộng đồng địa phương sẽ là những nước thu được nhiều lợi ích nhất trong hoạt động du lịch. Việt Nam có nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá và nền văn hóa dân tộc hội đủ điều kiện để phát triển du lịch, song song với quá trình phát triển cần phải luôn luôn nhấn mạnh đến yếu tố bền vững theo nguyên tắc phù hợp với DLST, tức là phát triển du lịch theo hướng đẩy mạnh việc giữ gìn môi trường tự nhiên với đảm bảo lợi ích cộng đồng dân cư địa phương trong vùng.

1.2. Các nguyên tắc du lịch sinh thái bền vững

1.2.1. Cơ sở những nguyên tắc của du lịch sinh thái bền vững

Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của du khách, giảm thiểu các tác động lên môi trường sinh thái, văn hóa – xã hội và đem lại phúc lợi cho cộng đồng địa phương tham gia phát triển du lịch, DLST lấy một số cơ sở sau để phát triển:

- Tìm hiểu và bảo tồn các giá trị thiên nhiên, văn hóa, lịch sử, …

- Giáo dục cho cộng đồng địa phương biết được tầm vai vai trò quan trọng của các giá trị trên,

- Giáo dục vấn đề môi trường cho cả cộng đồng địa phương và du khách,

- Phải có tổ chức về nghiệp vụ du lịch, hỗ trợ và nâng cao năng lực nghiệp vụ du lịch cho cộng đồng địa phương hạn chế tới mức thấp nhất đối với môi trường.

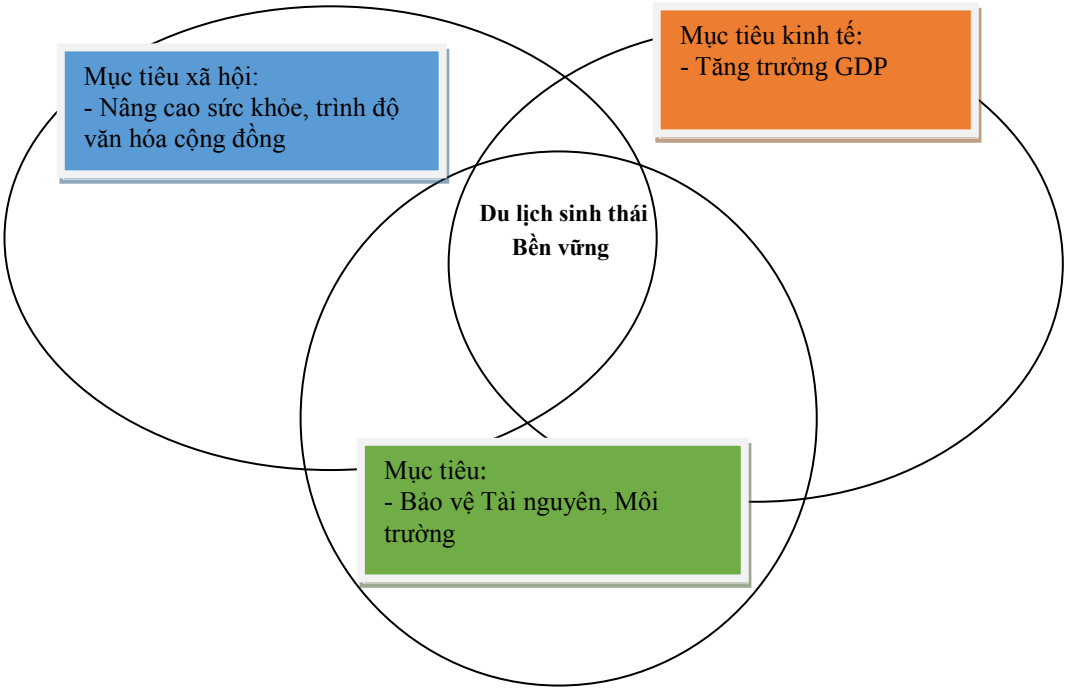

Sơ đồ 1.3: Phát triển DLST bền vững phải đảm bảo phát triển cân bằng cả 3 mục tiêu liên quan (Lê Huy Bá, 2006) [2, tr. 87]

1.2.2. Những nguyên tắc của du lịch sinh thái bền vững

1. Sử dụng tài nguyên một cách bền vững: bao gồm cả tài nguyên thiên nhiên, xã hội và văn hóa. Việc sử dụng bền vững tài nguyên là nền tảng cơ bản nhất của việc phát triển lâu dài.

2. Giảm tiêu thụ qua mức và xả thải, nhằm giảm chi phí khôi phục các suy thoái môi trường, đồng thời cũng góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ.

3. Duy trì tính đa dạng: Duy trì và phát triển tính đa dạng của tự nhiên, xã hội và văn hóa là rất quan trọng đối với du lịch bền vững, tạo ra sức bật (resilient) cho ngành du lịch.

4. Lồng ghép du lịch vào trong quy hoạch phát triển địa phương và quốc gia.

5. Hỗ trợ nền kinh tế địa phương. Du lịch phải hỗ trợ các hoạt động kinh tế địa phương, phải tính toán chi phí môi trường vừa để bảo vệ kinh tế bản địa cũng như tránh gây hại cho môi trường.

6. Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương. Điều này không chỉ đem lại lợi ích cho cộng đồng, cho môi trường mà còn tăng cường đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của du khách.
7. Sự tư vấn của nhóm quyền lợi (Stakeholders) và công chúng. Tư vấn giữa công nghiệp du lịch và cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan là đảm bảo cho sự hợp tác lâu dài cũng như giải quyết các xung đột có thể nảy sinh.
8. Đào tạo cán bộ kinh doanh du lịch nhằm thực thi các sáng kiến và giải pháp du lịch bền vững, nhằm cải thiện chất lượng các sản phẩm du lịch.
9. Marketing du lịch một cách có trách nhiệm. Phải cung cấp cho du khách những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm nhằm nâng cao sự tôn trọng của du khách đến môi trường tự nhiên, xã hội và văn hóa khu du lịch, qua đó góp phần thỏa mãn nhu cầu của du khách.
10. Triển khai các nghiên cứu, nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề, mang lại lợi ích cho khu du lịch, cho nhà kinh doanh du lịch và cho du khách.

Nguồn: IUCN, 1998 [11, tr.65]

Bên cạnh những nguyên tắc trên để phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững thì cần phải bổ sung thêm một số nguyên tắc:
11. Hòa nhập với thiên nhiên

Mục tiêu của du khách là đến với thiên nhiên còn hoang sơ, để được quan sát chiêm ngưỡng, nghiên cứu những điều thú vị của tự nhiên.Vì thế, mọi sự việc can thiệp thô bạo vào tự nhiên là điều cấm kỵ. Những việc thô bạo như là: Săn bắt, đốt phá, xả thải, gây tiếng ồn, giết chết động vật, làm biến đổi cảnh quan môi trường do xây dựng các công trình lớn. Du khách phải hòa mình vào với thiên nhiên, yêu thiên nhiên và tôn trọng thiên nhiên. “Ngoài dấu chân, không để lại dấu vết gì”, có lẽ đó là yêu cầu chính đáng đối với du khách. Du lịch sinh thái lấy bảo tồn là hàng đầu, du lịch chỉ là thứ yếu hỗ trợ cho bảo tồn.
12. Nhỏ là đẹp

“Nhỏ là đẹp” cũng có nghĩa là từ từ, dần dần. Những quá trình sinh thái được sử dụng làm đối tượng du lịch nhiều khi còn chưa được hiểu biết kỹ lưỡng, việc sử dụng và khai thác cho du lịch sinh thái được triển khai từ từ tạo khả năng cho việc tự điều chỉnh.

Các khu du lịch sinh thái không chấp nhận sự ồn ào và cần không gian yên tĩnh. Chính vì thế, các phương tiện không được đi sâu vào khu du lịch sinh thái. Cần xác định đúng “khả năng tải” sinh thái và có biện pháp điều tiết lượng khách cho phù hợp. Du khách có thể được chia thành từng nhóm nhỏ, xen kẽ các kỳ đón du khách với các kỳ đóng cửa hoàn toàn điểm du lịch để tái thiết trật tự của đời sống hoang dã.
13. Trách nhiệm của du lịch sinh thái là phải bảo tồn hệ tự nhiên

Trong du lịch sinh thái bảo tồn là chính yếu còn phát triển du lịch là thứ yếu, hỗ trợ cho công tác bảo tồn. Bảo tồn quan trọng hơn doanh thu du lịch và thỏa mãn nhu cầu của du khách. Một phần thích đáng thu nhập từ du lịch phải sử dụng trực tiếp vào hoạt động bảo tồn tự nhiên. Thậm chí du khách phải trả phí tham quan khá cao. Tuy nhiên, kinh phí dành cho bảo tồn chỉ là một mặt, mặt khác còn quan trọng hơn là đối với du lịch sinh thái, du lịch là hoạt động trợ giúp cho bảo tồn và phải tuân theo quy luật và nhu cầu của bảo tồn.

14. Trách nhiệm của du lịch sinh thái còn là đóng góp vào phúc lợi của cộng đồng địa phương như là một sự đầu tư gián tiếp cho bảo tồn. Phúc lợi được sử dụng cho phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ y tế, giáo dục… Phúc lợi này phải xứng đáng để thuyết phục cộng đồng địa phương rằng, bảo vệ thiên nhiên cho du lịch sinh thái có lợi hơn là khai thác phá hủy nó. [11, tr. 142, tr.143]

Với các nguyên tắc đặc thù trên của DLST bền vững, khiến cho phát triển du lịch loại hình này là một lĩnh vực khó khăn, tốn kém. Điều đó cùng với nhu cầu cao của du khách đã biến DLST thành loại hình du lịch trí thức. Loại hình du lịch này cũng kén các du khách cuả riêng nó.

1.3. Các yếu tố đảm bảo thành công cho du lịch sinh thái bền vững

1. Thiết lập qui định về DLST quốc gia để xây dựng chiến lược DLST quốc gia.
2. Tạo môi trường để thiết lập các tổ chức quần chúng và tư nhân về DLST.
3. Sử dụng các công cụ kinh tế thị trường: lệ phí tham quan, xử phạt, quyền sở hữu và sử dụng…
4. Bắt đầu quy mô nhỏ và từ từ.
5. Đầu tư vào giáo dục và đào tạo cho du khách, nâng cao nhận thức và kỹ năng cho cán bộ điều hành hướng dẫn, quản lý DLST, nhân viên bảo vệ và viên chức chính quyền địa phương.
6. Tối đa hóa lợi nhuận cho việc bảo tồn và phát triển kinh tế địa phương.
7. Tối đa hóa việc sử dụng các sản phẩm và vật liệu địa phương.
8. Tập trung vào xử lý chất thải, tái chế phế liệu.
9. Thường xuyên kiểm soát, đánh giá và bổ sung kế hoạch quản lý. [11, tr.144]

1.4. Các tiêu chuẩn đánh giá du lịch sinh thái bền vững

Cơ sở để đánh giá sự phát triển bền vững của một chủ thể du lịch là những tiêu chuẩn hoặc yếu tố được dùng để đánh giá quá trình hoạt động, để so sánh về mặt không gian và thời gian ở phạm vi vĩ mô hoặc vi mô của nền kinh tế xã hội. Các nhóm tiêu chuẩn hoặc yếu tố dùng làm cơ sở để đánh giá sự phát triển DLST theo hướng bền vững bao gồm 3 tiêu chuẩn như sau:

1.4.1. Tiêu chuẩn về kinh tế

- Mức tăng trưởng kinh tế do quá trình phát triển đem lại.

- Mức đóng góp cho phát triển kinh tế địa phương.
- Sự phát triển phù hợp với mục tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của quốc gia và địa phương.

Tiêu chuẩn bền vững về mặt kinh tế là phát triển kinh tế ổn định tăng đều qua các năm. Tốc độ tăng trưởng đóng góp vào sự phát triển kinh tế và duy trì mức thu nhập hợp lý cho cộng đồng địa phương.

1.4.2. Tiêu chuẩn về xã hội và con người

- Sự khai thác hợp lý các giá trị văn hóa xã hội.
- Giáo dục, xây dựng, phục hồi và phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc.
- Sự hưởng thụ về văn hóa, mức sống và sinh hoạt của cộng đồng được cải thiện.

Lồng ghép các giá trị văn hóa lịch sử địa phương vào trong quá trình phát triển du lịch. Du lịch mang về một nguồn thu nhất định và tiếp tục tái đầu tư vào công tác xây dựng phục hồi và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Đồng thời tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương hưởng thụ về văn hóa và cuộc sống được cải thiện ở mức cao hơn nhờ tham gia vào hoạt động du lịch.

1.4.3. Tiêu chuẩn về môi trường

- Mức độ khai thác và bảo vệ tài nguyên.
- Sức chứa của các điểm DLST, mật độ phát triển cho phép.
- Quản lý môi trường của những hoạt động phát triển, quản lý chất thải.
- Bảo vệ ĐDSH và HST bằng việc giáo dục nâng cao nhận thức tôn trọng, bảo vệ và phục hồi HST cho các địa phương tham gia vào hoạt động phát triển.[10, tr. 16, tr.17]

Môi trường là các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo, lý học, hóa học, sinh học cùng tồn tại trong một không gian bao quanh con người. Các yếu tố đó có quan hệ mật thiết, tương tác lẫn nhau và tác động lên cá thể sinh vật hay con người để cùng tồn tại và phát triển. Vì thế, du lịch phát triển nên khai thác trong một giới hạn nhất định và bảo vệ lấy tài nguyên. Tự nhiên cũng có một giới hạn khả năng nhất định, nếu chúng ta khai thác quá mức thì dẫn đến suy thoái. Chính vì vậy, du lịch muốn phát triển bền vững phải tính đến "sức chứa" của môi trường tự nhiên. Một điều quan trọng là phải giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương và du khách tham gia hoạt động du lịch, nhằm bảo vệ ĐDSH và HST.

1.5. Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái của một số quốc gia, địa phương và bài học vận dụng cho Việt Nam nói chung và đảo Bé nói riêng

1.5.1. Du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Galapagos và một số bài học kinh nghiệm

Quần đảo Galapagos là một tập hợp quần đảo, gồm 13 đảo chính, 6 đảo nhỏ và 107 khối đá nằm ở phía tây ngoài khơi bờ biển Ecuador, thuộc Thái Bình Dương, có tổng diện tích 8010 km^2. Quần đảo Galapagos là một tỉnh của Ecuador, đồng thời

cũng nằm trong hệ thống khu bảo tồn quốc gia của nước này. Quần đảo được hình thành từ các đợt phun trào núi lửa, nổi tiếng các loài sinh vật đặc hữu và vô cùng phong phú.

Vườn quốc gia Galapagos nổi tiếng thế giới về sự độc đáo và đa dạng của các loài động thực vật. Các loài đó chẳng hạn như: hải cẩu, chim hải âu lớn, rùa biển, kỳ đà biển, cá mập, sư tử biển, hướng dương và xương rồng khổng lồ… Đây là những sản phẩm du lịch rất quý và đầy giá trị, đồng thời sự mạnh dạn của thế giới động vật trong giao tiếp với con người, điều này giúp cho Galapagos trở thành thiên đường du lịch của thế giới.

Mặc dù sinh thái đa dạng như vậy, nhưng cũng có những lúc hệ sinh thái cũng bị suy thái bởi những nguyên nhân như: khai thác nguồn lợi biển quá mức từ người dân trên đảo đe dọa các loài như cá mập, tôm hùm, hải sâm…. Dân số tăng quá nhanh, tốc độ gia tăng bình quân luôn trên 4,5% (Silvia Benitez P. và cộng sự 2001), gây sức ép lên môi trường và tài nguyên biển đảo. Du khách tăng nhanh kéo theo sự gia tăng của cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật bằng cách tăng hệ thống nhà hàng, khách sạn làm cho diện tích rừng bị thu hẹp và nhiều loài cây bị đốn.

Sự tác động của cư dân địa phương đã làm suy giảm sự đa dạng sinh học, ảnh hưởng đến tài nguyên du lịch. Trong quá trình phát triển du lịch, thiếu quản lý hướng dẫn nghiêm ngặt cũng ảnh hưởng đến tính hoang sơ trên đảo. Vườn quốc gia Galapagos đứng trước sự suy thái đa dạng sinh học, đã chuyển hướng sang quản lý chặt chẽ hơn:

- Các tàu chở khách tham quan bắt buộc phải có hướng dẫn viên được đào tạo về du lịch sinh thái và được cấp giấy phép để hành nghề.
- Thay vì mở rộng các con đường lớn, thì nơi đây được hình thành các con đường mòn thiên nhiên trên đảo để phục vụ nhu cầu tham quan của du khách.
- Du khách không được sử dụng điện thoại di động và hút thuốc trên đảo.
- Các loại rác, chai lọ không được vứt xuống biển mà phải được sắp xếp ở những nơi qui định.
- Du khách sẽ bị hạn chế tiếp xúc hay xua đuổi động vật trong thời gian làm tổ hoặc nghỉ ngơi.
- Nhiều khẩu hiệu được thiết lập ở vườn quốc gia như: Không lấy gì ngoài những bức ảnh, không để lại gì ngoài những dấu chân, không làm hại đến động vật hoang dã, bỏ rác đúng nơi qui định.
- Vườn quốc gia có thu phí vào cổng, có sự phân biệt giữa giá khách nội địa và khách quốc tế.
- Các tàu phải báo cáo số lượng du khách cho mỗi chuyến tham quan.

- Cơ chế phân chia lợi nhuận từ du lịch cho các thành phần khác nhau: 40% cho vườn quốc gia, 20% cho khu vực tự trị Galapagos, 10% cho chính quyền địa phương tỉnh, 10% cho viện quốc gia Galapagos, 5% cho Bộ môi trường, 5% cho Hải quân quốc gia, 5% cho hệ thống kiểm dịch và điều khiển, 5% cho khu bảo tồn biển (Silvia Benitez P. và cộng sự, 2001). [18]

- Cộng đồng địa phương được tạo điều kiện tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch như: cung cấp dịch vụ ăn uống, lưu trú, tham quan, làm hướng dẫn viên, bán hàng lưu niệm… nhờ vậy mà người dân không làm hại đến môi trường và cùng chung tay bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.

Vườn quốc gia Galapagos có hệ sinh thái phong phú và đa dạng, cùng những chính sách quản lý du lịch sinh thái chặt chẽ, đã tạo nơi đây trở thành một điểm du lịch sinh thái nổi tiếng trên thế giới. Nó không chỉ nổi tiếng về thế giới sinh vật độc lạ mà còn cách làm du lịch ở đây.

1.5.2. Kinh nghiệm mô hình dán nhãn cua đá Cù Lao Chàm

Cù Lao Chàm là một cụm đảo, về mặt hành chính trực thuộc xã đảo Tân Hiệp, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, nằm cách bờ biển Cửa Đại 15 km và đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Cù Lao Chàm bao gồm 8 đảo: Hòn Lao, Hòn Dài, Hòn Mồ, Hòn Khô Mẹ, Hòn Khô con, Hòn Lá, Hòn Tai, Hòn Ông. Dân số trên các hòn đảo này gồm khoảng 3.500 người. Tháng 10 năm 2003, Khu Bảo tồn thiên nhiên Cù Lao Chàm được thành lập để giữ gìn sinh vật hoang dã trên đảo, là một trong 15 Khu Bảo tồn biển của Việt Nam vào thời điểm 2007. Ngày 29/5/2009, với hệ động thực vật phong phú và những di tích lịch sử hàng trăm năm trước, Cù Lao Chàm được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới trong phiên họp thứ 21 của Ủy ban Điều phối quốc tế chương trình con người và sinh quyển diễn ra tại đảo Jeju (Hàn Quốc).

Trên đảo Cù Lao Chàm có nhiều mô hình làm du lịch cũng khá thành công như homestay, bán hàng đặc sản tươi khô, khai thác các loại rau rừng, tổ xe ôm… trong đó có tổ bảo vệ và khai thác cua đá. Cua đá là loài đặc sản của Cù Lao Chàm vang tiếng gần xa, không phải chỉ riêng đảo này có cua đá mà nhiều đảo khác của Việt Nam cũng có, nhưng sự khác biệt ở chỗ cua đá trước khi bán ra thị trường phải có dán nhãn.

Năm 2013, từ nguồn Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), Thành phố Hội An và Hội Nông dân xã Tân Hiệp triển khai dự án "Xây dựng mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ và khai thác bền vững cua đá Cù Lao Chàm". Tổ cộng đồng khai thác và bảo vệ cua đá Cù Lao Chàm được thành lập. Từ khi đi vào hoạt động với những quy ước chặt chẽ cùng với chế tài xử phạt vi phạm, Tổ cộng đồng khai thác và bảo vệ cua đá Cù Lao Chàm đã góp phần vào việc bảo vệ và khai thác bền vững loài cua này.

Tổ cộng đồng khai thác và bảo vệ cua đá trên đảo Cù Lao Chàm đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 có 37 thành viên, hoạt động theo một quy ước chung có sự giám sát của các cơ quan chức năng. Mỗi tháng, các thành viên của tổ chỉ được khai thác khoảng 50 con cua đá, với kích thước một con cua từ 7 cm trở lên (thân cua). Việc khai thác cua trên đảo diễn ra từ tháng hai đến cuối tháng bảy dương lịch, những tháng còn lại việc khai thác bị cấm vì là mùa sinh sản của cua. Theo quy định, cua đá có chiều ngang thân cua trên 7 cm, không mang trứng được dán nhãn cho phép bán ra thị trường, những con không đủ tiêu chuẩn sẽ bị giữ lại và được trả về môi trường tự nhiên. Đối với những nhà hàng tiêu thụ cua đá không có tem dán của tổ khai thác sẽ bị các cơ quan chức năng tịch thu cua và xử phạt hành chính. Trong quá trình dán tem, tổ trưởng tổ cua đá – bác Trần Công ghi chép theo dõi cẩn thận số lượng cua đực, cua cái. Để hình thành được tem dán nhãn, trước đó Tổ đã tổ chức cuộc thi, chọn ra mẫu tiêu biểu nhất và đặt cho Bộ Công An làm tem. Tem dùng để dán nhãn không bị bong tróc kể cả khi luộc cua. Trước đây, người dân bán cua với giá 200.000 đồng/kg và thường bị người mua ép giá thì từ khi mô hình ra đời, giá bán tối thiểu được quy định là 500.000 đồng/kg vào năm 2013, năm 2014 được nâng lên 750.000 đồng/kg và hiện nay là trên 1 triệu đồng/kg. Mỗi 1kg cua, thành viên đóng 50 nghìn đồng vào quỹ, quỹ này để hoạt động chung cho tổ.

1.5.3. Làng du lịch sinh thái Cẩm Thanh – Hội An

Cẩm Thanh là địa bàn quan trọng kết nối giữa phố cổ Hội An - Di sản văn hóa thế giới và Cù Lao Chàm - Khu dự trữ sinh quyển thế giới. Một trong những yếu tố hấp dẫn của Cẩm Thanh chính là rừng dừa nước Bảy Mẫu rộng 84 ha trải rộng trên địa bàn các thôn Vạn Lăng, Thanh Tam Đông, Thanh Nhứt, Cồn Nhàn, Thanh Tam Tây. Rừng dừa nước nơi đây có giá trị về hệ sinh thái, cảnh quan và là nơi trú ngụ của nhiều loài chim, các loài thủy sinh vật vùng cửa sông ven biển, trong đó có nhiều loài có giá trị như tôm, cua, ghẹ và động vật thân mềm. Chính vì vậy, rừng dừa nước được xem là nguồn tài nguyên DLST rất có giá trị ở Cẩm Thanh, tạo điều kiện phát triển các hoạt động dịch vụ du lịch gắn với vùng sông nước.

Dịch vụ homestay phục vụ khách *:* Ở xã Cẩm Thanh, dịch vụ nhà lưu trú homestay được chính quyền địa phương khuyến khích hoạt động, chủ yếu là các hộ đăng ký kinh doanh homestay tập trung ở các thôn Thanh Đông, Thanh Nhứt, Thanh Tam Đông và Thanh Tam Tây. Nhìn chung, homestay ở Cẩm Thanh thu hút được du khách dựa trên các tiêu chí vui vẻ, thân thiện, nhiều cây xanh trong khuôn viên nhà. Ngoài ra, đến với loại hình lưu trú homestay, du khách được trải nghiệm cuộc sống thường ngày với gia đình chủ nhà. Người chủ đóng vai trò như một hướng dẫn viên, nói chuyện, trao đổi thông tin và cung cấp cho khách nhiều thông tin về phong tục, tập quán ở làng quê Cẩm Thanh. Khách du lịch đến với Cẩm

Thanh quanh năm, nhưng nhiều nhất là khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Thu nhập hàng tháng của các homestay từ 9 - 12 triệu đồng. Với mức thu nhập này giúp người dân sống thoải mái và vượt trội so với trước khi làm du lịch.

Hoạt động bơi thúng phục vụ du khách*:* Chèo thúng chai là một hoạt động giải trí được nhiều du khách lựa chọn khi đến Cẩm Thanh. Tham gia hoạt động này, du khách được người dân hướng dẫn cách bơi thúng và sau đó tự tay mình bơi thúng vào rừng tỏa bóng mát. Giá một lần chèo thúng là 70.000 đồng/người. Tổ du lịch chèo thúng có khoảng 500 chiếc thúng đưa du khách thăm quan rừng dừa. Các thành viên trong tổ hoạt động du lịch theo quy chế được thảo luận từ cộng đồng. Phần lớn là phụ nữ tham gia hoạt động này, mặc dù các kỹ năng hay trình độ ngoại ngữ chưa tốt, nhưng người dân đã thu lợi từ dịch vụ bơi thúng phục vụ du khách tại địa phương.

Làng nghề tre, dừa truyền thống: Nơi đây có diện tích lớn rừng dừa nước, nghề làm sản phẩm từ cây dừa nước là nghề truyền thống của người dân Cẩm Thanh. Hiện tại, khoảng trên 20% các hộ gia đình tại xã Cẩm Thanh sử dụng cây dừa nước phục vụ cho hoạt động sinh kế và tăng thu nhập cho gia đình. Sản phẩm chính từ cây dừa nước là phên, tấm lợp mái nhà cung cấp cho các khu resort, khách sạn, nhà hàng, quán cà phê… được làm từ lá dừa nước. Tại rừng dừa nước Cẩm Thanh có Taboo – Bamboo work shop cung cấp các sản phẩm thủ công từ tre, thường là những món quà lưu niệm đặc trưng và tạo ấn tượng tốt cho khách du lịch.

Trong thời gian gần đây, việc khai thác dừa nước tăng nhanh và xây dựng các công trình lớn làm cho rừng dừa bị suy giảm. Chính điều này, các nhà khoa học đến từ khu dự trữ sinh quyển đã có các buổi đối thoại "*Quan điểm của các bên liên quan hướng tới sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển rừng dừa nước Cẩm Thanh và vùng cửa sông Thu Bồn*". Nhằm tìm giải pháp làm sao để hài hòa giữa bảo tồn và phát triển rừng dừa Cẩm Thanh và vùng cửa sông Thu Bồn quan tâm chung của 4 bên, nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và cộng đồng ở Hội An.

1.5.4. Các bài học du lịch sinh thái vận dụng cho Việt Nam nói chung và Đảo Bé nói riêng

Trên cơ sở cách làm du lịch sinh thái thành công của Galapagos, Cù Lao Chàm và Cẩm Thanh là những bài học thực tiễn thiết thực, ứng dụng cho các khu bảo tồn của Việt nam và cả Đảo Bé. Các bài học đó là bảo vệ sự đa dạng của các loài động thực vật, quy hoạch khoanh vùng bảo vệ cấm khai thác quá mức làm suy giảm hệ sinh thái trong khu bảo tồn. Cần có kế hoạch quản lý hướng dẫn nghiêm ngặt trong các khu bảo tồn, hình thành các con đường thiên nhiên thân thiện với môi trường tránh bê tông hóa. Thiết lập các quy chế, quy định ứng xử của người dân và du khách như vứt rác đúng nơi quy định, hạn chế tiếp xúc động vật trong thời gian làm tổ, thiết lập các khẩu hiệu bảo vệ đa dạng sinh học… và đặc biệt cộng đồng địa phương tham gia các sinh

kế bằng các hoạt động dịch vụ du lịch như làm homestay, nhà háng, bán đồ lưu niệm, hướng dẫn viên…

Đảo Bé có nét tương đồng với Galapagos và Cù Lao Chàm đều là đảo, trong đó Đảo Bé cùng với đảo Galapagos đều được hình thành từ phun trào núi lửa, có nét tương đồng về đa dạng sinh học. Nhưng hai đảo trên thực hiện công tác bảo tồn và phát triển du lịch sinh thái trước là những bài học kinh nghiệm qúy báu cho Đảo Bé có thể học hỏi và kế thừa cách làm, vận dụng tình hình cụ thể tại Đảo Bé. Bênh cạnh những bài học chung cho các khu bảo tồn Việt nam, Đảo Bé có thể học thêm mô hình thành công tại Cù Lao Chàm như dán nhãn cua đá, hoạt động bơi thúng và phát triển làng nghề truyền thống như Cẩm Thanh – Hội An.

1.6. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

1.6.1. Vị trí địa lý, địa hình, dân cư.

Huyện đảo Lý Sơn có hai hòn đảo, đó là Đảo Lớn và Đảo Bé. Đảo Bé là một xã đảo nằm ở phía đông bắc của huyện có diện tích 0,69km^2 chiếm 20% diện tích tự nhiên toàn huyện. Hòn đảo này nằm cách Đảo Lớn khoảng 2,5 hải lý, cách đất liền 15 hải lý về đường biển và giới cận bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc đều tiếp giáp với biển Đông. Hiện nay, dân số toàn xã khoảng 510 người với 126 hộ sinh sống với nghề đánh bắt hải sản gần bờ và nghề trồng hành, tỏi. Khác với Đảo Lớn có mật độ dân số cao, xây dựng nhiều công trình hiện đại và luôn tấp nập thì đảo Bé dân cư thưa thớt, hoang sơ, khung cảnh thanh bình và thơ mộng. Đúng như tên gọi cuộc sống ở Đảo Bé bình an (đảo An Bình), chậm rãi trong không gian có nhiều nét đẹp hoang sơ mà thiên nhiên đã ban tặng.

Theo các nhà khoa học địa chất, những đợt phun trào của núi lửa cách ngày nay khoảng 11 triệu năm đã hình thành nên đảo Lý Sơn gồm Đảo Lớn và Đảo Bé nằm giữa biển. Những dòng dung nham núi lửa đã tạo cho hòn đảo này nhiều cảnh quan kỳ thú, ngoạn mục và được ví như thiên đường giữa biển khơi hay hòn ngọc biển đông.

Đảo Bé nằm trong khoảng 15°25'34" đến 15°25'56" Vĩ độ Bắc, 109° 4'39" đến 109° 5'12" Kinh độ Đông, là một điểm quan trọng trong vùng phân định ranh giới quốc gia trên biển của Việt Nam. Với vị thế tọa lạc này, Lý Sơn đã trở thành huyện đảo hành chính tiền tiêu của đất nước Việt Nam. Hòn đảo này có vai trò quan trọng đảm bảo an ninh chủ quyền quốc gia trên biển. Đồng thời nơi đây được thiên nhiên tạo hóa nhiều cảnh đẹp và có nhiều giá trị văn hóa đặc sắc tạo điều kiện thúc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới, đặc biệt là ngành du lịch không khói.

Đảo Bé - Lý Sơn là một đảo nhỏ nằm trong vùng nội thủy của Việt Nam, bốn bề là biển cả. Đảo có địa hình không bằng phẳng, độ cao trung bình khoảng 20m đến 25m so với mực nước biển, có những nơi cao hơn khoảng tầm 40m. Kết cấu địa chất từ

nham thạch núi lửa, đá peranit và cát san hô biển tạo nên. [5, tr. 9]

Trước những năm 1990, Lý Sơn có diện tích san hô và cỏ biển khá rộng, đi kèm theo chúng là rất nhiều loài hải sản như cá, tôm, cua có giá trị phát triển kinh tế. Theo đánh giá khảo sát năm 2011 của Viện Kỹ thuật Biển, số lượng loài mới được phát hiện nơi đây tăng nhiều. Trong đó, tổng cộng đã phát hiện được trên 700 loài động, thực vật với 200 loài cá, 137 loài rong biển, 70 loài thân mềm, 157 loài san hô, 96 loài giáp xác, 7 loài cỏ biển…, nhưng số lượng cá thể trong một số loài có giá trị cao rất ít, một số sinh vật biển quý hiếm cần được bảo vệ hầu như không còn. Tình trạng khai thác ồ ạt hiện nay đã làm giảm đi rất nhiều những loài có giá trị như trai tai tượng, cá mú,… (Phạm Văn Hiếu, 2009) [32, tr. 21]

Bênh cạnh đó, thiên nhiên và người dân địa phương đã tạo nên đặc sản hành, tỏi, một trong những thương hiệu nổi tiếng của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung, mà khi du khách đến Lý Sơn đều mua về làm quà.

1.6.2. Điều kiện khí hậu

Đảo Bé thuộc huyện đảo Lý Sơn của tỉnh Quảng Ngãi thuộc miền Trung của đất nước Việt Nam. Đảo Bé mang khí hậu nhiệt đới gió mùa, nền nhiệt cao, mưa tương đối nhiều, nền bức xạ lớn, đặc điểm khí hậu thể hiện rõ hai mùa: Mùa nắng từ tháng 3 đến tháng 9, mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 02 năm sau.

- Nhiệt độ: Những tháng có nhiệt độ cao là từ tháng 5 đến tháng 9, nhiệt độ khoảng 35^{o}C, có những ngày nắng nóng oi bức nhiệt độ khoảng 38 - 40^{o}C. Nhiệt độ thấp từ tháng 10 đến tháng 04 năm sau, khoảng 25 - 27^{o}C, có những ngày lạnh nhiệt độ hạ xuống khoảng 18^{o}C. Nhiệt độ trung bình cho cả năm là khoảng 25,7^{o}C.

- Độ ẩm: Trung bình trên năm khá lớn khoảng 85%, độ ẩm trong năm có sự chênh lệch khá lớn giữa các mùa, mùa khô có độ ẩm thấp, nhưng tăng nhanh vào mùa mưa từ tháng 9 trở đi độ ẩm tăng nhanh, duy trì ẩm ướt đến tháng 3 năm sau.

- Lượng mưa: Từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau chiếm 75% lượng mưa cả năm và từ tháng 3 đến tháng 8 lượng mưa thấp chiếm khoảng 25%, chịu ảnh hưởng gió Tây Nam khô nóng.

- Bốc hơi: Lượng nước bốc hơi trung bình 600-900mm/năm vào các tháng mùa nóng, nhất là mùa hè lượng bốc hơi trung bình từ 119-163mm/tháng, đó là khoảng thời gian nắng nóng lớn và thường có gió tây nam khô nóng.

- Chế độ gió: Gió Đông Nam và Tây Nam thường thổi vào tháng 3 đến tháng 9. Còn hướng gió hình thành ở khu vực Tây Bắc và Đông Bắc thổi vào từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau. Hướng gió thổi chính là Bắc, Đông Bắc vào mùa Đông, Đông và Tây Nam vào mùa hè. Hằng năm trên đảo có khoảng 130 ngày gió cấp 6 trở lên, do không có vật cản gió nên sóng biển thường xuyên cao từ 1m đến 3m ảnh hưởng rất lớn đến tuyến đường biển từ Đảo Lớn đi đảo Bé và ngược lại. [5, tr. 9]

- Nước ngầm: Do kết cấu nền địa chất đá, mà Đảo Bé không có mạch nước ngầm ngọt, nên bao đời người dân nơi đây sử dụng nước mưa được tích trữ trong các lu, hồ khi mùa mưa đến và dùng cho cả năm. Trong lòng đất của Đảo Bé không có nước ngọt, nên người dân biết sử dụng tiết kiệm nước. Và đến năm 2012 công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp nặng DoosanVina tài trợ cho xã An Bình – huyện Lý Sơn nhà máy xử lý nước biển thành nước ngọt (1 triệu USD), bổ sung thêm lượng nước trong sinh hoạt cuộc sống hằng ngày của cư dân địa phương. Hiện nay, lượng du khách đến Đảo Bé ngày càng nhiều, sử dụng nước ngọt càng lớn, nước tại Đảo Bé không đủ cung cấp cho du khách, người dân mua thêm nước ngọt từ bên Đảo Lớn vận chuyển qua đảo Bé để cung cấp.

1.6 3. Lịch sử định cư

Theo TS Phạm Quốc Quân qua những kết quả nghiên cứu khảo sát cho thấy con người xuất hiện trên đảo Lý Sơn cách nay khoảng 3000 năm và sự sáng tạo văn hóa của con người trên đảo được bắt đầu. Theo chiều dài của lịch sử, có ba lớp cư dân với ba cơ tầng văn hóa kế tục nối tiếp nhau theo trình tự thời gian đó là cư dân thời tiền sử với văn hóa Sa Huỳnh, niên đại tồn tại ở những thế kỷ trước Công nguyên đến đầu Công nguyên, lớp cư dân thứ hai Chăm và văn hóa ChămPa tồn tại từ những thế kỷ sau Công nguyên kéo dài đến thế kỷ XV - XVI. Lớp cư dân Việt và văn hóa Việt kéo dài từ cuối thế kỷ XVI đến nay. Tóm lại, theo diễn trình thời gian trên đảo Lý Sơn có ba lớp văn hóa Sa Huỳnh - ChamPa - Đại Việt kế tục phát triển đã đem lại một hệ quả tất yếu về sự đa dạng văn hóa trên cơ sở của những sự tiếp nối và kế thừa.[36, tr. 4]

Nhìn tổng thể đảo Lý Sơn vẫn có sự khép kín bảo lưu các yếu tố văn hóa cổ trước sự tác động từ bên ngoài, đều này có thể nhận thấy rõ trong giai đoạn hiện đại. Mặc dầu có sự tác động những yếu tố văn hóa hiện đại trong thời điểm hiện nay như truyền thống văn hóa làng xã với các mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng, các tập tục cũ, các tín ngưỡng dân gian ...vẫn được bảo lưu.

Còn riêng với Đảo Bé theo điều tra điền dã, cách đây khoảng 100 năm, những cư dân đầu tiên đã đặt chân đến xã đảo An Bình xinh đẹp có nguồn gốc bên đảo Lớn – Lý Sơn và đặt nền móng đầu tiên cho quá trình định cư lâu dài của người dân nơi đây. Những người đầu tiên là bốn ông: Nguyễn Văn Tuyển, Nguyễn Dụ, Đặng Nhiếp, Trần Hoài từ đảo Lớn hợp cùng qua đảo Bé khai hoang lập ấp. Giai đoạn đầu các ông qua phát hoang cây cối để trồng ngô, đậu, thời gian sau mới đem gia đình sang đảo sinh sống. Chính nhờ những vị tiền hiền này mà Đảo Bé dần đông dân cư khi nhiều gia đình ở Đảo Lớn di chuyển sang lập làng, xóm và cùng lập nghiệp trên đảo. Từ một hòn đảo hoang chỉ toàn cây dứa dại, dừa, bàng vuông, cam đàng, cây bụi, đảo Bé thành nơi an cư lạc nghiệp của nhiều họ tộc mà phần lớn đều có gốc gác từ đảo Lớn và làng xóm chính của Đảo Bé cũng nhìn về Đảo Lớn.

Trước năm 1975, Đảo Bé có gần 80 ngôi nhà với hơn 200 dân. Đến trước năm 1979, số hộ định cư tại Đảo Bé đã lên đến 120 hộ. Khi đất nước thống nhất, như tình hình chung của cả nước, đời sống nhân dân gặp muôn vàn khó khăn. Đến năm 1979, thực hiện chính sách di dân làm kinh tế mới, hầu hết các hộ gia đình đều được đưa đi đến vùng Thọ An (nay thuộc xã Bình An, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi), chỉ còn 7 hộ ở lại. Đảo trở nên hoang hóa và điêu tàn.

Mãi đến năm 1986, đất nước đổi mới, do đời sống tại vùng kinh tế mới gặp nhiều khó khăn, người dân không thể bám trụ được nữa nên đã lần lượt rủ nhau về lại Đảo Bé và khôi phục lại cuộc sống ngày xưa. Từ đó đến nay, Đảo Bé ngày càng đông vui nhưng dân cư không tăng thêm nhiều, bởi điều kiện sống khá khó khăn khi thiếu nước ngọt trầm trọng. Số gia đình ít thay đổi, chỉ dao động khoảng 120 hộ với dân số ở ngưỡng 500 người. Tại đảo chỉ có trường tiểu học, học sinh hết tiểu học, sang đảo lớn học cấp hai và ba. Một số các em vào đất liền học đại học và ít trở về sống làm việc tại quê nhà.

Tiểu kết chương 1:

Phát triển DLST theo hướng bền vững là một hướng đi đúng đắn và phù hợp với xu thế phát triển du lịch hiện nay trên thế giới. Du lịch là ngành công nghiệp trẻ so với những ngành công nghiệp khác, nhưng ngày càng phát triển và được các quốc gia trên thế giới quan tâm, có những vùng du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Ngành này phát triển thúc đẩy xóa đói giảm nghèo, đặc biệt những vùng có thiên nhiên ưu đãi về cảnh quan, môi trường, các giá trị văn hóa đặc sắc ở những vùng sâu vùng xa hay hải đảo. Những cơ sở lý luận phát triển du lịch sinh thái bền vững từ các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã chỉ ra những nội dung cơ bản mà các khu bảo tồn có thể áp dụng tùy vào điều kiện của từng khu. Phát triển DLSTBV cần có sự cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó các nguyên tắc, tiêu chuẩn đánh giá DLST là những nội dung vô cùng quan trọng.

Việc sử dụng tài nguyên một cách bền vững và duy trì tính đa dạng là nền tảng cơ bản nhất của việc phát triển lâu dài và quan trọng đối với du lịch bền vững. Cộng đồng địa phương tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch trong các khu bảo tồn, tăng nguồn thu nhập và chung tay thực hiện công tác bảo tồn. Nguồn thu nhập người dân được cải thiện khi tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch cung cấp cho du khách, giúp nền kinh tế địa phương phát triển. Trách nhiệm của du lịch sinh thái là phải bảo tồn hệ tự nhiên vì thế công tác bảo tồn là chính yếu còn phát triển du lịch là thứ yếu. Công tác bảo tồn quan trọng hơn doanh thu từ du lịch và phải thỏa mãn nhu cầu cho du khách, mặc dù du khách trả một lượng phí rất cao. Một phần thu nhập từ doanh thu du lịch sử dụng trực tiếp cho công tác tái đầu tư bảo tồn.

Các tiêu chuẩn dùng làm cơ sở để đánh giá sự phát triển DLST theo hướng bền vững bao gồm 3 tiêu chuẩn về kinh tế, xã hội và con người, môi trường. Tiêu chuẩn bền vững về mặt kinh tế là sự phát triển kinh tế ổn định tăng đều qua các năm, đóng góp vào mức thu nhập hợp lý cho cộng đồng địa phương trong các khu bảo tồn. Tiêu chuẩn xã hội và con người, cộng đồng địa phương trở thành chủ thể thật sự được hỗ trợ công tác nâng cao nhận thức cộng đồng về các giá trị trong khu bảo tồn, mức sống và sinh hoạt của cộng đồng được cải thiện. Các giá trị văn hóa lịch sử địa phương được lồng ghép vào quá trình phát triển du lịch sinh thái nhằm nâng cao công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản. Bảo vệ tài nguyên môi trường, sức chứa của các điểm du lịch sinh thái và nâng cao nhận thức cho cộng động địa phương tham gia trong công tác phục hồi hệ sinh thái là một trong những nội dung quan trọng của tiêu chuẩn về môi trường.

Kinh nghiệm các khu du lịch sinh thái thành công từ Galapagos, đảo Cù Lao Chàm và Cẩm Thanh – Hội An là những bài học thực tế rất quý có thể chọn lọc những yếu tố có tính tương đồng áp dụng cho Đảo Bé trên nền công tác bảo tồn. Bảo tồn đa dạng các hệ sinh thái, các giá trị văn hóa địa phương,… chủ thể cộng đồng địa phương là yếu tố quan trọng trong công tác bảo tồn. Trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm của các khu bảo tồn đi trước, đúc kết một một khung lý luận (mô hình) mới dẫn đường thực hiện công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại Đảo Bé theo hướng bền vững.

Để Đảo Bé phát triển du lịch sinh thái bền vững dựa vào khai thác sản phẩm du lịch từ tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn thì cần có mô hình quản lý tốt ứng dụng trên hòn đảo này. Nhằm tạo ra sản phẩm du lịch đặc sắc, độc đáo từ chính cộng đồng người dân Đảo Bé tạo nên, cung cấp cho du khách. Du lịch phát triển theo hướng công bằng, mọi người dân đều được tham gia vào phát triển các loại hình dịch vụ du lịch dựa trên công tác bảo tồn. Các sản phẩm du lịch từ tự nhiên và con người ngày càng được bảo vệ, tôn tạo và nâng dần chất lượng sản phẩm để kinh tế phát triển, xã hội ngày càng vững mạnh mà môi trường vẫn đảm bảo và không bị suy thoái.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI ĐẢO BÉ

2.1. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái của Đảo Bé

2.1.1. Tài nguyên du lịch sinh thái tự nhiên

2.1.1.1. Địa chất

Đảo Bé được hình thành từ hoạt động phun trào núi lửa và cát san hô, tạo nên nhiều hang động, các bãi đá magma xung quanh đảo, nhiều bãi biển với cát san hô trắng xóa, … cực kỳ hoang sơ và tuyệt đẹp là nguồn tài nguyên vô cùng quí giá và quan trọng phục vụ cho việc phát triển du lịch trên đảo. Các nhà nghiên cứu địa chất cho rằng hoạt động phun trào núi lửa biển thành tạo Đảo Bé cách ngày nay khoảng hơn một triệu năm.

Khu vực quần thể các đảo huyện Lý Sơn (Quảng Ngãi) có lịch sử phát triển địa chất lâu dài và đa dạng từ Miocen (tức khoảng hơn 10 triệu năm đến nay), liên quan với quá trình hình thành Biển Đông, cùng với điều kiện cổ môi trường phong phú đã tạo nên những di sản địa chất địa mạo độc đáo, gắn liền với hoạt động phun trào núi lửa basalt và trầm tích – phun trào hình thành khi núi lửa hoạt động trong môi trường biển nông trên thềm lục địa

Nằm trong một khu vực địa chất núi lửa rộng lớn và đặc biệt, Đảo Bé là kết quả của nhiều hoạt động phun trào mà muộn nhất là những đợt phun trào mạnh cách ngày nay trên 1 triệu năm. Trên đảo có 4 miệng núi lửa chính với cảnh quan vừa hoang sơ kì thú. [6, tr. 12]

Mom Tàu

Mom Tàu là một vùng biển đẹp, là nơi đón ánh nắng bình minh đầu tiên trên Đảo Bé. Nơi đây du khách có thể tận hưởng khung cảnh thiên nhiên tuyệt vời giữa biển trời bao la. Tại đây có bãi rạn san hô khá lớn và hệ thống san hô nhiều màu sắc khá đẹp mắt. Cũng tại vị trí này, đứng bất kỳ góc nào đều có góc nhìn rất đẹp khi hướng về đảo Lớn.

Sở dĩ nơi đây có tên gọi là Mom Tàu vì có tích kể rằng, trước kia có chiếc thuyền buôn chở vật liệu xây dựng đi qua vùng biển này chẳng may gặp nạn và bị đắm chìm tại đây. Những vật liệu xây dựng trên tàu được sóng đánh dạt vào bờ và người dân lấy tích đó để đặt tên thành Mom Tàu. Bởi vì, xung quanh khu vực này có vùng rạn khá lớn, tàu đi vào vùng này dễ bị đắm. Hiện nay, trong hộ gia đình bà Dương Thị Ký còn lưu lại một tảng đá cho rằng đây là vật liệu xây dựng trên chiếc tàu đắm được sóng đánh trôi dạt vào bờ.

Mỏ Cá Bè (Mỏ Ông Nhàn)

Nơi đây được đặt tên là mỏ Cá Bè vì có rất nhiều cá bè tại khu vực này. Cá bè có nhiều loại tương ứng với màu sắc và hình dạng như: cá bè xanh, bè trắng, bè truôn, bè lão, bè nổ… cá có cân nặng khoảng tầm vài cân, đôi khi vài chục cân cũng có.

Sở dĩ còn có tên gọi khác là mỏ ông Nhàn vì trước kia có ông Nhàn khi câu cá và mất tại đây nên lấy tên ông để đặt cho mỏ đá này. Khu vực này, hiện nay là một trong những địa điểm lý tưởng để câu cá hấp dẫn của du khách khi đến với Đảo Bé thân yêu.

Hang Trốn lính

Hang trốn lính là một địa danh được người dân nơi đây đặt tên gắn liền với việc trước kia Pháp, Mỹ thường hay ra đây bắt lính, trai tráng trong làng phải bỏ chạy ra hang này để trốn. Hang trốn lính có hai lối thông với nhau. Lối phía dưới và lối phía trên. Hang không rộng lắm, có thể chứa khoảng 5 đến 6 người. Phía bên trên hang là một lòng chảo, đồng thời cũng là cửa trên thông với cửa dưới. Nếu muốn vào từ cửa dưới, bạn phải lặn xuống biển theo hướng Tây. Một đoạn lặn xấp nhưng có đoạn phải ngửa người ra mới lặn vào được. Khu vực trong hang rất tối nên có rất ít người đã từng lặn vào trong này.

Trước kia, hang này là một trong những nơi lý tưởng cho cua Đá trú ẩn vì thế nơi đây có rất nhiều cua Đá, khi khai thác có thể bắt được cả trăm con tại đây. Cửa trên của hang đã bị ông Đặng Hồng Minh dùng xi măng bít lại để nuôi tôm nhưng sau một thời gian đã bị bỏ hoang. Và ngày nay, hang này cũng không còn số lượng cua Đá nhiều như trước kia, do có bàn tay con người can thiệp sâu vào nơi trú ngụ và khai thác quá mức.

Hang Chàng Thiếp (hay còn gọi là Hang Kẻ Cướp)

Tên gọi này xuất phát từ câu chuyện về đôi vợ chồng thương nhân, hai người đầu tiên sinh sống ở hang đá này. Ngày xưa khi trên đảo chưa có dân sinh sống, có một đôi nam nữ là thương nhân buôn đường biển không rõ quê quán ở đâu, tàu của họ bị sóng biển đánh chìm và trôi dạt vào Đảo Bé. Thấy hang đá đẹp và là nơi có thể trú ngụ được nên hai người chọn nơi này làm nơi cư trú, ngày qua ngày họ ra gành để hái rong, bắt cá sống qua ngày, tìm cơ hội để trở về quê. Nhưng vì cuộc sống ở đảo yên bình và hạnh phúc nên họ quyết định ở lại đây sinh sống.

Sống được một thời gian thì bọn giặc Tàu Ô xuất hiện, chúng xông lên đảo và giết chết người chồng, hãm hiếp người vợ trẻ, rồi chiếm hang đá làm đại bản doanh để tiến hành cướp bóc trên đảo và tấn công vào đất liền. Từ đó, cái hang còn có tên gọi khác là hang Kẻ cướp.

Thời chiến tranh chống Mỹ, vì sợ loạn lạc nên một số hộ dân bên đảo Lớn đưa gia đình qua đảo Bé sinh sống, để tránh tai mắt của giặc. Hồi đó, mỗi lần đi Gành kiếm cá các ngư dân thường vô hang Kẻ cướp nghỉ chân, khi bới lớp cát trên mặt thấy rất nhiều mảnh gốm cổ bị bể nơi cửa hang. Nhiều người còn nhặt được cả những thỏi bạc trắng, đồng đỏ hoen gỉ. Thậm chí, nhiều người còn nhặt được cả vàng, bạc ở đây.

Thời gian trôi qua hang Kẻ cướp giờ đây đã bị cát bồi lấp, nhiều người dân trên đảo cho hay, muốn tới hang phải lặn xuống biển mới tìm được lối vào. Có một điều lạ ở đây là, hòn đá nằm chếch về phía trước miệng hang cứ lớn dần. Theo các cụ cao

niên trên đảo, trước kia hòn đá rất nhỏ, mọi người vào ra hang bình thường nhưng bây giờ nó to ra, ăn liền vào miệng hang, nên cửa hang không còn rộng.

Đến nay, mỗi khi nhắc đến hang Kẻ Cướp, người dân trên đảo vẫn rỉ tai nhau câu chuyện về kho báu của giặc Tàu Ô. Câu chuyện về kho báu chứa vàng đầy bí ẩn ở hang Kẻ cướp giờ vẫn chưa được giải đáp. Nhưng cư dân trên đảo vẫn lưu truyền câu chuyện này, để nhắc cho con cháu về lịch sử quê hương và là câu chuyện thú vị để kể cho du khách nghe mỗi khi đến đây, khu vực gần hang Kẻ cướp với vẻ đẹp hoang sơ, màu nước biển trong xanh ngọc bích và bãi cát san hô trắng xóa, đã thu hút du khách đến tham quan và tắm biển.

Bãi tắm Tiên (Bãi Hang)

Bãi tắm Tiên là một trong những bãi tắm nổi tiếng nhất tại Đảo Bé mà khi du khách nào đến Đảo Bé đều đến đây tham quan và tắm biển. Bãi tắm này mang một vẻ đẹp hoang sơ với nước biển trong xanh, nước trong tận đến đáy với bãi cát trắng ngần vô cùng hấp dẫn. Tại đây, hàng ngàn tảng đá lớn nhỏ với những hình thù kì thú lúc ẩn lúc hiện tùy theo con nước lên xuống đã tạo cho khung cảnh nơi đây thật sự lung linh mỗi khi hoàng hôn buông xuống.

Theo các nhà địa chất, đá của bãi tắm Tiên chính là sự rơi vãi của quá trình chia cắt để hình thành Đảo Bé ngày nay. Nó là kết quả của quá trình phá hủy sóng biển lên các đá núi lửa hình thành vào Pleistocen và các trầm tích nguồn sinh vật (xương san hô, vỏ ốc…) có tuổi trẻ hơn (Holocen). Hiện tại, tích tụ vật liệu ở bãi tắm này còn luôn bị biến đổi.

Bởi lẽ nơi đây được đặt tên là bãi tắm Tiên vì nó gắn liền với truyền thuyết các nàng tiên xuống tắm trong đó có cô nàng tiên út say đắm bãi tắm này, khi thời gian sắp hết về trời nàng út vội vã nên mãi tóc của nàng bị vướn vào thềm đá. Tóc của các nàng tiên đã hóa thành rau Tóc Tiên. Cứ vào mùa đông rau này lại xuất hiện, khi mà hòn đảo này không có nhiều thức ăn thì rau Tóc Tiên là một sự xuất hiện kì diệu. Chúng mọc rải rác trong các hang đá theo từng cơn sóng biển và được người dân khai thác để chế biến thành một đặc sản mà không nơi nào có được.

Hòn Đụn

Hòn Đụn là một phần của miệng núi lửa được hình thành từ các dòng dung nham dày 30 mét, chiều cao lên tới khoảng 40m, tạo nên nền bazan cho khu vực phía Đông Nam của Đảo Bé. Sở dĩ nó được đặt tên là hòn Đụn là vì từ xa nó trông như một tổ mối, được đụn lên cao giống như một chiếc nón khổng lồ giữa biển khơi.

Các dòng lava dạng khối, tảng chảy dài dọc bờ biển phía Đông đảo, một phần đã bị sóng đánh trôi, mài mòn, hiện nay chỉ còn lại Hòn Đụn chính là một phần vành của miệng núi lửa. Từ kết quả khảo sát ban đầu, có thể thấy các bazan ở đây còn khá trẻ, và ngọn núi lửa này đã hoạt động cách đây khoảng 1 triệu năm. Bên trong

phễu núi lửa là các cánh đồng tỏi và hành ngăn cách bởi các vật liệu phun trào bazan.

Thềm trầm tích Holocen Tây Nam Đảo Bé

Ven theo chân về phía Tây cầu cảng Đảo Bé, có thành tạo trầm tích Đệ tứ là tập trầm tích vụn sinh vật (của vỏ sò, ốc, xương san hô, vỏ trùng lỗ và khung xương của các động vật biển khác với kích cỡ khác nhau) lẫn với cuội đá bazan to nhỏ. Đây là di sản địa chất rất điển hình liên quan với đợt biển tiến Flandrian cách nay hơn 4.500 năm. Tập trầm tích được gắn kết khá chắc, có mặt lớp nghiêng 5-10^o về phía biển. Đã phát hiện được các di tích trùng lỗ trong trầm tích như: Calcarina spengleri Gmelin, C. sp., Amphistegina madagascariensis Orb., Amph. lessoni Orb., Amph. sp., Elphidium macellum (Fichtel et Moll), Elphidium sp., Heterostegina sp., v.v.... Chúng là thành phần chính của thềm biển Holocen giữa (TS. Nguyễn Hoàng, Ngô Quang Toàn và nnk). [6, tr. 25]

2.1.1.2. Hệ sinh thái trên cạn

Hệ thực vật tự nhiên trên Đảo Bé không phong phú bằng các rừng tự nhiên hùng vĩ như những cánh rừng nguyên sinh khác ta thường thấy. Nhưng nó cũng phong phú nhiều loại cây nhiều nhất là cây dứa dại mọc thành rừng dày đặc. Trước kia đảo này khá nhiều dứa dại, nhưng khi cư dân đảo lớn sang sinh sống thì phá rừng dứa làm rẫy. Hiện nay, rừng dứa còn lại tập trung tại khu vực phía Đông của xã đảo.

Ngoài dứa, Đảo Bé còn có các cây khác như dừa, nhãn, mận, chuối, cam đàng, phi lao, ướp lông, ướp trơn, cách, nhàu, bàng vuông, chân âm và nhiều cây bụi, các loài hoa như: hoa bông bụt, hoa tím, giấy và các loại hoa dại khác. Rất nhiều trong những loại cây này có dược tính tốt và là những cây thuốc Nam quý. Rong rêu, địa y khá phát triển với đặc thù rất riêng. Một số cây mang giá trị dược liệu như:

- Quả dứa dại: Quả được phơi khô, uống thay trà chữa được chứng mắt mờ, làm nhẹ đầu, tiêu đàm, say nắng, tiểu buốt, sỏi thận, tiểu đường,…
- Nhàu: Còn gọi là cây ngao, nhầu núi, giầu, noni và có tên khoa học là Rubiaceae (thuộc họ cà phê). Trị đau lưng nhức mỏi xương khớp, cao huyết áp, hạ huyết áp kéo dài, tốt cho người bị đường huyết cao: hạ đường huyết, hoạt huyết, giảm căng thẳng,…
- Cam Đàng: Quả cam đàng giúp bổ phổi, lợi tiêu hóa, thông cổ,…
- Lạc Tiên (rọ heo): Dân gian thường dùng dây và lá sắc uống làm thuốc an thần, chữa mất ngủ,… Ngoài ra còn dùng như một loại rau luộc bổ dưỡng trong bữa ăn hàng ngày.

Bênh cạnh các cây mọc tự nhiên trên các đồi núi thì một số cây trồng được người dân canh tác chẳng hạn như:

Cây tỏi

Theo người dân bản địa cho biết cây tỏi được trồng tại Đảo Bé trong những năm 60 của thế kỉ trước. Diện tích gieo trồng chủ yếu vào vụ Đông – Xuân (tháng 10 đến tháng 2) khoảng 25 ha, năng suất 10 tạ/ha, sản lượng 25 tấn/năm. Cây tỏi canh tác tại Đảo Bé có năng suất thấp hơn Đảo Lớn vì nguồn nước tưới cho cây tỏi phụ thuộc hoàn toàn vào thời tiết. Vì thế, có những năm trời hạn mùa tỏi đạt chất lượng thấp và đôi khi bị mất trắng. Vụ tỏi kéo dài đến 6 tháng so với 4 tháng bên đảo Lớn, củ tỏi thường nhỏ nhưng thơm ngon, nồng ấm.

Cây hành

Cây hành được canh tác cùng thời điểm với cây tỏi, điều này có sự khác biệt so với Đảo Lớn thời điểm trồng hành và tỏi khác nhau. Bên Đảo Lớn – Lý Sơn có mạch nước ngầm ngọt, dễ dàng tưới tiêu cho hành tỏi và sản lượng đạt chất lượng cao hơn so với Đảo Bé. Diện tích gieo trồng gần như cố định trong vụ Thu – Đông là khoảng 27 ha, năng suất đạt 70 tạ/ha, sản lượng 190 tấn. Vụ hành Đông Xuân thường chịu ảnh hưởng của thời tiết sương mù làm cho cây hành bị khô nên thường bị mất trắng. Hành đảo Bình An được ưa chuộng và thường có giá bán cao hơn so với hành đảo Lớn Lý Sơn.

Cây đậu phộng

Cây đậu phộng được cư dân địa phương đưa vào gieo trồng trên đảo khoảng năm 1970. Diện tích gieo trồng hàng năm nhỏ, khoảng 2 ha, năng suất 26 tạ/ha, sản lượng trên dưới 5 tấn, cũng gieo trồng trong khoảng thời gian vụ Đông Xuân, thu hoạch khoảng tháng 3 năm sau. Đậu cho hạt nhỏ nhưng rất thơm ngon, có nhiều dầu và chủ yếu dùng để ép lấy dầu làm thực phẩm sử dụng nấu nướng trong gia đình.

Cây bắp

Cây bắp cùng với cây đậu là một trong những cây trồng đầu tiên trên Đảo Bé. Diện tích gieo trồng không cố định, khoảng vài ha, năng suất rất thấp nhưng bắp ngon và đáp ứng một phần nhu cầu tại chỗ của người dân.

Cây mè

Bên cạnh các loại cây hoa màu ngắn ngày khác thì người dân địa phương gieo trồng thêm cây mè. Cây mè cũng được gieo trồng từ những năm 70 của thế kỷ 20. Diện tích gieo trồng hơn 2 ha và cũng thường không cố định, mè đảo Bé rất thơm ngon.

Khoai lang

Đây là một trong những loại cây đầu tiên canh tác trên Đảo Bé, ngày xưa trong bữa cơm hàng ngày đều có khoai, nên mọi gia đình sống trên đảo đều trồng cây này. Đặc thù của vùng đất Lý Sơn không trồng được lúa, chỉ trồng được các loại củ, đậu và sau này đến hành, tỏi. Ngày nay, người dân Đảo Bé nói riêng, người dân Lý Sơn nói chung đều sử dụng lúa gạo, chủ yếu nhập về từ đồng bằng sông Cửu Long, nên

diện tích gieo trồng khoai trên đảo đã giảm dần, chất lượng khoai rất ngon, chủ yếu đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu tiêu dùng của từng hộ gia đình.

Cây dừa

Trước khi có con người sống trên đảo, cây dừa đã có khá nhiều và thường được gọi là Đảo Dừa. Sau đó, người dân từ bên Đảo Lớn chuyển sang Đảo Bé sinh sống và trồng thêm cây dừa trong khu vực mình sinh sống và ven theo bờ biển. Dừa trên đảo là giống dừa trôi dạt vào bờ, tự mọc, sau đó người dân trồng thêm khoảng vài trăm gốc dừa, chủ yếu trồng lấy cảnh quan và uống nước. Dừa cũng có ít trái, trái nhỏ nhưng nước rất ngọt.

Động vật tự nhiên trên đảo không nhiều chủ yếu là các con có kích thước nhỏ vì điều kiện đặc thù của đảo, không nhiều rừng lớn và rậm rạp.

Cua Đá

Ở đây chỉ có những cánh rừng nhỏ với một số loài như cua đá, ẩn nấp trong các khe đá đen hay các bờ đá của ruộng bậc thang hành, tỏi. Loài này trước kia khá nhiều, cư dân địa phương chia sẻ nhiều khi cua bò ra đường đi theo hàng, hay treo mình lơ lửng trên các tàu dừa. Ngày nay, số lượng loài này đã bị suy giảm đáng kể, do khai thác quá mức. Cua đá tên khoa học Gecarcoidea lalandii là một loài cua đất lớn thuộc chi Gecarcoidea. Loài cua này có vỏ màu tím sậm, chân dài và càng ngắn. Nó là loài động vật ăn đêm, ban ngày trú ẩn trong các hang đá.

Nhông Cát

Nhông cát tên khoa học là Leiolepis belliana Gray, ngoài ra có nhiều tên gọi khác là dông cát, nhông biển, nhông cát... là một loài bò sát giống thằn lằn. Thân hơi dẹt bên ở chỗ tiếp giáp của phần lưng và phần bụng. Chân mảnh, các ngón không có màng da. Lưng nhẵn bóng, có 4 đường sọc màu vàng nâu nhạt hoặc sẫm chạy từ gáy đến đuôi và rất nhiều chấm hình lục lăng màu lục xám, vảy nhỏ. Bụng màu nhạt có vảy lớn hơn. Đuôi dài, thuôn nhọn. Da có màu sắc biến đổi tùy lúc.

Theo Đông y, thịt Nhông cát có vị ngọt, mặn, mùi thơm, tính bình, không độc, có tác dụng bồi bổ, giảm đau, kích thích tiêu hóa, tiêu độc, làm khô vết thương, được dùng như thịt cóc, thịt tắc kè để chữa suy dinh dưỡng, gầy còm, kém ăn, chậm lớn . Những người làm thuốc ở địa phương cho rằng nhông cát hay tìm ăn chồi non của nhiều loại cây thuốc và uống những giọt sương đêm đọng trên lá cây nên thịt của nó săn, lành, chữa được chứng nhức mỏi gân xương, thấp khớp, tê bại.

Ngoài cua đá và nhông cát thì trên đảo còn có các loại động vật khác như rắn, rết, bướm và các loài côn trùng khác.

2.1.1.3. Hệ sinh thái dưới nước

Vùng biển ven bờ đảo Lý Sơn tập trung các hệ sinh thái điển hình một đảo gần bờ của vùng biển nhiệt đới bao gồm hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái cỏ biển và hệ sinh thái vùng triều. Hệ sinh thái cỏ biển và san hô trước năm 2005 khá phong phú và đa dạng về thành phần loài (Chu Thế Cường và cs, 2005). [32, tr. 21]

Hệ sinh thái san hô

Qua điều tra khảo sát, vùng biển Lý Sơn đã xác định được 157 loài san hô cứng tạo rạn thuộc 18 họ. San hô bao phủ hầu như khắp xung quanh đảo, độ bao phủ thấp dưới 50%. San hô sừng hưu họ Acroporidae, Poritidae, san hô hình bẹ lá, san hô khối họ Poritidae, Faviidae là những san hô phổ biến nhất Lý Sơn.

Trong đó, họ Acroporidae, Faviidae chiếm ưu thế về diện tích cũng như thành phần loài. Phân bố ở các độ sâu từ 1m đến 30m, ngoài ra còn có một số loài san hô đen quý hiếm, chỉ mọc ở độ sâu từ 30m đến 100m. Đây là một loài san hô quý hiếm, có giá trị cao về mặt thẩm mỹ cũng như dược liệu, tuy nhiên số liệu còn rất ít do tình trạng khai thác quá mức (Phạm Văn Hiếu và ctv, 2009). [32, tr. 28, tr.29]

Hiện trạng hệ sinh thái san hô quanh đảo đang bị suy thoái nghiêm trọng do quá trình đánh bắt thủy sản bằng thuốc nổ, giã cào, do người dân bên đảo Lớn và các vùng khác đến khai thác. Ngoài ra khách du lịch dẫm đạp và sóng biển đánh vỡ cũng góp phần nguyên nhân làm suy giảm rạn san hô. Hiện tại các loài san hô còn sống chủ yếu tập trung tại phía Bắc và phía Nam đảo dưới hình thức riêng lẻ từng khóm nhỏ không còn phân bố theo hệ thống rạn dày đặc nữa.

Hệ sinh thái cỏ biển

Theo kết quả điều tra khảo sát có 7 loài cỏ biển thuộc 2 họ khác nhau. Họ Cỏ Kiệu Cymodoceaceae gồm 4 loài: Cymodocea rotundata, Halodule pinifolia, Syringodium isoetifolium và Halodule uninervis. Họ thủy thảo Hydrocharitaceae có 2 loài: Thalassia hemprichii, Halophila ovalis. Theo nghiên cứu của Nguyễn Hữu Đại và cs năm 2002, thì còn có một loài nữa đó là Halophila minor (loài thứ 7). Tuy nhiên, trong cuộc khảo sát lại năm 2011, không phát hiện được loài cỏ biển trên.

Khu vực cỏ biển xuất hiện phổ biến là phía Tây Nam và Đông Nam của đảo, trong các khu vực vũng vịnh nhỏ, nơi tương đối ít sóng và có dòng chảy nhỏ. Cỏ biển thường phân bố trong các độ sâu từ 0,5 – 3,5m. Tuy nhiên, một số khu vực nhận thấy cỏ biển có thể mọc độ sâu trên 4m. Cỏ biển chỉ phân bố ra đến bờ khoảng 50m trở lại, một vài khu vực phía đông, cỏ biển có thể mọc ra xa bờ đến 300m. Loài chiếm nhiều nhất vùng biển Lý Sơn Cymodocea rotundata, tiếp đến là loài Thalassia hemprichii. Ước tính, tổng diện tích cỏ biển khoảng 100 ha (Nguyễn Hào Quang và cs, 2011) [32, tr. 27]

Hệ sinh thái rong

Người dân Lý Sơn vẫn luôn tự hào về một vùng biển giàu có và phong phú, nguồn lợi thủy hải sản dồi dào. Các loại rong Mơ, rong Cau, rong Chân vịt xuất hiện hầu hết quanh năm. Trong đó, rong Chân vịt chiếm ưu thế về số lượng loài, 150 loài (Phạm Văn Hiếu và cs, 2010). Theo kết quả khảo sát của Nguyễn Hữu Đại năm 2002, tổng cộng có 234 loài rong biển được định danh và xác định. [32, tr. 25]

Quần xã cá biển

Qua khảo sát đánh giá khu hệ cá biển (năm 2002) đã xác định được tại vùng biển Lý Sơn có 202 loài thuộc 36 họ. Trong đó, họ cá rô biển Pomacentridae chiếm ưu thế về thành phần loài với tổng cộng 35 loài chiếm 17,33 %, tiếp theo đến họ cá bàn chài Labridae 28 loài chiếm 13, 86%, họ cá bướm Chaetodontidae 23 loài chiếm 11,39%, tiếp theo đến các họ cá mú Serranidae, cá đuôi gai Acanthuridae….(Nguyễn Huy Yết, 2011).

Theo kết quả trực tiếp khảo sát được trong năm 2010 và năm 2011 nhận thấy số loài quan sát được thực tế rất thấp 94 loài trong tổng số 202 so với năm 2002. Nguyên nhân tình trạng trên bởi hệ sinh thái rạn san hô tại Lý Sơn bị suy giảm đi về diện tích và độ phủ, ngư dân đánh bắt các bằng thuốc nổ và chất gây mê. Đánh bắt thủy sản mang tính hủy diệt làm cạn kiệt nguồn lợi đặc biệt là nguồn giống cá con. [32, tr. 31]

Chất lượng nước biển

Đảo Bé nằm xa đất liền và có cát san hô lọc bụi dưới nước, nên nước biển ở đây rất trong và xanh. Thời tiết tốt có thể trông thấy rạn và tận đáy nước, phù hợp cho việc tắm và thư giãn dưới biển. Chất lượng nước biển Đảo Bé được nhiều du khách đánh giá là một trong những đảo có nước biển tuyệt vời trong, sạch, mát rất phù hợp với du lịch biển.

2.1.2. Tài nguyên du lịch sinh thái nhân văn

Do điều kiện đặc thù của Đảo Bé là nằm biệt lập ngoài biển khơi, là hòn đảo xa đất liền ít bị ảnh hưởng của chiến tranh tàn phá, ít giao lưu văn hóa bên ngoài nên các giá trị văn hóa nơi đây hầu hết được bảo lưu một cách nguyên vẹn. Đặc trưng văn hóa nơi đây mang đậm bản sắc văn hóa biển đảo miền Trung Việt Nam, bằng chứng đó là những lăng, miếu ..., các lễ hội liên quan đến đời sống, phong tục tập quán (ma chay, cưới hỏi, giỗ chạp...), hay gắn liền với lao động sản xuất (lễ cầu mùa, lễ cầu an, lễ tạ mùa...).

Dù điều kiện đời sống của cư dân địa phương vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhưng đời sống tinh thần không vì thế mà mai một, sao nhãng. Ngược lại, các giá trị văn hóa được bảo tồn và phát huy. Từ các lăng, miếu như: Lăng Ông (Lân Vĩnh An), Lân Hội đồng (Nhà thờ Tiền Hiền), Lân Huỳnh Ngọc Thanh, Miếu Ông Cao Cát, Miếu Bà Hồng Nương.

2.1.2.1. Nhà ở

Nhà ở của cư dân địa phương cũng có sự thay đổi theo thời gian, trước kia khi những lớp cư dân đầu tiên qua sinh sống lập làng là những ngôi nhà được làm từ tranh, tre. Và ngày nay chất liệu làm nhà đã có phần thay đổi chủ yếu từ gạch đá, xi măng và gỗ.

Nhà tranh tre là kiểu kiến trúc cổ xưa nhất của cư dân Việt khi họ đến cư trú trên vùng đất đảo Lý Sơn nói chung và đảo Bé nói riêng. Kiểu nhà này xây dựng trên cơ sở những vật liệu dễ tìm, đó là tranh, tre. Mái nhà lợp tranh dày, vách nhà bằng đất cốt

bên trong là tre làm mầm, cột nhà bằng tre. Nhìn tổng thể mặt bằng ngôi nhà chia làm 3 phần: Nhà chính, nhà ngang và nhà bếp. Giữa nhà chính và nhà ngang không có sự liên kết, song giữa nhà ngang và nhà bếp được làm chung một vách và một cửa thông nhau để cho các thành viên trong gia đình có thể đi lại nấu nướng ăn uống dễ dàng. Phía góc nhà bếp thường được đặt thêm một chuồng gia súc để nuôi heo, gà.

Nhà chính là nơi thờ phụng và các thành viên trong gia đình sinh hoạt, tiếp khách, ngủ, nhà ngang được sử dụng làm nơi ăn uống, bảo quản và chế biến lương thực, nhà bếp dùng để nấu nướng. Gian giữa là nơi đặt bàn thờ tổ tiên, phía trước đặt tấm phản gỗ và bộ ghế gỗ để tiếp khách đàn ông của ông chủ gia đình, nếu khách ở lại có thể ngủ trên phản đặt trước bàn thờ. Đây là không gian linh thiêng và trang trọng nhất của ngôi nhà, nơi đây có một cửa chính để ra vào. Gian phía tây dành cho đàn ông, con trai, ông chủ gia đình hoặc ông bà chủ gia đình, tại gian này có một góc buồng vách bằng phên liếp tre đan gọi là buồng tây dùng để đặt đồ đạc và là chỗ ngủ của ông bà chủ gia đình. Gian phía đông được dành cho đàn bà con gái trong nhà. Tại gian này góc phía đông ngăn phên liếp tre thành buồng riêng gọi là buồng đông, buồng này dành cho bà chủ trong gia đình (hoặc cho vợ chồng con trai trưởng, nếu gia đình đó phân chia thêm một tiểu gia đình). Loại hình nhà tranh tre này tưởng như đơn giản về lối kết cấu kiến trúc song trái lại nó khá phức tạp. Cột nhà được làm từ loại tre đặc ruột, ngâm chín, rất bền chắc.

Để tăng cường sự bền vững của ngôi nhà người ta đào sâu lỗ cột vách và cột hiên lấy tre nẹp để làm cừ chống gió bão gây đổ nhà. Mái nhà kết cấu bởi hệ thống đòn dông, trên lợp tranh tấm phủ dày, nóc nhà có hai lớp tranh được xếp dày để chống dột và che mưa nắng. Nhìn chung loại hình nhà tranh vách đất tuy đơn giản song trong kết cấu kiến trúc của nó khá công phu. Sự liên kết giữa các bộ phận luôn luôn phù hợp, cân xứng và giữ đúng chức năng, đem lại sự bền vững cho ngôi nhà.

Ngày nay loại nhà kiểu kiến trúc tranh tre không còn phổ biến nữa thay vào đó là các ngôi nhà hiện đại được xây dựng từ các chất liệu bằng gạch, đá, xi măng, gỗ. Nhà của người dân đảo Bé không rộng lắm, nhưng đa phần trước nhà đều có một sân vườn nhỏ với các loại cây trồng bản địa mang tính chất xứ đảo. Gian thờ tổ tiên luôn luôn đặt giữa nhà và là không gian quan trọng nhất. Khu vực này thường dành cho khách đến nhà chơi và ngủ lại qua đêm. Bên cạnh đó còn có thêm các phòng hay các gian để ngủ và khu vực bếp để nấu nướng. Gần như các nhà trên đảo là nhà cấp bốn, đơn giản, để xây dựng nhà người dân phải mua vật liệu từ bên đảo Lớn hoặc trong đất liền rồi vận chuyển qua đảo Bé nên giá thành sản phẩm để làm nhà khá đắt. Để tô đẹp thêm các ngôi nhà trên đảo và phát đi thông điệp bảo vệ rùa biển, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) phối hợp cùng Khu bảo tồn biển Lý Sơn và địa phương xây dựng làng Bích Họa. Các họa sĩ trẻ đến từ các vùng miền của tổ quốc đã tham gia vẽ 18 bức tranh trên tường và lu với nhiều màu sắc sinh động, tạo nên sức hấp dẫn và là điểm tham quan, chụp hình của du khách đến đảo. Một vài ngôi nhà trên đảo

đã tham gia loại hình homestay, phục vụ cho du khách ăn, ở khi du lịch tại đảo, tạo nguồn thu nhập và góp phần cải thiện cuộc sống.

2.1.2.2. Các lăng, miếu thờ

Từ trước đến nay vẫn chưa có công trình nào thống kê và biên tập đầy đủ các công trình văn hóa hay các lễ hội của cộng đồng Đảo Bé. Theo điều tra thực tế, phỏng vấn, của tác giả và các cộng sự tại cộng đồng địa phương được các cụ trong làng cung cấp thông tin, tổng hợp những nội dung hết sức cơ bản về các công trình văn hóa trên đảo.

Lăng Cá Ông

Lăng Cá Ông được xây dựng khoảng hơn 100 năm trước, có mặt chính diện quay về hướng Nam. Tổng thể kiến trúc được xây dựng theo tiền đường hậu tẩm. Di tích đền thờ Cá Ông phản ánh phong tục tín ngưỡng của cư dân đánh cá vùng biển miền trung. Đây là nét văn hóa đặc trưng hết sức đặc sắc cần được bảo lưu và phát huy.

Đền thờ Cá Ông Đảo Bé được trùng tu vào năm 2015 do trước đó bị xuống cấp trầm trọng, tuy nhiên vẫn giữ được kiến trúc và cách trang trí thờ tự. Mỗi năm vào mồng một rạng ngày mồng hai tháng 2 âm lịch (Cúng lễ tạ mùa) và tháng 8 âm lịch (cúng lễ cầu nông – ngư) người dân trong làng tập trung tổ chức lễ cúng. Thời Nguyễn kể từ triều Minh Mạng trở về sau, Cá Ông được sắc phong Nam Hải Đại Tướng Quân, cho lập đền thờ cúng. Lăng cá Ông xã đảo An Bình thờ Bắc Đế Sơn Tiên (Bắc quân Đô Đốc).

Khoảng hơn 50 năm trở về trước, xác cá Ông trôi dạt vào bờ, được ngư dân nơi đây vớt lên chôn cất và thờ cúng. Hiện tại thờ 3 xương Cá Ông, đó là:

- Nam Hải Cự Tộc Huỳnh Ngọc Lân Tôn Thần
- Nam Hải Huỳnh Châu Hải Đại Tướng Quân Tôn Thần
- Nam Hải Huỳnh Chấn Phi Đại Tướng Quân Tôn Thần

Tục thờ cá Ông rất phổ biến từ Quảng Bình vào miền Nam vì đây là tín ngưỡng truyền thống của người Chăm. Dưới thời Nguyễn kể từ triều Minh Mạng trở về sau, cá Ông được sắc phong Nam Hải Tôn Thần Đại Tướng Quân và cho lập lăng miếu thờ cúng.

Lân Hội Đồng (Nhà Thờ Tiền Hiền)

Đây là nơi thờ 4 vị Tiền Hiền đã có công khai phá, lập làng tại nơi đây tạo cơ sở cho các thế hệ mai sau. Đó là 4 vị: Nguyễn Văn Tuyển, Nguyễn Dụ, Đặng Nhiếp, Trần Hoài đã có công khai hoang vùng đất mới đảo Bé. Chính vì thế mà miếu này còn có tên là miếu Hội Đồng.

Lân Hội Đồng được xây dựng theo kiến trúc 3 gian, được bài trí thờ tự đơn giản. Người dân thường xuyên vào cúng vái, nhất là sắp đi biển hay xuống giống mùa vụ, hay có người thân bệnh hoặc cầu khẩn điều gì đó. Ngày 4/6 âm lịch hàng năm, cư dân nơi đây tổ chức cúng tế, để tưởng nhớ đến công lao khai phá của những vị Tiền Hiền và cũng thờ cúng những âm hồn bất hạnh.

Miếu Cao Cát

Nằm khuất sâu trong tán của những cây Bàng Vuông và dàn cây bông tím miếu Cao Cát là miếu được ông tổ họ Lê trên đảo lập nên và thờ tự. Miếu là một gian nhà nhỏ, bày trí đơn giản và thờ Cao Cát Đại Quang Chi Thần. Miếu có từ trước năm 1975, khi ấy còn là ngôi miếu lợp mái tranh, bên trong có một tượng gỗ.

Tượng gỗ này được ông tổ họ Lê vớt được từ biển, trước đó ông được Cao Cát Đại Quang Chi Thần báo mộng và mang về lập thờ tự. Sau năm 1975, miếu bị sập và được người trong dòng họ Lê xây mới lại. Bà con trên đảo cũng xem nơi đây là chốn linh thiêng, thường cúng trái cây hay van vái vào các ngày rằm và mùng một. Miếu được bao bọc bởi cây cối bao kín như trần nhà tạo bóng mát quanh năm, trước miếu có một cổng nhỏ đi vào, nên đây cũng là một điểm tham quan tâm linh khá độc đáo khi du khách đến Đảo Bé.

Vào những ngày nắng như thiêu đốt, không gian trong khu vực miếu lúc nào cũng cảm nhận sự mát mẻ và linh thiêng kì lạ còn những ngày mưa bão thì miếu âm u và càng cảm nhận được sự linh thiêng hơn nữa. Ban đêm, khi ánh trăng soi sáng, du khách từ con đường chính nhìn vào như thấy một ngôi cổ miếu khổng lồ với cánh cửa nhỏ ngay chính giữa. Miếu nằm ngay trên con đường du khách băng ngang qua ruộng bậc thang để khám phá miệng núi lửa lớn nhất trên Đảo Bé.

Miếu Huỳnh Ngọc Thanh

Cách đây hơn nửa thế kỷ trước, một xác cá Ông trôi dạt vào phía Đông Bắc của đảo, người dân thấy vậy mới đem về mai tán và thờ cúng. Một đêm nọ, bà báo mộng cho dân làng và xưng tước là Huỳnh Ngọc Thanh Quới Nương Tôn Thần. Từ đó dân làng lập miếu thờ và cúng bái cho đến nay. Miếu bài trí thờ tự cũng khá đơn giản, phần phía trên miếu có gắn lưỡng long chầu nguyệt. Miếu tựa lưng vào vách núi, xoay mặt ra hướng Hồ bán nguyệt.

Miếu Bà Hồng Nương

Đây là một biểu hiện tín ngưỡng thờ Mẫu trên Đảo Bé của người Việt. Bà Hồng Nương hay còn gọi là Hồng Nương Chúc Động Thanh Tinh Thần Nữ. Miếu Bà tại đảo rất nhỏ và bày trí thờ tự giản đơn. Qua thời gian chịu sự tác động động của thiên nhiên, miếu đã bị xuống cấp trầm trọng, chỉ còn lại gian thờ.

Theo thông tin điền dã, người dân Đảo Bé rất tôn kính Bà Hồng Nương. Khi người nhà có người bệnh hoạn, có phụ nữ sắp sanh và nhất là trẻ con bệnh tật thì mang nhang, hoa quả đến cúng và cầu xin Bà. Bà rất linh thiêng và nhiều trường hợp đã cho thấy hiệu nghiệm. Trẻ con thường không dám đùa giỡn hay quấy phá miếu Bà vì tối về sẽ bị bà quở phạt không ngủ được. Ai đi ngang miếu cũng chấp tay lạy Bà Hồng Nương. Phía trên miếu Bà có nhiều gốc cây bàng lâu năm, tạo bóng mát cho miếu và cũng góp phần làm tăng thêm tính linh thiên của miếu.

2.1.2.3. Các lễ hội

Lễ Cầu mùa

Lễ cầu mùa thường được diễn ra khi mùa màng có sâu bọ phá hoại đồng ruộng, có nguy cơ mất mùa.Với mong muốn cho mùa màng tươi tốt, được mùa hằng năm làng thường tổ chức lễ cầu mùa. Lễ bắt đầu từ miếu thần nông người ta tổ chức lễ và dùng 1 khóm thờ có 4 người khiêng và 1 thầy phù thủy để tiến hành tổ chức buổi lễ cầu mùa. Sau khi tế lễ xong, thầy phù thủy đi đầu theo sau là 4 người khiêng khóm thờ cùng một số người có chức sắc trong làng. Thầy phù thủy dẫn đoàn người đi khắp đồng núi, vừa đi vừa đọc lời khấn và làm phép để mời tất cả các *" Ôn thần* " sâu bọ, côn trùng phá hoại mùa màng vào khóm thờ để rước về miếu thần nông. Tại miếu thần nông, tiếp tục làm lễ để mời" *Ôn thần* " rời khỏi đảo bằng những chiếc thuyền làm bằng thân cây chuối thả ra biển, để mùa màng của dân không bị "*Ôn thần"* sâu bọ phá hoại. Đến khi thu hoạch mùa màng xong. Họ lại làm lễ tế bằng bò, heo và tổ chức đua thuyền để tạ ơn "*Ôn thần*" khi được mùa.

Lễ cúng Cá Ông

Trong các truyền thuyết của người Chăm, Cá Voi được xem là một vị thần có khả năng cứu người bị nạn trên biển. Trong truyền thuyết của người Việt Cá Voi có nguồn gốc từ mảnh áo cà sa của Phật Bà Quan Âm xé ra ném xuống biển khi thấy ngư dân bị nạn đắm ghe thuyền trên biển. Phật Bà Quan Âm sau khi hóa phép mảnh áo cà sa thành Cá Ông, liền lấy bộ xương Voi tặng cho Cá Ông để có thân hình to lớn và cho Cá Ông có phép thâu đường để bơi nhanh. Như vậy trong truyền thuyết của người Việt và người Chăm có sự giống nhau trong yếu tố bái Vật Giáo xem Cá Voi là một vị thần và lập đền thờ để thờ cúng. Thời Minh Mạng Cá Ông được gọi là Nhân Ngư và Vua Minh Mạng đã ban tặng sắc phong thần.

Trong quan niệm tín ngưỡng của cư dân biển, họ xem Cá Ông là vị thần bảo hộ cho sự bình yên ghe thuyền trên biển. Do vậy trong Vạn có quy định mà hầu như mọi ngư dân đều tự giác tuân theo đó là khi thấy Cá Ông chết lụy vào bờ biển (gọi là đi tu) thì bằng mọi giá phải đưa vào bờ và xem đó là điềm may mắn phước lộc. Người phát hiện Cá Ông chết đầu tiên được gọi là trưởng tử. Trưởng tử phải để tang trong 24 tháng, khi tế cúng chủ Vạn làm chủ tế, trưởng tử bịt khăn đỏ cùng trùm Vạn làm bồi tế. Cá Ông được chôn từ 3 đến 7 năm tùy theo cá to hay nhỏ, sau đó được cải táng lấy xương đưa vào quan quách đem thờ trong lăng. Diễn trình lễ tế cúng Cá Ông từ khi chết đến khi cải táng giống như nghi lễ tế cúng của một con người. Các ngày kỵ của các lăng Cá Ông được lấy vào ngày khi thấy Cá Ông đi tu.

2.1.2.4. Di sản địa nông nghiệp

Đảo Bé được hình thành từ phun trào núi lửa, nên có địa hình đồi dốc và các vùng trũng sâu, vì thế không có nhiều cánh đồng bằng phẳng và rộng. Kiểu địa hình như thế cư dân bản địa đã khai phá, tận dụng đá núi lửa chất thành những ruộng bậc thang nhằm giữ nước, giữ đất. Đôi bàn tay khéo léo, cần mẫn người dân nơi đây đã

dùng những dụng cụ như búa tạ, xà ben để bẩy những tảng đá lớn rồi đập ra từng khối vừa và nhỏ. Những đám rẫy trước khi xếp đá phải được tạo rãnh xung quanh bờ để giữ cho bờ đá sau này vững chắc hơn. Những tảng đá lớn được xếp trước và những hòn đá nhỏ được sàng ra, dùng chem vào những khe hở để cố định bờ đá không bị đổ, sập. Sau đó, người ta dùng búa đầm ngang, dọc liên tiếp từng lớp đến khi phù hợp với địa hình đám rẫy. Để hoàn thành một bờ của đám rẫy cần phải xếp đá từ 10 đến 15 ngày, những người đàn ông phụ trách xếp đá còn phụ nữ sàng lọc đá và phải đội từng thúng đất lên rẫy. Những bờ đá này có công dụng chắn gió, chống sạt lở và để phân biệt những đám rẫy với nhau. Đặc biệt, đây còn là nơi cư trú của loài cua đá. Di sản địa nông nghiệp này còn có tên gọi là ruộng bậc thang. Ruộng bậc thang tại đảo Bé có nét đẹp hoang sơ nhưng độc đáo và ấn tượng. Nó là sản phẩm của một quá trình lao động sáng tạo của người dân bao đời từ khi khai phá đến nay. Trải qua thời gian và các ruộng bậc thang – Di sản địa chất vẫn được người dân bảo vệ, giữ gìn rất tốt để ngày nay lại trở thành một sản phẩm du lịch hấp dẫn, thông qua nó mà du khách hiểu hơn về câu chuyện của đất và người Đảo Bé.

2.1.2.5. Quy trình và kỹ thuật trồng hành, tỏi

Đảo Lý Sơn nói chung và Đảo Bé nói riêng có hành thơm, tỏi ấm thương hiệu nổi tiếng trong cả nước. Và ngày nay khi các nhà khoa học chứng minh giá trị của tỏi là một thảo dược tốt cho sức khỏe và có thể điều trị một số loại bệnh, thì nhu cầu dùng tỏi ngày càng lớn. Để trồng được những cây hành, tỏi thơm ngon đến thế, người dân địa phương phải chuẩn bị và làm các khâu tương đối công phu để tạo ra sản phẩm. Khâu chọn giống đến cải tạo đất, trồng và chăm sóc, thu hoạch và bảo quản, cuối cùng là bán sản phẩm ra thị trường cho người tiêu dùng.

Quy trình trồng hành, tỏi gồm các bước:

Chuẩn bị giống ⟹ dọn sạch rẫy ⟹ cải tạo lại đất, thêm phân lót ⟹ gia thêm cát trắng ⟹ trồng hành, tỏi ⟹ chăm bón hành, tỏi cho cây phát triển ⟹ thu hoạch.

1. Chuẩn bị giống: hành, tỏi của mùa thu hoạch trước để lại làm giống hoặc người dân mua hành giống từ bên đảo Lớn chuẩn bị cho vụ tiếp theo.

2. Dọn sạch rẫy: dọn các loại cỏ, rác, lá cây và làm sạch khu vực đám rẫy, sau đó quét sạch rẫy.

3. Cải tạo lại đất (hay còn gọi là trở đất, bồi đất): cuốc từng lớp đất lên sau đó bỏ phân hữu cơ xuống, phân này được ủ từ rong, mơ biển hoặc các loại lá cây, lớp đất đó sau được san lấp bằng lại.

4. Gia thêm cát trắng: cát trắng này là loại cát san hô lấy từ bãi biển của đảo, thời gian lấy cát khoảng từ giữa tháng 7 đến giữa tháng 8. Cát trắng san hô có chức năng làm mát tỏi và góp phần làm tỏi thơm ngon.

5. Trồng hành tỏi: Người dân dùng cây cào để cào thành từng hàng và trồng hành, tỏi. Thời gian trồng khoảng tháng 9 trong năm, đây là khoảng thời gian mùa mưa, phù hợp trồng cây. Sau này cây trồng lớn và khoảng cách đều nhau giữa các lối, dễ dàng cho người nông dân chăm sóc.

6. Chăm bón hành, tỏi cho cây phát triển: Ở đây không có mạch nước ngầm ngọt nên người dân không thể tự tưới nước cho cây, mà cây hoàn toàn phụ thuộc vào thời tiết. Năm nào mưa thuận gió hòa, cây trồng phát triển tốt, đỡ sâu bệnh thì năm đó được mùa, ngược lại thời tiết không ổn định hoặc hạn hán thì bị mất mùa. Trồng hành, tỏi bên đảo Bé khác so với bên đảo Lớn là phụ thuộc hoàn toàn nước mưa trời cho, thời gian trồng hành tỏi cùng thời điểm và xen canh nhau, thời gian thu hoạch kéo dài hơn. Còn bên đảo Lớn có mạch nước ngầm ngọt, nên người nông dân chủ động tưới tiêu, trồng nhiều mùa vụ và thời gian thu hoạch ngắn hơn. Phần lớn khi thu hoạch sản phẩm hành, tỏi bên đảo Lớn lúc nào củ cũng to hơn và năng suất cao hơn so với bên đảo Bé.

7. Thu hoạch: sau bước chăm bón cho hành, tỏi đến khoảng tháng 11 trong năm thu hoạch hành và tháng 2 năm sau là lúc thu tỏi mang về nhà. Người nông dân cắt bỏ phần lá và rễ, lấy phần củ. Sản phẩm có thể bán tươi hoặc phơi khô, giá cả từng năm có sự chênh lệch, nhìn chung hiện nay giá cả tương đối ổn định qua các năm và hành tỏi Lý Sơn đã có thương hiệu và du khách ra đảo thường mua về làm quà.

2.1.2.6. Hệ thống lu, hồ đựng nước mưa

Huyện Lý Sơn có hai hòn đảo là Đảo Lớn và Đảo Bé. Đảo Lớn có diện tích lớn, dân số đông và có mạch nước ngầm ngọt, còn Đảo Bé ngược lại, diện tích nhỏ, dân số ít hơn và kết cấu địa chất không có mạch nước ngầm ngọt. Những vị tiền hiền từ đảo Lớn sang bên Đảo Bé khai hoang, lập làng và dẫn dắt con cháu cùng sang định cư. Những lớp cư dân đầu tiên này phải thích nghi với môi trường sống mới, nơi mà nước ngọt dùng để sinh hoạt, tưới tiêu luôn trông chờ vào nguồn nước mưa. Trước kia chỉ có mái nhà tranh, phải đưa các lu hứng theo dòng chảy của các mái lá tranh lợp nhà để lấy nước, chờ nước ngưng đọng rồi dùng. Dần theo thời gian, những ngôi nhà tranh dần được thay bằng các ngôi nhà khang trang được lợp bằng mái ngói, tôn thì người dân nơi đây dùng ống nước dẫn vào các lu, hồ chứa nước mưa và để dành dùng đến mùa mưa tiếp theo. Người dân bao đời từ các thế hệ với các độ tuổi khác nhau đều dùng ít nước ngọt và thực hiện chế độ tiết kiệm nước. Lu, hồ đựng nước mưa đã gắn liền với cư dân nơi đây từ thế hệ trước đến thế hệ sau, vì nước là sự sống. Nên lu, hồ nhà nào cũng có và một vật chứa rất thân thuộc đối với người dân nhưng cũng là một sản phẩm lạ và thú vị với nhiều du khách đến với Đảo Bé.

2.1.2.7. Tinh thần hiếu khách và thân thiện của cồng đồng địa phương

Người dân ở những vùng sâu và hải đảo thường là những vùng đất khó khăn, kinh tế chậm phát triển hơn so với thành phố nhưng cũng là nơi bảo lưu tốt các giá trị văn hóa bản địa và tinh thần hiếu khách cao. Và người dân Đảo Bé Lý Sơn cũng vậy ở

vùng hải đảo, đảo tiền tiêu của tổ quốc, cuộc sống không khấm khá nhưng tình cảm dạt dào giữa hàng xóm láng giềng, dòng tộc, đặc biệt khi có khách đến thăm nhà. Tinh thần hiếu khách từ xa xưa cho đến nay vẫn không hề thay đổi. Đó là một tài sản của từng gia đình và tài sản chung của cộng động đảo Bé. Hiện nay, khi du lịch ngày càng phát triển trên đảo, loại hình homestay đón và phục vụ du khách, thì tài sản này càng quan trọng. Tinh thần hiếu khách, thân thiện với du khách và sẵn sàng chia sẻ những giá trị văn hóa địa phương, cùng ăn, cùng sinh hoạt tạo cho du khách nhiều trải nghiệm, mang về nhiều kỷ niệm trong chuyến đi.

2.1.2.8. Văn hóa ẩm thực

Đảo Bé có rất nhiều cảnh đẹp được thiên nhiên ban tặng, nhiều giá trị văn hóa và người dân nơi đây còn biết chế biến những món ăn ngon từ sản vật địa phương. Rượu dầm tỏi cô đơn (tỏi một tép), đặc sản gỏi tỏi non, nước dứa dại, rượu cam đàng, món rau xoa, món vẹm xào, các loại hải sâm, bánh ít lá gai, ốc biển, chè rong biển, cua đá hấp – nướng, nhông cát, các món cá tươi ngon…là những món đặc sản của Đảo Bé – Lý Sơn. Dưới đây điểm qua một số món ăn đặc trưng của vùng xứ đảo.

Rượu tỏi cô đơn (tỏi một tép)

Tỏi cô đơn hay tỏi nhiều tép cũng được trồng cùng giống tỏi, nhưng trong quá trình sinh trưởng của các cây tỏi có sự khác nhau, tạo ra tỏi có nhiều tép và tỏi một tép. Theo chia sẻ kinh nghiệm của người dân địa phương, tùy vùng đất canh tác của từng đám rẫy mà số lượng tỏi cô đơn nhiều hay ít. Tỏi một tép có hàm lượng tinh dầu lớn, rất tốt cho sức khỏe và điều trị một số bệnh, nên giá thành của loại tỏi này thường đắt gấp 10 lần so với tỏi nhiều tép. Người dân địa phương sau khi thu hoạch về, nhặt tỏi một tép ra phơi riêng để bán hoặc ngâm rượu. Việc ngâm rượu cũng khá đơn giản, lấy tỏi sao qua một lửa, để nguội bóc vỏ và cho vào rượu ngâm. Rượu để ngâm được chọn từ loại rượu ngon do người địa phương nấu.

Gỏi tỏi non

Thu hoạch từ những cây tỏi non, cắt bỏ phần lá, rễ, làm sạch vỏ dùng nước rửa sạch. Bước tiếp theo luộc sơ qua không để chín kỹ, giữ độ dòn và ngọt của tỏi. Tỏi được trộn với rau thơm, đậu phộng và dầu ăn trước đó khử với hành. Đây là món ăn mà những người con đất đảo xa quê luôn nhớ khi mùa tỏi đến và cũng là món ăn mà được rất nhiều du khách yêu thích.

Nhông cát

Nhông cát (tên khoa học Leiolepis belliana Gray) tên khác là dông cát, nhông biển,... là một loài bò sát giống thằn lằn. Thân hơi dẹt bên ở chỗ tiếp giáp của phần lưng và phần bụng. Chân mảnh, các ngón không có màng da. Lưng nhẵn bóng, có 4 đường sọc màu vàng nâu nhạt hoặc sẫm chạy từ gáy đến đuôi và rất nhiều chấm hình lục lăng màu lục xám, vảy nhỏ. Bụng màu nhạt có vảy lớn hơn. Đuôi dài, thuôn nhọn. Da có màu sắc biến đổi tùy lúc. Nhông cát này sống phổ biến ở vùng đồi cát gần khu vực rừng cam đàng ở về phía đông bắc của đảo.

Về mặt thực phẩm, nhông cát có giá trị dinh dưỡng cao. Món nào cũng ngon, lạ miệng, đậm đà hương vị xứ cát, gió biển với thịt ngọt, xương mềm, trứng bùi béo nhưng không ngấy, mật đăng đắng để lại hậu vị ngọt. Đặc biệt là nhông nướng ướp củ hành, nén được nhân dân ở đây coi như món ăn - bài thuốc có tác dụng chữa sốt, cảm lạnh, đau nhức, ho, kém tiêu.

Cua Đá

Cua đá (tên khoa học Gecarcoidea lalandii) là một loài cua đất lớn thuộc chi Gecarcoidea. Loài cua này có vỏ màu tím sậm, chân dài và càng ngắn. Nó là loài động vật ăn đêm, ban ngày trú ẩn trong các hang đá. Thức ăn của cua đá là động vật và lá cây.

Cua Đá có thể được chế biến thành rất nhiều món. Cua đá hấp bia có màu rất bắt mắt, toàn thân là một màu đỏ hồng như màu gạch, vỏ bóng loáng. Thịt cua hấp có màu trắng, rất thơm, ăn có vị ngọt, dai. Ngoài món cua đá hấp bia, chúng ta còn chế biến cua đá thành những món khác không kém phần hấp dẫn và ngon miệng như**:** cua đá rang muối, cua đá nướng…

Nước quả Dứa: là một thức uống thơm ngon bổ đặc trưng trên đảo, hơn nữa quả dứa là nguồn lợi sẵn có giúp tạo thêm nguồn kinh tế. Dứa dại được mọc nhiều tự nhiên trên đảo, chỉ cần quả chín, mọi người có thể hái. Qủa dứa được chẻ nhỏ ra, phơi khô và nấu thành thức uống. Người dân nơi đây nấu dùng nước uống cho các thành viên trong gia đình và hiện nay một vài cô nấu nước dứa dại, làm nước giải khát bán cho du khách.

Rượu Cam Đàn: Đây là một thức uống đặc biệt quý hiếm mà ít nơi nào có được và được du khách ưa chuộng, nếu được nhân rộng và phát triển thì chắc chắn sẽ đem lại thêm nguồn thu nhập cao cho người dân. Ở về phía đông bắc của đảo có một rừng cam đàn tự nhiên, khoảng tháng 5 ra hoa, hình thành quả và khoảng tháng 11 quả bắt đầu chín. Đây cũng là rừng cam đàn tự nhiên, sống phụ thuộc vào đất trời, không thuốc bảo vệ thực vật. Qủa nào cũng ngọt nên nó còn có tên gọi khác là cam đường. Ngày nay, rừng cam đàn cũng là một điểm tham quan của du khách khi đến đảo.

2.2. Thực trạng phát triển du lịch tại đảo Bé

2.2.1. Số lượt khách

Ngày 28/4/2007, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức lễ khai trương tuyến du lịch ra huyện đảo Lý Sơn, nhưng bắt đầu từ năm 2014 đến nay du lịch huyện Lý Sơn mới có khởi sắc và phát triển nói chung trong đó có Đảo Bé. Trong khoảng thời gian 7 năm (từ 2007 – 2013) số lượng khách ra đảo ít và phần lớn kết hợp thăm người thân, hay đi công tác. Mãi đến năm 2014 du khách bắt đầu đi du lịch Lý Sơn, nhưng hòn đảo tiền tiêu vẫn chưa nằm trên bản đồ du lịch của Việt Nam và thật sự chưa nhiều người biết đến. Đến năm 2016 Lý Sơn thật sự bùng nổ số lượt khách là 164.902 so với số dân đảo khoảng hơn 20.000 ngàn dân. Riêng đảo Bé số lượng du khách đến khiêm tốn hơn 45.000 lượt khách/ 164.902 lượt khách (cả Lý Sơn) và dân số thực tế

sống khoảng trên 350 nhân khẩu. Đến 4 tháng đầu năm 2017 và trong khoảng thời gian này chưa là mùa du lịch cao điểm, số lượng du khách ít. Mùa du lịch biển đảo đông là khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 9 trong năm. Thời gian từ tháng 9 trở về đến cuối năm là mùa biển động không phù hợp với loại hình du lịch biển đảo. Số lượt khách tăng đều qua các năm, năm 2014 có 36.620 lượt khách đến Lý Sơn và đến năm 2016 tăng lên 164.902 lượt khách.

Bảng 2.1: Số lượt khách đến Lý Sơn từ năm 2014 – đến tháng 4 năm 2017

Năm 2014		**Năm 2015**		**Năm 2016**		**4 tháng đầu năm 2017**	
Đảo Lớn	Đảo Bé	Đảo Lớn	Đảo Bé	Đảo Lớn	Đảo Bé	Đảo Lớn	Đảo Bé
36.620	13.200	95.000	27.900	164.902	45.000	27.877	7.100

Nguồn: Phòng Văn hóa thông tin Lý Sơn và Ban quản lý cảng Lý Sơn

Biểu đồ 2.2: Số lượt khách đến Lý Sơn. ĐVT: Lượt khách

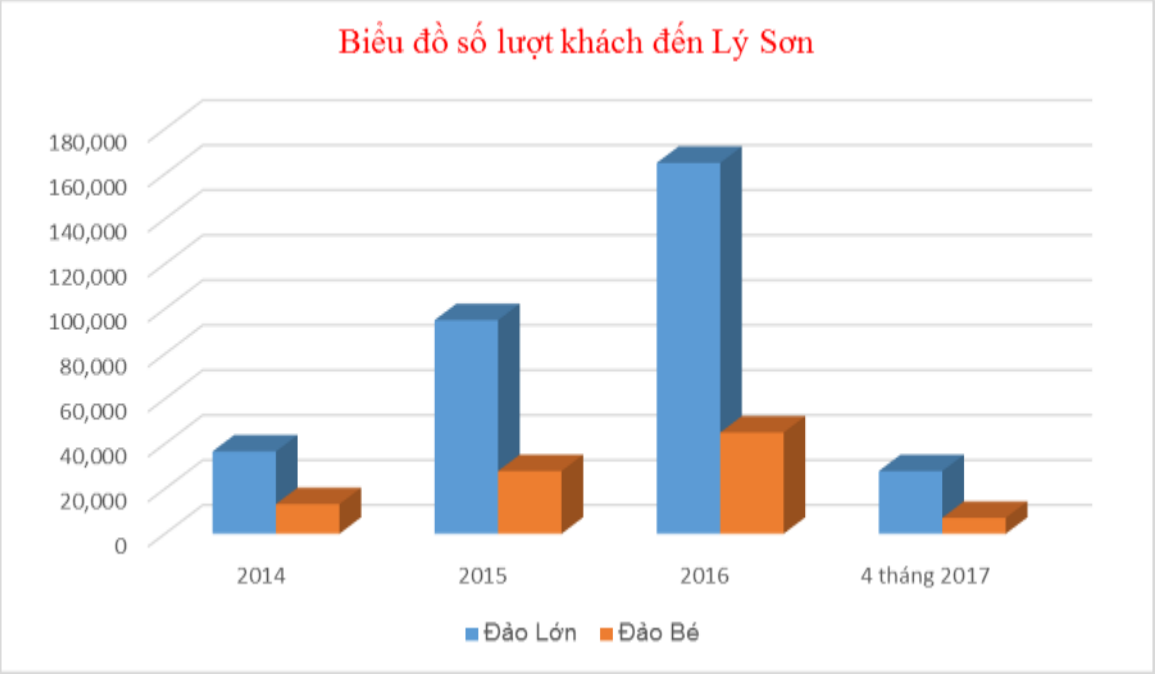

2.2.2. Doanh thu du lịch Lý Sơn

Bảng 2.3: Doanh thu du lịch ĐVT: Triệu đồng

Năm	2014	2015	2016	4 tháng 2017
Doanh thu	43.944	114.000	197.822	33.452

Nguồn: Phòng Văn hóa thông tin Lý Sơn [19]

Số lượt khách du lịch tăng qua các năm đồng thời doanh thu từ du lịch cũng tăng theo. Năm 2014 doanh thu là 43.944 triệu đồng đến năm 2016 tăng lên 197.822 triệu đồng. Riêng 4 tháng đầu năm 2017 không là mùa cao điểm của ngành du lịch Lý Sơn nhưng vẫn thu được 33.452 triệu đồng.

2.2.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật và các nhóm phục vụ cho ngành du lịch tại địa phương

2.2.3.1. Phương tiện đến Đảo Bé

Khách du lịch di chuyển từ cảng Sa Kỳ - Lý Sơn bằng tàu cao tốc khoảng 1 giờ đến đảo Lớn. Di chuyển từ Đảo Lớn sang Đảo Bé bằng ca nô 7 – 10 phút. Khoảng cách giữa hai đảo khoảng 4km, đường đi ngắn, đảo Bé là biển ngang gió cấp 6 là ca nô không thể chạy được. Hiện nay số lượng tàu chở hàng và khách có 2 loại là tàu gỗ và ca nô, tàu gỗ có 2 chiếc và ca nô có 16 chiếc.

Chủ các tàu phần lớn là người Đảo Lớn, người dân Đảo Bé gần như không tham gia đầu tư loại hình này. Đến đầu tháng 7/2017, 10 chiếc ca nô không đủ tiêu chuẩn của Bộ Giao thông Vận tải, không hoạt động chỉ 6 chiếc đủ tiêu chuẩn hoạt động tuyến đảo Lớn – đảo Bé. Số lượng ca nô ít, không đủ để chở khách và đặc biệt vào những ngày cuối tuần, du khách đông dẫn đến bị quá tải.

2.2.3.2. Phương tiện chở khách trên đảo bằng xe điện

Xe điện là phương tiện phổ biến nhất hiện nay trên đảo phục vụ khách tham quan, du lịch. Từ cuối năm 2015 một vài hộ gia đình địa phương góp vốn mua, xe điện có giá khoảng từ 100 – 120 triệu đồng. Trong 2 năm 2016 và 2017 số lượng xe điện không ngừng tăng và dừng lại ở 22 chiếc. Hiện nay, chính quyền địa phương kêu gọi người dân không mua xe mà khuyến khích thêm loại hình mới cho khách thuê xe đạp, để đạp quanh đảo, khám phá trải nghiệm.

Đảo Bé có diện tích khá nhỏ khoảng 69 ha, nhưng chứa đựng nhiều giá trị địa chất, văn hóa, cảnh quan môi trường và biển vô cùng xinh đẹp với làn nước trong xanh và bãi cát san hô trắng xóa. Người lái xe điện đón khách ở cầu cảng An Bình chở khách đi 3 điểm Mom Tàu – Bãi Tây – Bãi Hang, trong khi đó đảo Bé có rất nhiều điểm thú vị khác mà du khách chưa từng một lần thăm quam. Mỗi du khách đi 3 điểm vòng quanh đảo là 30.000 nghìn một người, mỗi điểm 10.000 nghìn đồng. Các thành viên hoạt động trong nội quy của tổ. Du khách muốn khám phá nhiều điểm trên đảo nên kết hợp cả đi xe đạp, đi bộ và đôi khi cần thiết dùng xe điện.

Người lái xe điện trên đảo vẫn chưa giới thiệu những thông tin cần thiết về xứ đảo cho du khách trong khi chở khách thăm quan. Người du khách đến du lịch một vùng đất mới rất cần có những thông tin giúp họ hiểu về vùng đất và con người mà họ đến. Độ tuổi của các thành viên lái xe chủ yếu là thanh niên trên đảo, có thể học hỏi và tiếp thu nhanh kiến thức, tham gia các lớp học thuyết minh, để thuyết minh cho du khách.

2.2.3.3. Hiện trạng cơ sở lưu trú

Đảo Lớn có nhiều khách sạn lớn nhỏ, nhà nghỉ và homestay. Theo số liệu của phòng Văn hóa thông tin huyện Lý Sơn tính đến tháng 5/2017 có 109 cơ sở dịch vụ lưu trú đang hoạt động với tổng số 648 phòng, trong đó có 6 khách sạn, 46 nhà nghỉ, 1 nhà trọ, 56 hộ gia đình làm homestay. Khách sạn lớn như khách sạn Mường Thanh Lý Sơn holiday 4 sao được khánh thành vào năm 2016 thuộc tập đoàn Mường Thanh sở hữu. Còn lại một số khách sạn vừa và nhỏ do người dân Lý Sơn đầu tư. Nhà nghỉ và homestay là hai loại hình phổ biến đón khách du lịch lưu trú khi đến đảo.[19]

Riêng Đảo Bé có nhà nghỉ và homestay, không có khách sạn. Hiện nay, trên đảo chỉ có 2 nhà nghỉ, đó là nhà nghỉ Minh Vy và Thảo Quỳnh. Nhiều nhà dân tham giam đón du khách ở và phục vụ ăn uống, trong đó có 1 homestay - anh Minh đăng ký phục vụ du khách với chính quyền địa phương.

Phần lớn du khách hiện nay sang Đảo Bé vào thời gian buổi sáng, tham quan 3 điểm Mom Tàu – Bãi Tây – Bãi Hang, tắm biển và quay về đảo Lớn ăn uống và lưu trú. Khách ở lại ban đêm trên đảo khá ít, một phần lưu trú tại homestay và một phần cắm lều trại ngủ bãi biển và đốt lửa trại. Homestay giá tương đối rẻ 70.000 ngàn đồng/1 người/1 đêm.

2.2.3.4. Các cơ sở ăn uống

Tại Bãi Hang nằm về phía đông bắc của đảo, nơi có bãi tắm tiên sa tuyệt đẹp, du khách đến đảo Bé chủ yếu tập trung về điểm này, vì thế các nhà hàng bán đồ ăn và thức uống cũng hình thành tại đây. Các nhà hàng lần lượt mọc lên phục vụ du khách, hiện nay có 12 nhà hàng lớn, nhỏ. Nhà hàng được làm rất đơn giản từ các vật liệu sắt, tre và lợp lá dừa. Các chủ nhà hàng đều là người dân đảo Bé, mỗi nhà hàng thường 3 – 4 gia đình cùng góp vốn. Với số lượng 12 nhà hàng là khoảng nữa số hộ dân trên đảo tham gia hoạt động loại hình này.

Nhà hàng hoạt động tùy thuộc vào thời tiết, thời tiết gió cấp 5, 6 ca nô không được xuất cảng chở khách sang đảo Bé. Những ngày dự báo thời tiết gió nhẹ, nhưng vào buổi sáng hôm đó trời sương mù ca nô vẫn không được hoạt động. Chủ nhà hàng dọn dẹp chuẩn bị đón khách, khách không sang vì trời có sương mù, đóng cửa hàng. Việt Nam nói chung và Đảo Bé nói riêng đều chịu sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nên thời tiết hiện nay luôn có sự thay đổi không còn tuân theo các mùa như trước kia. Điều này chứng minh bằng thực tiễn là tháng 3 - 4 năm trở về trước trời êm, thuận lợi cho việc đi biển, nhưng năm nay nhiều ngày trong tháng biển động kéo dài liên tục. Dịp 30/4 và 1/5/2017 là dịp lễ lớn cả nước, thời tiết ngoài đảo xấu du khách không ra đảo, nhiều công ty lữ hành ký hợp đồng trước đó bị vỡ tour.

Thức ăn bán tại các nhà hàng chủ yếu là hải sản, nguồn nhập chủ yếu bên Đảo Lớn, phần nhỏ mua từ các tàu đánh cá neo đậu gần đảo. Hải sản tươi ngon, phổ biến các

loại cá mú, cá tà ma, cá đỏ mắt, cua đá, ốc mặt trời (ốc cừ), chả cá. Góp phần làm cho món ăn ngon, hương vị đậm đà là nước mắm Lý Sơn với tỏi đảo Bé.

Nước uống giải khát chủ yếu là nước dừa, mía. Dừa phần lớn xuất xứ từ Đảo Bé và phần còn lại nhập từ đất liền. Mùa hè là du lịch cao điểm, nhu cầu dừa rất cao, nên lượng dừa trên đảo không đủ phục vụ khách. Mía hoàn toàn mua từ các vùng phía đất liền của tỉnh Quảng Ngãi.

Doanh thu của các hàng quán không đều qua các tháng, doanh thu cao nhất rơi vào từ tháng 5 đến tháng 9, từ tháng 10 đến các tháng đầu của năm sau rất thấp, vì thời tiết xấu biển động, ít khách.

2.2.3.5. Đội thuyền thúng đưa du khách lặn ngắm san hô

Đảo Bé không sở hữu những bãi biển trải dài như bãi biển Nha Trang, bãi biển Mỹ Khê (Quảng Ngãi) nhưng lại có các bãi rạn san hô cực kỳ rộng lớn. Theo các chuyên gia biển nhận định bãi rạn của đảo Lý Sơn kéo rộng ra đến 40 km^2. Các bãi rạn xung quanh đảo đều có san hô nhiều màu sắc và phong phú các loại cá, ốc với nhiều rong biển. Được thiên nhiên ưu đãi, các bãi rạn này phù hợp cho loại hình du lịch lặn ngắm san hô.

Khách du lịch đến Đảo Bé phát sinh nhu cầu lặn ngắm san hô, các lứa thanh và trung niên trên đảo tham gia hoạt động, đưa du khách lặn ngắm san hô. Tính đến tháng 7/2017 có 44 thành viên trong tổ. Các thành viên này hầu hết là người dân có hộ khẩu thường trú tại đảo Bé. Trước khi thành lập tổ, mỗi thúng tự nhận khách và đưa du khách đi lặn ngắm san hô, nhưng trong quá trình hoạt động không có sự công bằng và mất đi sự đoàn kết giữa các thành viên với nhau. Với thực trạng trên, chính quyền ủy ban nhân dân xã An Bình họp cùng đội thuyền thúng đưa các thành viên vào tổ cùng hoạt động. Mỗi du khách đi lặn ngắm một lần 60.000 nghìn đồng, bao gồm cả áo phao và kính, lặn tắm thoải mái chưa quy định về thời gian.

2.2.3.6. Nhóm cho thuê áo phao, kính lặn

Tại bãi tắm tiên có 3 địa điểm cho du khách thuê ao phao, kính lặn. Dưới sát bãi biển một nhóm nhỏ của tổ du khách lặn ngắm san hô, khách thuê với giá 20.000 nghìn đồng trên một bộ bao gồm áo phao và kính lặn. Ở phía trên bãi tắm, gần hàng quán có 2 địa điểm cho thuê áo phao và kính lặn. Giá cho thuê 2 điểm này cùng giá với tổ thuyền thúng. Du khách tha hồ lựa chọn thuê ở các điểm, tất cả đều đồng giá.

Hằng ngày có rất nhiều du khách thuê áo phao và kính lặn. Thu nhập hằng ngày của người cho thuê khoảng từ 100.000 – 150.000 nghìn đồng mỗi ngày. Vào những ngày cuối tuần hay các dịp lễ lớn mức thu nhập cao hơn gấp nhiều lần. Với mức thu nhập đó đã giúp một vài hộ gia đình tham gia, trang trải thêm trong cuộc sống gia đình.

2.2.3.7. Nhóm bán đồ lưu niệm và đặc sản địa phương

Nhóm bán đồ lưu niệm và các mặt hàng đặc sản địa phương cũng ít người tham gia. Tại Bãi Hang có 3 người tham gia bán mặt hàng này, chủ yếu là hành, tỏi, rau cau, dứa dại và các loại vỏ ốc… người bán hàng đặc sản có độ tuổi trên 50 đến 60 tuổi. Hành có giá khoảng 30.000 – 40.000 nghìn đồng/1kg, tỏi có nhiều loại giá, tỏi một tép trên 1.000.000 triệu/1kg, tỏi nhiều tép loại lớn 120.000 nghìn/1 kg, tỏi nhiều tép loại nhỏ khoảng 80.000 nghìn/1 kg. Mức thu nhập hằng ngày của người bán hàng thu nhập trung bình khoảng 100.000 nghìn đồng. Vào các dịp lễ lớn, số lượng hàng bán nhiều cho du khách mang về thu nhập cao hơn.

2.2.3.8. Mạng lưới thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước

Đảo Bé là hòn đảo không có mạch nước ngọt ngầm, cây trồng và sinh hoạt của nười dân phần lớn phụ thuộc vào nguồn nước mưa. Nước được tích trữ trong các lu, hồ dùng từ mùa mưa năm này đến mùa mưa năm sau. Với tình trạng thiếu nước dùng của các hộ gia đình đến năm 2012 công ty trách nhiệm hữu hạn công nghiệp nặng DoosanVina tài trợ cho xã An Bình – huyện Lý Sơn nhà máy xử lý nước biển thành nước ngọt (1 triệu USD). Mục đích tăng thêm nguồn nước trong sinh hoạt cuộc sống hằng ngày của cư dân địa phương. Hiện nay, lượng du khách đến Đảo Bé ngày càng nhiều, nhu cầu sử dụng nước càng lớn, nước tại Đảo Bé không đủ cung cấp cho du khách, người dân mua nước ngọt từ Đảo Lớn vận chuyển sang Đảo Bé để dùng.

Trước kia Đảo Bé không có điện, thắp đèn dầu vào mỗi đêm. Được sự quan tâm của chính quyền địa phương xây dựng nhà máy điện cung cấp điện sinh hoạt cho người dân. Nhà máy hoạt động mỗi ngày 2 lần, lần 1 từ 10 giờ sáng đến 13 giờ chiều, lần 2 từ 17 giờ đến 22 giờ đêm. Đến cái Tết âm lịch đầu tiên năm 2017 Đảo Bé chính thức đóng điện hoạt động cả ngày lẫn đêm. Khi điện hoạt động liên tục nhu cầu mua sắm đồ dùng điện của cộng đồng địa phương tăng lên, nhà nào cũng mua sắm nồi cơm điện, mua thêm tủ lạnh để dự trữ thức ăn. Một vài hàng quán mua tủ đông để dự trữ nguồn thực phẩm cung cấp cho du khách. Theo thông tin từ nhà máy điện An Bình, đến tháng 9/2017 hoàn thành công trình điện năng lượng mặt trời - năng lượng xanh. Công trình điện năng lượng mặt trời khai thác vào những ngày có nhiều nắng, vào những ngày mùa đông trời ít hoặc không có nắng sử dụng máy phát diezen.

Gần địa điểm Bãi Dừa, phía Nam của đảo có nhà bưu điện xã trước kia hoạt động, nhưng hiện nay bị xuống cấp nên không hoạt động. Có một nhân viên làm việc tại nhà nhận báo, thư đi phát cho các cơ quan và hộ gia đình. Hiện nay, trên đảo Bé sóng Viettel mạnh nhất, mobile và Vina yếu hơn. Tại khu vực Bãi tắm Tiên gần như không có sóng điện thoại. Không có mạng wifi trên đảo, vì thế hệ thống thông tin kết nối chia sẽ làm việc trên máy tính gặp nhiều khó khăn. Một số bạn trẻ trên đảo và du khách sử dụng mạng 3G để truy cập mạng, đọc các thông tin, báo chí điện tử.

2.3. Tác động của phát triển dịch vụ du lịch

Du lịch phát triển mang lại nhiều điều tích cực cho địa phương tham gia hoạt động du lịch. Du lịch tạo công ăn việc làm cho nhiều người, chuyển đổi sinh kế, góp phần phát triển kinh tế cho địa phương. Nhưng nếu địa phương đó không có một mô hình quản lý đúng đắn thì bên cạnh du lịch mang lại nhiều lợi ích cũng có những điều tiêu cực tác động trở lại với địa phương.

2.3.1. Hệ sinh thái tự nhiên trên cạn

Hệ thực vật tự nhiên trên Đảo Bé không phong phú bằng các rừng tự nhiên hùng vĩ như những cánh rừng nguyên sinh khác ta thường thấy. Vì hòn đảo có diện tích quá bé 69 ha, chịu tác động mạnh của sóng, gió, nắng, không mạch nước ngầm. Trước kia đảo này khá nhiều dứa dại, nhưng khi cư dân đảo Lớn sang sinh sống rừng dứa bị san lấp làm rẫy. Hiện nay, rừng dứa còn lại tập trung tại khu vực phía Đông của xã đảo.

Ngoài dứa, Đảo Bé còn có các cây khác như dừa, nhãn, mận, chuối, cam đàng, phi lao, ướp lông, ướp trơn, cách, nhàu, bàng vuông, chân âm và nhiều cây bụi, các loài hoa như: hoa bông bụt, hóa tím, giấy và các loại hoa dại khác. Rất nhiều trong những loại cây này có dược tính tốt, những cây thuốc Nam quý. Rong rêu, địa y khá phát triển với đặc thù rất riêng.

Đảo Bé đang trong thời gian phát triển du lịch, gần như các hệ sinh thái tự nhiên trên cạn vẫn còn được bảo vệ tốt, chưa bị chặt phá hay khai thác quá nhiều. Chính điều này mà Đảo Bé hiện nay vẫn giữ được nét hoang sơ mà du khách nào cũng thích. Đặc biệt vào tháng 10 – 11 trong năm khi các cánh đồng hành tỏi lên xanh mướt, tạo nên các ruộng bậc thang xanh tươi, xen lẫn màu đen của đá núi lửa tạo nên cảnh quang vô cùng ngoạn mục và độc đáo.

Vào cuối tháng 6 và tháng 7 âm lịch, người dân địa phương khuất bờ, dọn dẹp từ trong ra ngoài bờ rẫy, đốt rác có nguy cơ gây ra cháy lớn và đã có nhiều lần hỏa hạn xảy ra. Chính quyền địa phương tuyên truyền vận động người dân cẩn thận trong lúc dọn dẹp, đốt rẫy nhằm hạn chế hỏa hạn đốt rừng.

2.3.2. Hệ sinh thái tự nhiên dưới nước

Vùng biển xung quanh Đảo Bé có độ đa dạng sinh học cao nhờ chất lượng nước tốt. Với các hệ sinh thái điển hình như: rạn san hô cứng, mềm với nhiều màu sắc, rong biển, cỏ biển, cá biển, tôm, cua, ốc, mực… rất thích hợp cho việc phát triển các loại hình du lịch biển.

Hiện trạng hệ sinh thái san hô và các loài thủy sản quanh đảo đang bị suy thoái nghiêm trọng và giảm số lượng. Do quá trình đánh bắt thủy sản bằng thuốc nổ, giã cào đến từ người dân đảo Lớn và các vùng lân cận khác đến khai thác. Khách du lịch dẫm đạp, sóng biển đánh vỡ cũng góp phần nguyên nhân làm suy giảm rạn san hô. Hiện tại

các loài san hô còn sống chủ yếu tập trung tại phía Bắc và phía Nam đảo, dưới hình thức riêng lẻ từng khóm nhỏ không còn phân bố theo hệ thống rạn dày đặc nữa.

Hệ thống san hô là ngôi nhà của các loài tôm, cua cá, ốc… đặc biệt là các loài cá. Cá con được sinh sản ở các vùng cửa sông, lớn di chuyển ra biển cư ngụ trong các vùng rạn san hô. Vì thế, san hô bị tác động, suy giảm bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, dẫn đến nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt. Hệ sinh thái tự nhiên dưới biển bị tác động tiêu cực từ thiên nhiên vào các mùa biển động là quy luật tự nhiên không tránh khỏi, nhưng tránh bị tác động từ phía con người. Cần có những giải pháp cụ thể, chung tay bảo vệ thiên nhiên.

2.3.3. Vấn đề rác thải, nước thải

Một vùng đất du lịch cần đòi hỏi môi trường phải luôn sạch sẽ từ trong nhà, ra đường đến các nơi công cộng. Du khách đi du lịch luôn đánh giá vấn đề môi trường là một trong những yếu tố hàng đầu. Tùy mỗi khu vực mà có nhiều loại rác thải, chất thải tác động trực tiếp đến môi trường vùng đó. Đảo Bé hiện nay có hai vấn đề đáng lưu tâm là rác thải, nước thải sinh hoạt của hộ gia đình và hoạt động du lịch.

Theo báo cáo của Tổng cục môi trường, định mức lượng rác thải phát sinh hằng ngày của một người ở khu vực nông thôn khoảng 0,7 – 0,8 kg/người/ngày, do đó có thể lấy định mức phát thải của một người trên đảo là 0,7kg/người/ngày.

Với khoảng 350 dân hiện sinh sống thường xuyên trên đảo thì khối lượng rác phát sinh hàng ngày là 245 kg. Định mức lượng rác thải phát sinh của mỗi du khách đến đảo là 0,7 kg/người/ngày. Lượng khách trung bình tham quan đảo hằng ngày khoảng 500 người và lượng rác thải phát sinh khoảng 350kg. Rác thải từ đảo Lớn dạt vào bãi biển: 10 kg/ngày. Tổng lượng rác thải hàng ngày của Đảo Bé sẽ là: 605 kg.

Bảng 2.4: Nguồn phát thải

STT	Nguồn phát thải	Số dân (người/ ngày)	Định mức (kg/người/ngày)	Khối lượng (kg/ngày)
1	Từ người dân	350	0,7	245
2	Từ khách du lịch	500	0,7	350
3	Từ đảo Lớn dạt vào bãi biển			10
Tổng cộng				**605**

Ngoài ra vào sau mùa thu hoạch có một lượng lá hành, tỏi đây là nguồn có thể làm phân compost bón phân cho các loại cây hay cho mùa vụ sau.

Bảng 2.5: Tính khối lượng rác:

STT	PHÂN LOẠI	TỈ LỆ	KHỐI LƯỢNG
1	Rác hữu cơ dễ phân hủy	40%	242 kg/ngày
2	Rác vô cơ khó phân hủy	30%	181,5 kg/ngày
3	Rác tái chế	30%	181,5kg/ngày

- Rác hữu cơ dễ phân hủy là các loại rác thải có khả năng tự phân hủy trong môi trường tự nhiên sau một thời gian ngắn, như: lá cây, rau quả, vỏ trái cây, xác động vật, phân động vật,...
- Rác vô cơ khó phân hủy là các loại rác thải có khả năng tồn lưu trong môi trường tự nhiên rất lâu, như: vải vụn, chai nhựa, bóng đèn, tóc, thùng xốp, giấy kẹo, giầy da, xốp, túi nilon, hộp sữa, bao mì tôm, ống hút...
- Rác tái chế: Các chất thải có thể tái chế được gia đình giữ lại để bán cho các cơ sở mua bán phế liệu như đồ nhựa, đồng, sắt, nhôm, giấy, bình ắc quy....

Rác thải hộ gia đình trên đảo hiện nay chưa ứng dụng mô hình phân loại rác tại nguồn, nên các loại rác khó phân hủy, dễ phân hủy và hữu cơ đều dồn chung vào một thùng rác. Đội thu gom rác trên đảo là công nhân của công ty Đa Lộc, có hai người thực hiện chức năng thu gom rác trong hộ gia đình và cứ hai ngày là một lần thu gom rác. Một công nhân thu gom rác trên bãi biển, lương nhận từ nguồn trích của vé ca nô chủ yếu tập trung dọn dẹp ở bãi biển phía trước đón tiếp du khách, còn các bãi biển còn lại không dọn. Các tổ chức đoàn thể và đội tình nguyện của xã An Bình tổ chức nhiều đợt ra quân dọn vệ sinh môi trường, nhưng rác cần phải dọn hằng ngày mới đảm bảo sạch sẽ. Vì thế hiện nay, rác trên đảo vẫn còn rải rác quanh đảo.

Nước thải sinh hoạt hộ gia đình xả trực tiếp ra đất, ở đảo vẫn chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Đảo Bé nguồn nước ngọt rất quý, nếu có hệ thống thu gom và tái chế nguồn nước để dùng lại là một điều rất hay và có ý nghĩa với đảo.

Rác thải và nước thải du lịch chủ yếu tập trung tại bãi Hang (Bãi Tắm Tiên). Khu vực Bãi Hang có 12 nhà hàng, rác thải chủ yếu là vỏ dừa, xác mía, chai lọ và rác hữu cơ từ nguồn thực phẩm, đồ ăn cho du khách như rau, củ quả, xương cá… Vào buổi chiều sau một ngày phục vụ du khách, người dân thu gom lại và đốt. Việc đốt rác trên nền đất đá bazan làm ảnh hưởng các giá trị về di sản địa chất và bề mặt đá bị tác động.

Nước thải từ các hoạt động nấu nướng, rửa chén bát và nước cho khách du lịch tắm sau khi tắm biển được xả trực tiếp xuống bề mặt đất đá. Khu vực này sát bãi biển, nên việc xả nước trực tiếp xuống đất, lâu ngày sẽ ngấm và ảnh hưởng khu vực xung quanh bãi biển làm ô nhiễm môi trường nước và đất.

Đảo Bé đang hướng đến phát triển du lịch sinh thái, là hòn đảo xanh, sạch, đẹp, là thiên đường du lịch lý tưởng. Tuy nhiên, nguồn nhân lực đội thu gom rác ít, chưa

thực hiện thu gom rác hàng ngày, người dân phải đốt rác ngoài bãi biển, đốt trên di sản địa chất, khiến cho hình ảnh Đảo Bé trong mắt du khách không được như mong đợi, đặc biệt đối với du khách nước ngoài. Qua đó, lượng khách đến với đảo những lần tiếp theo sẽ giảm sút, kéo theo nguồn thu nhập từ du lịch sẽ bị giảm đáng kể.

2.3.4. Vấn đề kinh tế - xã hội

Người dân Đảo Bé bao đời nay cùng chung sống trong một làng nhỏ nằm về phía nam của đảo. Tinh thần cố kết cộng đồng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong gia đình, đến dòng họ và hàng xóm. Hầu hết người dân ở đây rất thân thiện, giọng nói nặng và nhanh nhưng nụ cười luôn nở trên môi rất gần gũi và thân thiện.

Theo số liệu thống kê của công an xã An Bình, trên đảo có 126 hộ với 519 nhân khẩu tính đến năm 2016. Nhưng số lượng thực tế người dân sống cố định trên đảo ít hơn với 74 hộ và 259 nhân khẩu, còn số hộ còn lại sống ở các tỉnh thành khác và sinh sống bên Đảo Lớn (huyện Lý Sơn) đến mùa trồng hành, tỏi người dân mới sang Đảo Bé canh tác nông nghiệp.

Bảng 2.6: Số liệu điều tra hộ gia đình xã An Bình năm 2016.

Số hộ dân	**74**
Số dân	259
Nam	128
Nữ	131
Dưới độ tuổi lao động	72
Trong độ tuổi lao động	160
Trên độ tuổi lao động	27

Nguồn: Tác giả điều tra

Số lượng người dân sống thực tế có sự chênh lệch so với số lượng thống kê dân sống trên đảo với một số lý do sau:

- Do cuộc sống của người dân trên đảo trước đây quá khó khăn, một bộ phận người dân vào trong đất liền làm kinh tế và định cư.
- Mặc dù, hộ khẩu vẫn nằm bên đảo Bé nhưng một số hộ dân định cư và sinh sống bên đảo Lớn của huyện Lý sơn.
- Một bộ phận người dân vừa sống Đảo Bé và Đảo Lớn. Cuộc sống thường ngày ở Đảo Lớn nhưng đến mùa canh tác nông nghiệp thì sang Đảo Bé làm nông nghiệp.

Biểu đồ 2.7: Tỷ lệ giới tính người dân xã An Bình

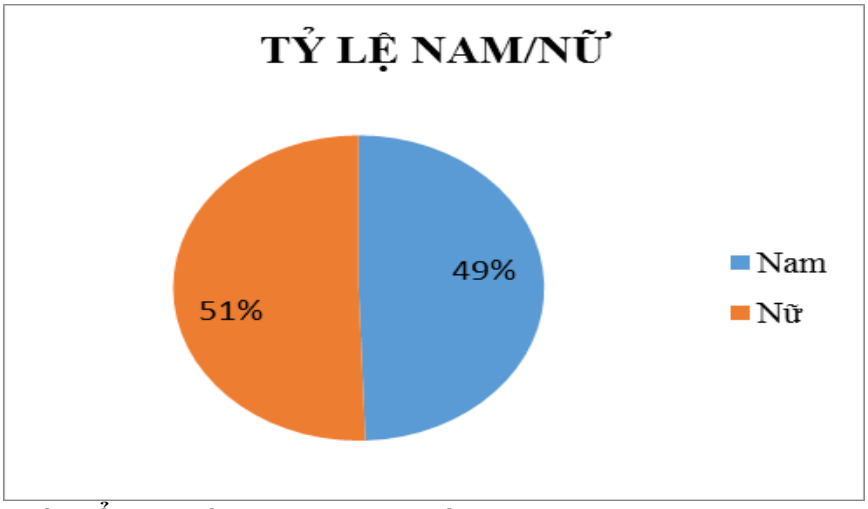

Biểu đồ 2.8: Độ tuổi lao động của người dân xã An Bình

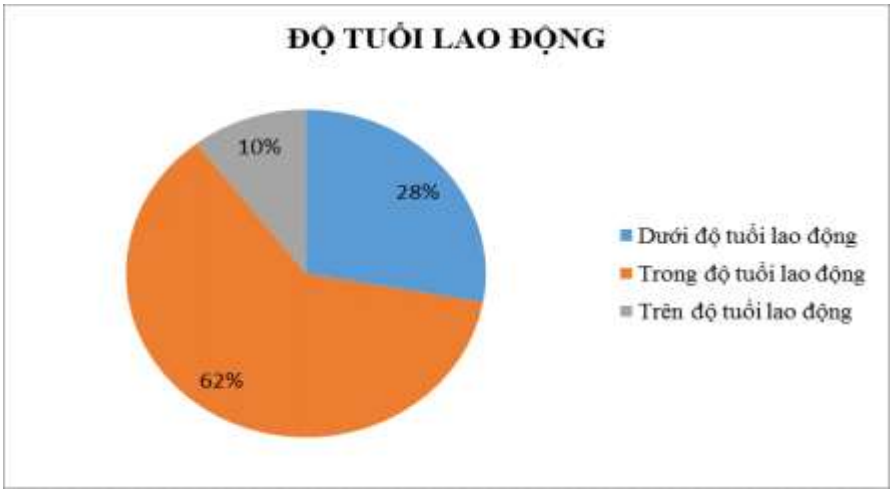

Xét theo biểu đồ giới tính và độ tuổi lao động cho thấy nam chiếm 49%, nữ chiếm tỷ lệ lớn hơn là 51%. Trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ lớn nhất 62%, nguồn lao động trẻ dồi dào, sẵn sàng đáp ứng nguồn nhân lực đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và mang nguồn lợi kinh tế cho gia đình. Dưới độ tuổi lao động chiếm 28% và trên độ tuổi lao động chiếm 10%.

Bảng 2.9: Số lượng người làm việc trong từng ngành nghề và dưới độ tuổi lao động

Cơ cấu ngành nghề	Người
Dịch vụ du lịch	55
Nông nghiệp	63
Cán bộ nhà nước	17
Dưới độ tuổi lao động	72
Ngành nghề khác	52

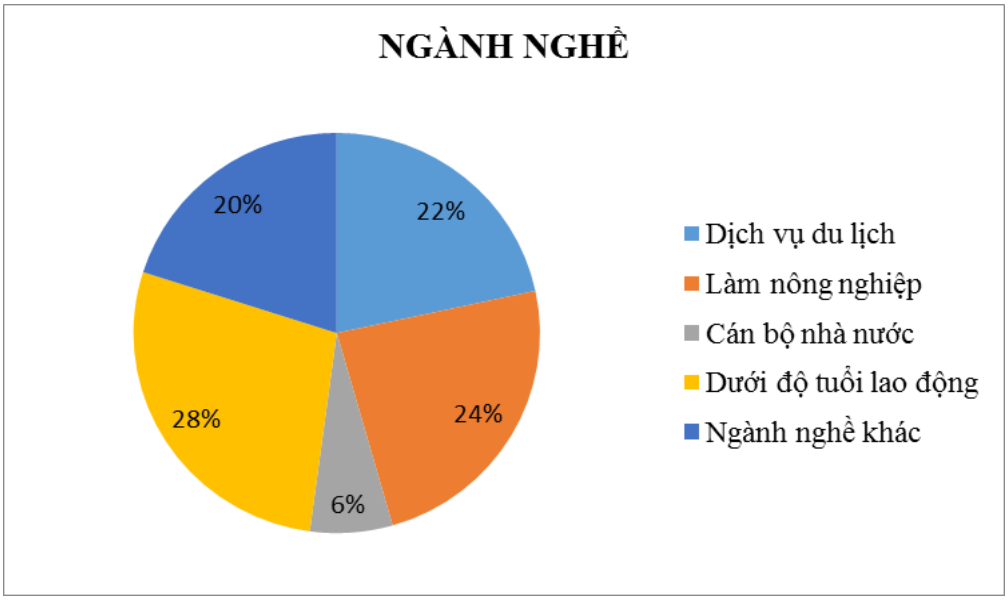

Thông qua biểu đồ ngành nghề cho thấy làm nông nghiệp chiếm 24% và dịch vụ du lịch 22% hai nghề chính mang lại thu nhập cho người dân trên đảo. Nhưng đa phần các hộ dân trên đảo đều tham gia sản xuất và phát triển hai ngành nghề này. 6% là cán bộ nhà nước, độ tuổi dưới lao động chiếm 28% con số chiếm tương đối lớn và là nguồn nhân lực tiềm năng, ngành nghề khác chiếm 20%.

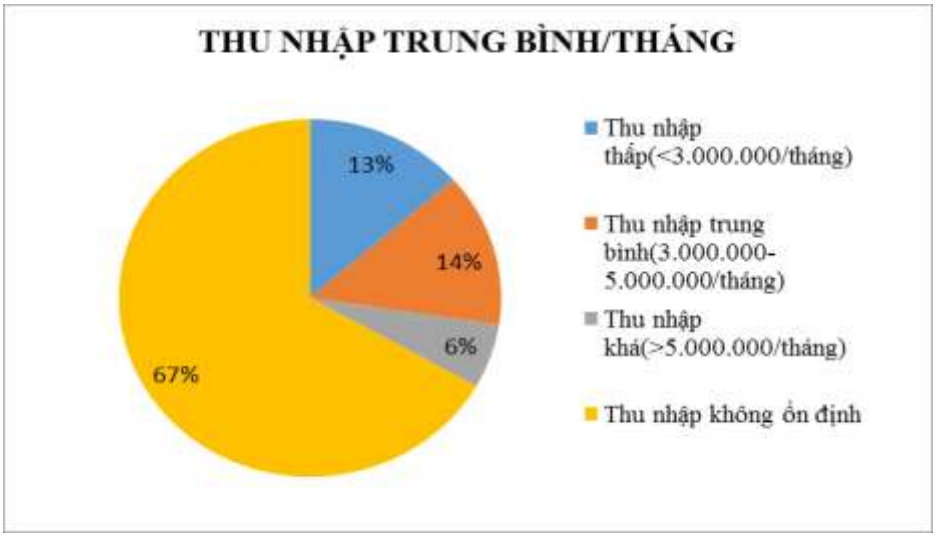

Số liệu điều tra dựa vào kê khai trực tiếp người lao động và tỷ lệ người dân thu nhập không ổn định chiếm đa phần trong cơ cấu thu nhập. Thu nhập khá tính bình quân các tháng trên năm thu nhập trên năm triệu đồng khá ít, chiếm tỷ lệ thấp 6%. Ngày nay khi đảo phát triển du lịch, hầu hết người dân tham gia hoạt động loại hình này và thu nhập đã cải thiện, cuộc sống đỡ vất vả hơn trước. Du lịch được xem là ngành mũi nhọn của cộng đồng địa phương.

2.3.5. An ninh trật tự trên địa bàn đảo

Để đảm bảo an ninh trật tự trên đảo cho người dân và du khách, chính quyền xã An Bình chỉ đạo công an xã phối hợp với dân quân tự vệ và đồn biên phòng An Bình thực hiện các chức năng của mình.

Đồn biên phòng An Bình thực hiện tốt quy chế đảm bảo an toàn cho du khách tuyến Đảo Bé – Đảo Lớn. Công an xã phối hợp với dân quân tự vệ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong khu dân cư và khu vực có du khách. Công an xã thực hiện kế hoạch quản lý việc khai báo tạm trú du khách ở lại qua đêm trên đảo.

Tình hình trật tự trên địa bàn đảo tương đối tốt, ít có các vụ ẩu đả giữa người dân hay du khách. Đây là một tín hiệu vui cho ngành du lịch của đảo.

Tiểu kết chương 2:

Đảo Bé tuy là hòn đảo nhỏ nhưng có nhiều nguồn tài nguyên từ thiên nhiên đến các giá trị văn hóa bản địa. Tài nguyên DLST tự nhiên với địa chất núi lửa biển trẻ, cát san hô và hệ sinh thái trên cạn, dưới nước vô cùng phong phú. Điển hình với các tên gọi Mom Tàu, Bãi tắm Tiên, thềm trầm tích Holocen, cây hành, tỏi, cua đá, hệ sinh thái rong biển, cỏ biển… Đó là sản phẩm du lịch cung cấp cho du khách đến du lịch trên đảo. Bên cạnh, tài nguyên DLST tự nhiên, Đảo Bé còn đa dạng tài nguyên DLST nhân văn điển hình như các lăng, miếu thờ; các lễ hội cầu mùa, cầu ngư; quy trình trồng hành tỏi; hệ thống lu, hồ và tinh thần hiếu khách của người dân bản địa. Các di sản tự nhiên và di sản văn hóa, được con người bảo vệ, sáng tạo, gìn giữ và bảo tồn các giá trị. Đó là các sản phẩm độc đảo mà hiếm nơi nào có được, là những sản phẩm đặc trưng của xứ đảo vùng biển Lý Sơn.

Du lịch là ngành mới bổ sung vào cơ cấu ngành nghề kinh tế của xã đảo An Bình. Mặc dù là ngành phát triển sau, nhưng so với nghề truyền thống thì nó chiếm tỷ lệ gần như ngang nhau. Đặc biệt mức thu nhập của ngành này cao hơn và có tính ổn định, nhờ lượng khách thường xuyên đến du lịch. Và hiện nay, chính quyền xã An Bình định hướng du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của xã đảo.

Du lịch phát triển kèm theo cơ sở hạ tầng của đảo được xây dựng nhằm cung cấp các dịch vụ du lịch cho du khách như tàu, ca nô; nhà nghỉ, homestay; nhà hàng; dịch vụ cho thuê áo phao, kính và bán đồ lưu niệm cho khách... Du lịch phát triển vừa có mặt tích cực và mặt tiêu cực. Mặt tích cực khi du lịch phát triển giúp chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế địa phương, xóa đói giảm nghèo, tăng nguồn thu nhập cho cộng đồng cư dân bản địa. Công tác bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa bằng việc xây dựng hồ sơ, xếp hạng di tích được đẩy nhanh, khôi phục các làng nghề truyền thống, đó cũng là cách gìn giữ, bảo lưu các giá trị văn hóa. Các điểm di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội phải được giữ nguyên bản phát huy các giá trị văn hóa địa phương bằng

cách nó là sản phẩm phục vụ du khách với nhiều đối tượng khác nhau đến từ nội địa hay quốc tế.

Hiện nay, ngành du lịch phát triển của đảo cũng đang vấp phải vấn đề lo ngại như môi trường, đặc biệt tại các hàng quán nước thải, rác thải xả, đốt trực tiếp trên các bãi địa chất vừa làm ô nhiễm môi trường đất, nước vừa ảnh hưởng đến các giá trị di sản địa chất tại Bãi Sau (Bãi Hang). Việc thu gom, vận chuyển rác sang Đảo Lớn xử lý vào những tháng biển động cũng khó khăn đối với chính quyền địa phương xã đảo An Bình. Những ngày biển động, sóng to tuyến Đảo Lớn – Đảo Bé không hoạt động, nguồn rác không thể vận chuyển sang đảo Lớn để xử lý, tại đảo không có nơi tập kết rác, người dân xả rác trực tiếp ra bãi biển. Nguồn nhân lực ít, không đủ người thu gom rác triệt để trong khu dân cư và bãi biển, nên lượng rác tồn đọng trên đảo tương đối còn nhiều.

Bước đầu các nhóm nghiên cứu, các chuyên gia đến từ các trường Đại học, Viện nghiên cứu đưa ra những thông tin cơ bản về các giá trị di sản địa chất, môi trường, văn hóa… Cần nhiều công trình nghiên cứu khoa học làm chi tiết từng chuyên ngành cung cấp các thông tin, số liệu đa dạng cho các loại hình di sản trên Đảo Bé. Nhằm làm rõ giá trị của các loại hình di sản và là môi trường giáo dục cho học sinh, sinh viên của các trường trong và ngoài nước.

Du lịch trên đảo đang dần phát triển nhưng đã có dấu hiệu phát triển không bền vững, du lịch đảo bé chưa đạt theo hướng phát triển du lịch sinh thái bền vững đảm bảo các yếu tố về môi trường, kinh tế và xã hội. Môi trường vẫn chưa có các chính sách xử lý triệt để nguồn thải. Về kinh tế – xã hội, tuy nguồn thu đã có bước cải thiện nhưng mức thu nhập vẫn còn ở mức thấp và chưa ổn định. Du lịch biển đảo khai thác khoảng 6 tháng, thời gian còn lại trong năm thời tiết xấu, biển động, dông bão, có sương mù, du khách khó tiếp cận với đảo.

Chương 3
MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG TẠI ĐẢO BÉ

3.1. Định hướng phát triển DLST bền vững tại Đảo Bé

3.1.1. Tổ chức không gian du lịch sinh thái

Hiện nay, cảng An Bình đang trong quá trình nâng cấp mở rộng, đảm bảo chất lượng cho việc đi lại của người dân và du khách. Sau này, đảo Bé cần quy hoạch và xây dựng nhà ga mới, chỗ ngồi chờ và không gian bán vé, dịch vụ cho du khách. Và hình thành trục đi bộ kết hợp thương mại dịch vụ: hướng dẫn cho người dân tại khu vực này tổ chức buôn bán, trật tự ngăn nắp, nhằm tạo thu nhập cho người dân, nâng cao đời sống và tạo cảnh quan đẹp, thân thiện trong mắt du khách.

Để hạn chế xe chở du khách vào trục đi bộ, bố trí quỹ đất dịch vụ du lịch: tổ chức điểm cho thuê, đỗ xe, các dịch vụ khác…ở cuối trục đi bộ. Trồng cây xanh tạo bóng mát tạo cảnh quan xanh đẹp dọc trục đường đi bộ. Đi xe đạp và đi bộ nên khuyến khích đối với du khách khi đến đảo để có cơ hội khám phá, trải nghiệm khi len lỏi vào các rừng tự nhiên, đi bộ lên đồi Gió Hú (giồng Đất Đỏ) hay ngắm và chụp ảnh với rừng cam Đàng tự nhiên. Vào ban đêm du khách ở lại đảo có thể ngủ lều trại bãi biển hay ở homestay cùng người dân.

Ở phía tây của đảo là nơi lý tưởng hình thành khu du lịch. Tại đây bố trí khu nhà hàng ẩm thực, các chòi lá và công viên cảnh quan tự nhiên. Dọc theo bờ biển phía tây của đảo có miệng núi lửa, ruộng bậc thang hành, tỏi và bãi biển cát trắng, làng nước trong xanh du khách có thể dừng chân ngắm cảnh, chụp ảnh, tắm biển hay thưởng thức các đặc sản địa phương như rau xoa, nước dừa, nước rong biển…

Tại bãi Bắc của đảo đang kinh doanh các loại hình dịch vụ du lịch cung cấp cho du khách, nhưng đó là nền đất đá núi lửa liên quan đến di sản địa chất. Đảo Bé trong quy hoạch sau này nên đưa các hàng quán về bãi Tây có không gian rộng hơn, cảnh quan xinh tươi và vào mùa đông hạn chế được gió mùa đông bắc ảnh hưởng đến cơ sở vật chất phục vụ du lịch. Nhằm trả lại di sản địa chất ban đầu như những gì vốn có và là một điểm dừng chân tham quan lý tưởng của du khách.

Phủ xanh bề mặt những khu vực đất trống chưa sử dụng như trồng hoa, cây cối bản địa phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng tạo nét đặc trưng riêng cho đảo. Đó cũng là các điểm đến thăm quan nhằm tạo thêm các điểm trên bản đồ du lịch Đảo Bé. Tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí trên biển: lặn bình khí, lặn ống thở, lặn gắm san hô, câu cá…

Tổ chức các điểm ngắm cảnh, chòi nghỉ chân tại các điểm có hướng nhìn đẹp như nhìn ra biển, nhìn về đảo lớn, nhìn các cánh đồng hành; tỏi hay rừng dừa xanh mát. Các công trình xây dựng cần lưu ý về hình thức kiến trúc và vật liệu gần gũi với tự

nhiên: gỗ, tranh, mây, lá dừa… phù hợp với cảnh quan xung quanh của khu vực. Tổ chức các đường đi xe đạp, đi bộ quanh đồi núi hay các dọc sinh thái biển quanh đảo.

3.1.2. Định hướng về phát triển sản phẩm du lịch

Thực tế hiện nay, du khách đến với Đảo Bé phần lớn đi 3 điểm là Mom Tàu, Bãi Tây và Bãi Hang ngồi trên xe điện mà người dân địa phương đưa đi. Chính vì thế, khách du lịch không có nhiều cơ hội khám phá, hiểu hết các giá trị di sản vốn có của đảo. Định hướng sắp đến khai thác sản phẩm du lịch của đảo kết hợp các giá trị di sản vào các tuyến du lịch. Mỗi tuyến tham quan có sự lồng ghép các giá trị di sản tự nhiên và di sản văn hóa.

Tuyến 1 bao gồm các điểm: Lân cá Ông – Lân Hội Đồng – Nhà Điều Hành – Bãi Nhớ - Mũi Ngóng – Hồ Bán Nguyệt - Miếu Cao Cát – Sân Bay – Rừng Cam Đàng – Đồi Gió Hú – Bãi Hang. Tuyến này kết hợp cả đi bộ và đi xe điện. Du khách xuất phát đi thăm quan từ Lân cá Ông đến Đồi Gió Hú, sau khoảng hơn 1 giờ đi bộ khách đã tham quan, nghe thuyết minh, chụp ảnh, lúc này khách đã mệt và nhiều du khách có nhu cầu xe điện đưa khách từ Đồi Gió Hú về bãi Hang để tắm biển và sử dụng các dịch vụ du lịch.

Tuyến 2 bao gồm các điểm: Lân cá Ông – Lân Hội Đồng – Nhà Điều Hành – Bãi Nhớ - Mũi Ngóng – Hồ Bán Nguyệt - Miếu Cao Cát – Hòn Đụn – Mom Tàu – Cổng Tình Yêu – Bãi Trăng Tròn và vườn thú. Du khách xuất phát đi thăm quan từ Lân cá Ông đến Bãi Trăng Tròn và vườn thú, sau khoảng hơn 1 giờ đi bộ khách đã tham quan, nghe thuyết minh, chụp ảnh, lúc này khách đã mệt và nhiều du khách có nhu cầu xe điện đưa khách từ đây về bãi Hang để tắm biển và sử dụng các dịch vụ du lịch.

Tuyến 3: Tuyến tham quan vòng quanh đảo. Với tuyến này thích hợp cho du khách ưa khám phá, chinh phục vùng đất mình đang tới. Tuyến này rất nhiều điểm từ di sản tự nhiên đến di sản văn hóa: Lân cá Ông – Lân Hội Đồng – Bãi Nhớ - Mũi Ngóng – Hồ Bán Nguyệt – Bãi Tắm Tình Nhân – Hòn Đụn – Mom Tàu – Miếu Hồng Nương – Cổng Tình Yêu – Bãi Trăng Tròn – Bãi Trứng – Mỏ Khò Khè – Hang Thì Thầm – Mỏ Cá Bè – Mỏ Ông Nhàn – Vách Tử Thần – Hang Chàng Thiếp - Rừng Cam Đàng – Bờ Lũy – Bãi Tắm Tiên Sa – Hang Trốn Lính – Hòn Hôn Lén – Họng núi lửa Tây – Bãi Trăng Khuyết – Bãi Tắm Bất Ngờ.

Trên đây là một số tuyến được hình thành nhằm đáp ứng hành trình tham quan, khám phá trải nghiệm. Và sau này tùy thuộc vào thị hiếu của nhiều du khách sẽ thiết kế thêm các tuyến mới đáp ứng nhu cầu đó.

Phần lớn các tuyến trên bao gồm các điểm là di sản địa chất, tự nhiên và văn hóa vật thể. Cần thêm sản phẩm du lịch từ cộng đồng địa phương, nhằm tạo điều kiện cho du khách có cơ hội tiếp xúc, trải nghiệm và hiểu hơn cuộc sống và các giá trị văn hóa phi vật thể của cư dân bản địa. Để làm được điều này cần nghiên cứu

thêm các giá trị của người dân và khôi phục, tổ chức các lễ hội, trò chơi hay diễn xướng các loại hình văn hóa dân gian mà nguồn gốc bản địa đã có.

3.1.3. Định hướng về thị trường nguồn khách

Căn cứ vào nguồn gốc của du khách đến với Đảo Bé qua điều tra thực tế cho thấy, khách đến đảo phần lớn là khách nội địa, khách quốc tế chiếm một phần rất nhỏ, có những tháng gần như không có khách nước ngoài. Trong số lượng khách nội địa chủ yếu là đến từ các tỉnh miền Bắc và miền Trung thị phần khách miền Nam chiếm số lượng ít.

Bảng 3.1: Thống kê số lượt khách đến với Đảo Bé tháng 05/2016

THỜI GIAN	SỐ LƯỢT KHÁCH	NGUỒN GỐC DU KHÁCH ĐẾN ĐẢO BÉ
01/05	500	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Hải Phòng, Đồng Nai, Huế
02/05	140	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng
03/05	278	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Quảng Ngãi
4/05	182	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi
5/05	250	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Huế
6/05	212	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi
7/05	400	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi
8/05	332	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam
9/05	210	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi
10/05	226	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi
11/05	231	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,
12/05	170	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi
13/05	203	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi
14/05	194	Hà Nội, Quảng Ngãi, Đà Nẵng
15/05	523	Hà Nội,Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Hải Phòng, Đồng Nai
16/05	150	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng
17/05	200	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi
18/05	225	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,
19/05	208	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Nam
20/05	293	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Đồng Nai
21/05	220	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi
22/05	397	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bắc Ninh
23/05	349	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi
24/05	198	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Huế
25/05	171	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi
26/05	181	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi, Quảng Nam
27/05	141	Hà Nội, Quảng Ngãi, Quảng Nam
28/05	221	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi, Đà Nẵng
29/05	418	Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Huế, Hải

		Phòng, Quảng Nam, Ninh Bình
30/05	248	Hà Nội, Quảng Ngãi, Hồ Chí Minh,Đà Nẵng, Quảng Nam
31/05	145	Hà Nội, Quảng Ngãi, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Nam, Vũng Tàu, Huế
Tổng cộng	**7.816 lượt khách**	

Nguồn: Phòng vé An Bình [20]

Định hướng nguồn khách trong những năm tiếp theo là khách nội địa trong toàn nước và thêm thị phần nguồn khách nước ngoài đến đảo. Nhằm mục đích càng nhiều du khách biết và đến Đảo Bé, thăm quan khám phá vùng đất và con ngươi nơi đây. Về lâu dài nguồn khách có sự dịch chuyển sang thị trường châu Âu và Bắc Mỹ, khách ở các nước này luôn muốn khám phá trải nghiệm, tìm hiểu cuộc sống của người dân bản địa và tìm đến vùng đất còn hoang sơ hay bảo tồn tốt các giá trị di sản để thưởng thức trọn vẹn mà thiên nhiên và con người tạo nên.

3.2. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững

Đảo Bé nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nhưng thực trạng hiện nay công tác phát triển du lịch theo hướng bền vững chưa có. Hiện tại vẫn chưa có mô hình quản lý du lịch để địa phương quản lý theo hướng tích cực. Cả Đảo Bé là một sản phẩm tuyệt tác do tự nhiên và con người tạo nên, nhưng hiện nay có dấu hiệu xâm hại lên các di sản trên đảo bởi con người. Chính vì thế để bảo vệ hòn đảo và hướng đảo Bé phát triển du lịch theo hướng bền vững, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã cho chủ trương Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Đoàn Ánh Dương (Công ty bảo tồn) thực hiện dự án "bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại Đảo Bé" theo công văn số 3416/UBND- VX ngày 30/6/2016 [36]. Để thực hiện dự án này, bước đầu công ty đã mời nhiều lượt chuyên gia trong và ngoài nước đến từ các lĩnh vực địa chất, môi trường, văn hóa, … đến để nhận diện các giá trị di sản. Bắt đầu từ năm 2012, các nhà khoa học đến từ các trường Đại học, học viện trong nước ở hai đầu thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội đến tham gia nghiên cứu nhận định giá trị. Hiện nay, Đảo Bé nằm trong vùng lõi của công viên địa chất Lý Sơn. Công viên địa chất Lý Sơn được hình thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo quyết định công văn số 453/QĐ- UBND của ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. [35]

Và đến tháng 3/2016 công ty bảo tồn tiếp tục mời các chuyên gia là phó chủ tịch UNESCO và các thành viên trong mạng lưới công viên địa chất toàn cầu về khu vực Lý Sơn – Bình Châu đi thực địa và tư vấn cách làm phù hợp hướng đến tham gia mạng lưới công viên địa chất toàn cầu.

3.2.1. Tiếp cận mô hình 5 nhà, vai trò và lợi ích của từng nhà trong mô hình quản lý

Trước khi đi vào cụ thể mô hình 5 nhà, tác giả điểm qua mô hình được xem là thành công bậc nhất trong hệ thống các khu bảo tồn của Việt Nam. Dự án Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm (10/2003 đến 10/2006) được thành lập trên cơ sở ký kết thoả

thuận song phương giữa hai Chính phủ Đan Mạch và Việt Nam, nhằm giúp cho tỉnh Quảng Nam cụ thể là thành phố Hội An mà trực tiếp là xã đảo Tân Hiệp khoanh vùng, xây dựng 235 km2 vùng biển của mình thành khu bảo tồn biển; và đó chính là tiền thân của Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam ngày nay. Khu bảo tồn biển ra đời với 2 mục đích lâu bền đó là: Bảo tồn nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên, văn hoá và lịch sử của quần đảo Cù Lao Chàm kết hợp với việc sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hoá, lịch sử của Cù Lao Chàm cho việc phát triển kinh tế xã hội ở đây. Trong thời gian của 3 năm này Dự án hoạt động trên cơ sở tài trợ của 2 Chính phủ Việt Nam và Đan Mạch. Về phía Đan Mạch, chi phí chính là khoảng 1 triệu USD, bao gồm tiền thuê cố vấn trưởng, chuyên gia quốc tế và trong nước, chi phí hoạt động dự án, chi phí nhân viên và các khoảng khác như thiết bị, hỗ trợ vv. Về phía Quảng Nam sự đóng góp đó là nhân lực bao gồm một một Ban chỉ đạo dự án, Trưởng ban chỉ đạo là Phó Chủ tịch Tỉnh, một giám đốc, một phó giám đốc, và một quản lý, cơ sở hạ tầng như là văn phòng làm việc, đất xây dựng trung tâm du khách và các cộng tác viên khác từ các sở ban ngành, thị xã Hội An, và xã đảo Tân Hiệp. [45]

Trong đó, TS. Chu Mạnh Trinh là trưởng bộ phận nghiên cứu của dự án này. Tiến sĩ cùng đồng nghiệp làm việc không mệt mỏi và thành tựu kết quả ngày hôm nay là một khu bảo tồn thành công so với các khu bảo tồn biển còn lại của nước ta. Nhưng cũng sau 14 năm nghiên cứu ra đời, vận hành và phát triển khu bảo tồn biển TS. Chu Mạnh Trinh đã đúc kết mô hình quản lý khu bảo tồn biển với sự tham gia của 4 bên: Nhà nước, nhà khoa học, cộng động người dân và doanh nghiệp. Trong đó Nhà nước được xem là trụ cột đứng giữa kết nối và điều phối các bên liên quan. Nhà khoa học thực hiện các đề tài nghiên cứu cho ra đời các thông tin, số liệu khoa học cơ bản. Cộng đồng người dân là người sống trong vùng di sản được được giáo dục nâng cao nhận thức công tác bảo tồn, hỗ trợ hướng dẫn các sinh kế cụ thể thân thiện với môi trường và không làm tổn hại đến thiên nhiên. Doanh nghiệp tham gia xây dựng, cung cấp các dịch vụ du lịch cho du khách, nhưng trong đó có một số doanh nghiệp xây dựng nhà hàng, khu resort xâm hại bãi biển, di sản trong vùng bảo tồn. TS Chu Mạnh Trinh cho rằng với mô hình như hiện nay thì mô hình này chưa thật sự ưu việt trong công tác bảo tồn và phát triển giữa các bên liên quan. Và tại Quảng Ngãi có đảo Bé – Lý Sơn, là đảo sở hữu nhiều di sản, đặc biệt là di sản địa chất núi lửa biển với hệ sinh thái đa dạng trên cạn lẫn dưới biển. Chính điều này Quảng Ngãi cũng làm khu bảo tồn cho các loại hình di sản chứ không riêng về bảo tồn biển như Cù Lao Chàm (Quảng Nam). Vận hành và phát triển trong khu bảo tồn Quảng Ngãi cũng cần có mô hình quản lý cho đảo Bé. Nhưng nó khác hơn là dòng tài chính đầu vào không từ nguồn tài trợ hay nguồn ngân sách Nhà nước mà Quảng Ngãi giao cho doanh nghiệp bảo tồn (điều phối) và cũng là nhà đầu tư công tác bảo tồn, vận hành và phát huy.

Ngành du lịch của xã đảo An Bình phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững cần có một mô hình quản lý hiệu quả. Mô hình đó cần phải có sự phối hợp, hợp tác làm việc giữa các bên liên quan và có một nhà đứng ra làm chức năng kết nối và điều phối. Công việc bảo tồn di sản từ trước đến nay ở nước ta do nhà nước đầu tư và quản lý. Nhưng hiện nay, tình hình chung công tác bảo tồn gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn tài chính bền vững và nguồn nhân lực đủ chuyên môn để đảm nhận trách nhiệm bảo tồn.

Điều này được làm rõ qua các buổi làm việc trao đổi thông tin hay hội thảo liên quan đến công tác bảo tồn. Ngày 14/7/2017, tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới tại Việt Nam (IUCN) phối hợp với tổng cục thủy sản tổ chức hội thảo đánh giá hiệu quả quản lý mạng lưới khu bảo tồn biển của Việt Nam tại hội trường khách sạn Đà Nẵng Riverside. Thành phần tham gia là các đại diện đến từ 16 khu bảo tồn biển Việt Nam và đại diện Công ty CP ĐT PT Đoàn Ánh Dương (Công ty bảo tồn) và đặc biệt có sự tham dự của thứ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Vũ Văn Tám. Tại buổi hội thảo, các khu bảo tồn biển nêu ra các vấn đề thuận lợi và khó khăn của các khu bảo tồn. Vấn đề khó khăn chung của hầu hết các khu bảo tồn là thiếu nguồn cơ chế tài chính bền vững và thiếu nguồn nhân lực đủ năng lực. Ngày 1 và ngày 3 tháng 8/2017 đoàn tỉnh Quảng Ngãi đứng đầu là ông Đặng Ngọc Dũng PCT. Tỉnh tham quan, học tập và nghe những chia sẽ tại hai công viên địa chất của hai tỉnh Hà Giang và Cao Bằng. Công viên địa chất Đồng Văn đã được UNESCO công nhận và công viên địa chất Non Nước Cao Bằng đang trong thời gian đệ trình lên UNESCO công nhận. Hai ban quản lý công viên địa chất chia sẽ vấn đề gặp khó khăn là cơ chế tài chính bền vững và nguồn nhân lực. Vấn đề tài chính và nguồn nhân lực luôn là vấn đề nan giải cho các công viên hay các khu bảo tồn đang vận hành trên lảnh thổ nước ta.

Quảng Ngãi đang làm Công viên địa chất toàn cầu Lý Sơn và đang có chủ trương giao cho doanh nghiệp bảo tồn làm công tác bảo tồn trên Đảo Bé – Lý Sơn. Và hiện nay doanh nghiệp Đoàn Ánh Dương là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam làm công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản. Doanh nghiệp này có chức năng kết nối, điều phối các bên liên quan làm công tác bảo tồn góp phần phát triển kinh tế địa phương, xóa đói giảm nghèo. Các bên liên quan là nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp truyền thống và nhà dân, mỗi một nhà là một trách nhiệm và quyền lợi riêng.

Sơ đồ 3.2: Mô hình quản lý 5 nhà

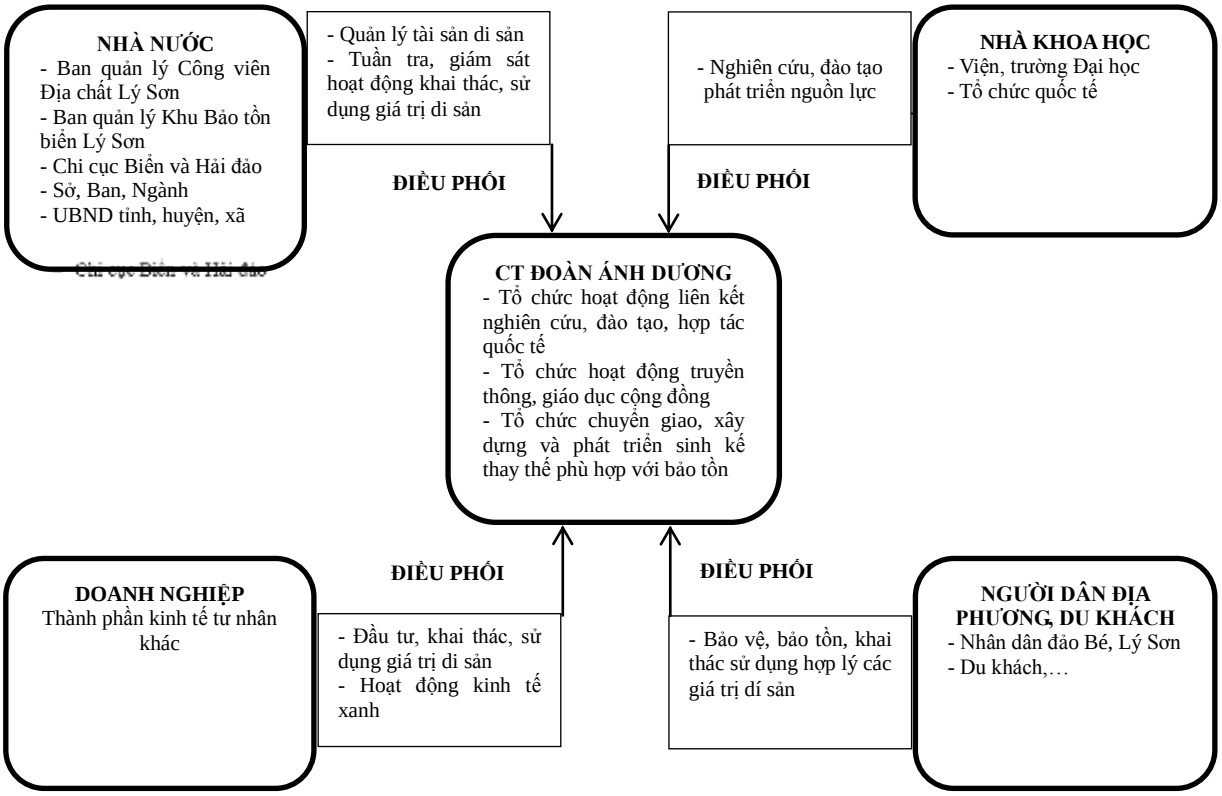

3.2.1.1. Nhà doanh nghiệp bảo tồn (điều phối)

Doanh nghiệp bảo tồn vẫn là doanh nghiệp đầu tư và có lãi. Nhưng sự khác biệt lớn nhất của doanh nghiệp bảo tồn khác với các doanh nghiệp truyền thống là sản phẩm. Doanh nghiệp truyền thống thường là các sản phẩm cụ thể như: Tivi, tủ lạnh, máy tính, quần áo, mỹ phẩm… còn doanh nghiệp bảo tồn sản phẩm là **sự đồng thuận**, đồng thuận giữa bốn bên liên quan trong vận hành mô hình quản lý. Doanh nghiệp truyền thống đặt lợi nhuận lên hàng đầu. Doanh nghiệp bảo tồn đặt công tác bảo tồn lên hàng đầu, bảo tồn các giá trị di sản từ địa chất, môi trường, văn hóa, biển, đa dạng sinh học… Cộng đồng người dân xếp hàng thứ hai, người dân bản địa được hướng dẫn hỗ trợ các sinh kế làm du lịch trên đảo thân thiện với môi trường. Sau cùng mới đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong loại hình đầu tư này. Đầu tư của doanh nghiệp bảo tồn trong giai đoạn đầu khá nhiều tiền của, công sức và số lượng đầu tư giảm dần theo thời gian, chất lượng sản phẩm ngày càng nâng lên, nếu công tác bảo tồn tốt từ các bộ phận chuyên môn, sự linh hoạt trong công tác quản lý, người dân cùng thực hiện tốt công tác bảo tồn. Và các doanh nghiệp khác đầu tư các loại hình khai thác du lịch nằm phía ngoài di sản, không đặt trong hoặc cạnh di sản. Một khi chất lượng bảo tồn tăng lên, du khách hưởng trọn vẹn các giá trị ấy và giá thành sản phẩm tăng lên lúc này doanh nghiệp bảo tồn sẽ hưởng lợi rất nhiều từ nguồn thu của du khách thông qua nguồn thu từ vé.

3.2.1.2. Nhà nước

Nhà nước thực hiện quản lý nguồn tài nguyên bằng hệ thống chính sách, pháp luật, tổ chức bộ máy về quản lý tài nguyên. Vai trò quản lý của nhà nước trong mô hình này là thành lập ban quản lý công viên địa chất chung cho công viên và thành lập ban quản lý dự án đảo Bé cho dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại đảo Bé. Các ban quản lý này có chức năng quản lý các việc làm của dự án, phát hiện và điều chỉnh những công việc không đúng theo qui định của luật đã ban hành. Đồng thời quản lý nhà nước cần linh hoạt tìm các cơ chế mới cho các công việc mới trong từng việc làm mới của dự án, nếu chưa có tiền lệ.

3.2.1.3. Nhà khoa học

Nhà khoa học là lực lượng rất quan trọng, bước đầu cung cấp các dữ liệu, số liệu khoa học cơ bản của từng lĩnh vực chuyên môn như địa chất, môi trường, lịch sử, văn hóa, khảo cổ, du lịch … nghiên cứu trên địa bàn Đảo Bé. Các chuyên gia là các nhà tư vấn cũng là người thực hiện các đề tài nghiên cứu chuyên sâu ở các lĩnh vực khoa học của mình. Nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản một cách tốt nhất, hiệu quả nhất. Từ năm 2013 đến nay với rất nhiều chuyên gia và nhiều lần đến Đảo Bé khảo sát, nghiên cứu và có được các thông tin khoa học, bước đầu tạo cơ sở trong công tác bảo tồn. Và tư vấn cách làm cho phù hợp đối với loại hình doanh nghiệp tham gia xã hội hóa công tác bảo tồn.

3.2.1.4. Nhà dân

Cộng đồng địa phương là chủ thể sống trong vùng di sản, là bộ phận đầu tiên được thừa hưởng giá trị và quyền lợi khai thác từ di sản. Cộng đồng địa phương sống trên Đảo Bé cũng vậy phải được thừa hưởng các giá trị di sản thông qua các sinh kế cụ thể từ du lịch như: homestay, nhà hàng, bán hàng đặc sản, thuyền thúng, hướng dẫn viên du lịch địa phương, xe điện… phục vụ khách du lịch khi đến Đảo Bé du lịch.

Cuối năm 2015 đầu năm 2016 Đảo Bé bước vào phát triển du lịch, cộng đồng chưa hiểu công tác bảo tồn có vai trò lớn lao trong phát triển du lịch bền vững tại Đảo Bé. Công ty bảo tồn đã giúp cộng đồng Đảo Bé nhận thức và hiểu biết các giá trị di sản mà cộng đồng đang thừa hưởng và tầm vai trò quan trọng của nó trong phát triển du lịch gắn liền với sinh kế của cộng đồng nơi đây. Bằng các buổi tham vấn cộng đồng, các buổi tham quan học tập thực tế cách bảo tồn và cách làm du lịch cộng đồng tại Cù Lao Chàm và Hội An. Giờ đây người dân trên đảo đã hiểu được giá trị của công tác bảo tồn và thay đổi nhận thức cùng chung tay bảo tồn, không phá phách, dọn dẹp vệ sinh môi trường và khoanh vùng bảo vệ vùng biển và rạn san hô. Đó là các việc làm rất thực tế và hữu ích trong công tác bảo tồn trên đảo Bé, giúp chất lượng sản phẩm du lịch ngày càng tăng lên. Các kỹ năng đón tiếp du khách, tiêu chuẩn và các thiết bị trang trí homestay hay thuyết minh viên trên đảo, cả học ngoại ngữ đón tiếp khách nước ngoài…cộng đồng người dân rất cần hỗ trợ từ công ty bảo tồn, nhà nước đến với cộng động địa phương.

3.2.1.5. Nhà doanh nghiệp truyền thống

Các dịch vụ phục vụ du khách đến Đảo Bé từ ăn, ở, đi xe tham quan hay đi lặn ngắm san hô… đều do cộng đồng địa phương thực hiện. Trong các cuộc họp chuyên đề về du lịch, người dân địa phương đề nghị lên chính quyền không cho bất cứ doanh nghiệp đầu tư vào các loại hình dịch vụ cạnh tranh những việc làm mà cộng đồng địa phương đang thực hiện. Với đề nghị đó chính quyền địa phương đã chấp thuận, tạo điều kiện cho công ty bảo tồn nâng cao nhận thức cộng động, hỗ trợ, hướng dẫn các kỹ năng làm du lịch giúp người dân làm giàu và giữ vững chủ quyền biển đảo. Doanh nghiệp khai thác từ nguồn khách là tàu cao tốc đưa khách từ đất liền ra đảo và ca nô đưa khách từ đảo Lớn sang Đảo Bé. Ngoài ra doanh nghiệp còn có các doanh nghiệp lữ hành đưa khách du lịch ra đảo được phép tham gia và không ngừng cải thiện nâng cao chất lượng phục vụ du khách.

3.2.2. Trách nhiệm và quyền lợi của các cơ quan có liên quan trong công tác bảo tồn

Công việc bảo tồn là công việc không dễ dàng, không đơn lẽ mà phải có sự phối hợp nhịp nhàng và làm việc có hiệu quả giữa các bên liên quan. Mỗi cơ quan có liên quan trong hệ thống quản lý nhà nước được nêu dưới đây đều có nghĩa vụ thực hiện các nhiệm vụ của mình trong công tác bảo tồn. Và công tác bảo tồn sẽ mang lại lợi ích riêng cho từng ngành quản lý và quyền lợi chung là bảo tồn và làm giàu thêm tài nguyên, tăng thêm tình yêu quê hương, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng địa phương.

3.2.2.1. Chính quyền từ cấp tỉnh đến huyện và xã

Trong phạm vi dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại đảo Bé, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan nhà nước chỉ đạo và cho phép thực hiện dự án thông qua các buổi họp, thông báo, quyết định, công văn chỉ đạo để thực hiện các công việc. Trong dự án có những việc làm có tiền lệ theo quy định của pháp luật căn cứ vào thực hiện. Ngoài ra có những việc làm chưa có tiền lệ, nên tạo điều kiện và có cơ chế, chính sách mới phù hợp với nhiệm vụ mới. Vì bảo tồn là một nhiệm vụ lớn và phối hợp nhiều cơ quan có chức năng thực thi các nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn là cơ quan quản lý địa phương trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn. Huyện Lý Sơn có hai đảo, Đảo Lớn và Đảo Bé. Trong đó dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản nằm toàn bộ trên mặt đất và mặt nước của Đảo Bé.

Ủy ban nhân dân xã An Bình là cơ quan nhà nước quản lý trực tiếp toàn bộ trên đảo Bé. Cơ quan này có chức năng tham mưu lên các cấp chính quyền cấp trên và cùng với công ty bảo tồn thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn bằng các cơ chế, chính sách cụ thể trên địa bàn đảo. Để công ty bảo tồn thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn, hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch sinh thái.

Các khu bảo tồn và các vườn quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam như Vịnh Hạ Long, vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, công viên địa chất toàn cầu đá Hà Giang… đã làm công tác bảo tồn và đã có danh hiệu. Các địa

danh này luôn xuất hiện trên bản đồ du lịch Việt Nam. Nhiều năm làm công tác bảo tồn các địa danh trên giúp cho hệ sinh thái không ngừng phát triển và bảo tồn các giá trị di sản đặc trưng của từng địa phương, đó là các sản phẩm du lịch cung cấp cho du khách hưởng thụ. Cộng đồng địa phương sống trong khu vực có di sản ít, nhiều cũng được hưởng lợi từ công tác bảo tồn nhờ du khách đến tham quan, thông qua cung cấp các dịch vụ du lịch. Quảng Ngãi làm tốt công tác bảo tồn tại Đảo Bé mang lại rất nhiều lợi ích từ trong đất liền ra đến ngoài hải đảo, từ bảo tồn các giá trị di sản đến phát triển kinh tế địa phương, thông qua các dịch vụ du lịch. Góp phần in dấu trên bản đồ du lịch Việt Nam và kết nối con đường di sản từ Huế đến Quảng Ngãi. Mô hình quản lý của đảo Bé tiếp cận theo 5 nhà sẽ nhân rộng ra các xã còn lại trong phạm vi công viên địa chất Lý Sơn.

3.2.2.2. Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ quản, quản lý trực tiếp và tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về chuyên môn văn hóa, thể thao và du lịch. Trong đó hai mảng văn hóa và du lịch trực tiếp liên quan đến dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại Đảo Bé, hướng Đảo Bé phát triển theo du lịch sinh thái bền vững. Hiện nay, sở Văn hóa Thể thao và Du lịch đang có chủ trương thành lập ban quản lý dự án Đảo Bé, ban chỉ đạo của ban này là các thành viên của các sở ngành và địa phương có liên quan. Nhằm chỉ đạo, điều tiết các công việc kịp thời và hướng dẫn các công việc bảo tồn theo chiều hướng tích cực trên đảo.

Công việc bảo tồn thành công, các di sản trên Đảo Bé từ di sản văn hóa định cư, đến di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn và phát huy có hiệu quả. Thông qua công việc bảo tồn, có nhiều công trình nghiên cứu cụ thể các giá trị văn hóa. Trùng tu các công trình văn hóa đã bị hư hại và phục dựng lại các lễ hội, các trò chơi dân gian truyền thống. Du lịch ngày càng phát triển thông qua chất lượng sản phẩm du lịch được bảo tồn, cộng đồng địa phương làm du lịch tốt, thể hiện qua số lượt du khách và nguồn thu đến địa phương tăng dần qua từng năm.

3.2.2.3. Sở Tài nguyên và môi trường Quảng Ngãi

Sở Tài nguyên và môi trường là cơ quan chủ quản, quản lý trực tiếp và tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bao gồm: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ, quản lý tổng hợp về biển và hải đảo); thực hiện các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi của sở.

Đối với phạm vi Đảo Bé, sở tài nguyên và môi trường quản lý bao gồm cả đất đai, tài nguyên các loại đất đá hình thành từ núi lửa biển và san hô, môi trường và quản lý tổng hợp về biển và hải đảo. Các dạng tài nguyên này cần được bảo tồn, không được khai thác các loại đất, đá, thềm biển… và môi trường đảm bảo sạch sẽ trong lành, rác thải và nước thải phải được xử lý triệt để nhằm tạo cho Đảo Bé một điểm đến du lịch xanh, sạch, đẹp.

3.2.2.4. Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Ngãi

Ban quản lý khu bảo tồn biển Lý Sơn được thành lập theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, trực thuộc sở nông nghiệp và phát triển nông thôn. Công ty bảo tồn cần phối hợp chặt chẽ với khu bảo tồn biển để đảm bảo về mặt diện tích và các chức năng cụ thể.

Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất diện tích bảo tồn dưới nước và xung quanh Đảo Bé là 2.531 ha đã được quy hoạch là vùng phục hồi sinh thái và vùng phát triển tại quyết định số 20/QĐ- UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập khu bảo tồn biển Lý Sơn. Vậy trong quá trình thực hiện dự án công ty bảo tồn cần hợp tác với Ban quản lý khu bảo tồn biển Lý Sơn các bên liên quan để triển khai đồng bộ, có hiệu quả nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học trong phần diện tích này.

Làm công tác bảo tồn biển cần phải nhiều cơ quan và chức năng vào cuộc như cộng đồng địa phương, công ty bảo tồn, khu bảo tồn biển Lý Sơn, lực lượng biên phòng an ninh trên biển và các nhà khoa học biển. Nếu làm tốt công tác bảo tồn biển, giúp nguồn lợi cá, tôm, cua, các loại san hô, rong cỏ biển tăng lên cả số lượng và chất lượng. Đó là nguồn sản phẩm du lịch chất lượng cho phát triển loại hình du lịch biển và ngành nguồn lợi thủy sản. Đồng thời là mô hình cho các khu bảo tồn khác đến học tập và các học sinh, sinh viên tham quan và trải nghiệm.

3.2.2.5. Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi

Giáo dục là công việc rất quan trọng trong công viên địa chất Lý Sơn nói chung và dự án bảo tồn đảo Bé nói riêng. Trong phần giáo dục về địa lý, lịch sử, văn hóa địa phương, sở giáo dục cần nên đưa vào chương trình học, cho học sinh, sinh viên để tăng thêm kiến thức về các loại hình di sản từ địa chất, địa mạo của di sản địa chất núi lửa biển, văn hóa giao thoa giữa các nền văn hóa từ Sa Huỳnh – Chăm pa – Đại Việt, đa dang sinh học trên bờ, dưới biển. Các học phần chuyên đề này có thể học tại lớp, học thực tế tại các nơi có di sản, tổ chức các chương trình ngoại khóa, tổ chức các cuộc thi hiểu biết, vẽ các cảnh đẹp, di sản….

Đồng thời giúp các bạn hiểu được giá trị di sản, tầm vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và tạo cơ hội cho các bạn có niềm đam mê theo đuổi nghiên cứu các ngành nghiên cứu mà địa phương mình có.

Học sinh, sinh viên là những trụ cột tương lai của đất nước, nên khi các bạn hiểu được tầm vai trò quan trọng của di sản sẽ cùng chung tay bảo vệ và có nhiều ý tưởng để hỗ trợ phát triển di sản lên tầm cao mới vươn xa hơn trên hệ thống toàn cầu.

3.2.2.6. Sở Ngoại vụ Quảng Ngãi

Trong dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại Đảo Bé, phục vụ phát triển du lịch sinh thái có mảng đào tạo và quan hệ hợp tác quốc tế nhằm trao đổi thông tin và tranh thủ sự hỗ trợ giáo dục bên ngoài từ các trường đại học, học viện quốc tế. Sở ngoại vụ tham mưu lên Ủy ban nhân dân tỉnh về các hoạt động liên quan đến yếu tố nước ngoài.

Chẳng hạn như ngày 21/02/2017 công ty bảo tồn Đoàn Ánh Dương gửi đơn lên Sở Ngoại vụ xin phép tổ chức hội thảo "Phương pháp tiếp cận phát triển cộng động dựa vào nguồn lực địa phương ABCD" (Assets – Based – Commuminty - Development). Ngày 27/02/2017 Sở Ngoại vụ có công văn số 134/SNg gửi lên Ủy ban nhân dân tỉnh về cuộc hội thảo. Và đến ngày 03/03/2017 thống nhất chủ trương cho phép công ty bảo tồn tổ chức hội thảo với sự tham gia của giáo sư Ashley Hollenbeck, quốc tịch Mỹ giảng dạy ở trường đại học Hiroshima Jogakuin, Nhật Bản và bà Nicole Portley quốc tịch Mỹ, thành viên tổ chức môi trường Thái Bình Dương hỗ trợ, giảng dạy tại đảo Bé cho đại diện các sở ban ngành và công ty bảo tồn liên quan đến tài sản cộng đồng và cách phát huy tài sản đó.

Sau này trong quá trình xây dựng và phát triển Đảo Bé theo chiều hướng bền vững cần rất nhiều chuyên gia ở các lĩnh vực khác nhau về hỗ trợ, Sở Ngoại vụ luôn theo dõi và tạo điều kiện cho các chuyên gia làm việc dễ dàng tại địa phương. Đó cũng là một cách góp phần quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè quốc tế.

3.2.2.7. Sở thông tin và truyền thông Quảng Ngãi

Sở thông tin và truyền thông Quảng Ngãi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh về: báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và internet… Các nội dung viết liên quan đến đảo Bé vũng lõi công viên địa chất, hay thông tin về du lịch in trong các tờ rơi, tập gấp, nội dung tải trên các trang web … phải qua sở thông tin và truyền thông kiểm duyệt trước khi xuất bản và công khai.

3.2.2.8. Lực lượng biên phòng trên biển

Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản không những trên bờ mà còn cả mặt biển và dưới biển. Công ty bảo tồn phối hợp với đội tuần tra của khu bảo tồn biển và lực lượng biên phòng trên biển nhằm thực thi các biện pháp bảo vệ. Hiện nay, khu bảo tồn biển mới thành lập, chủ yếu là đi học tập kinh nghiệm để về làm, chưa có các đội chuyên trách thực hiện chuyên sâu. Sau này khi bảo tồn biển thả phao khoanh vùng bảo vệ chính thức, các bộ phận có liên quan của các cơ quan có chức năng cùng nhau thực thi nhiệm vụ tuần tra, canh gác, xử lý các vụ đánh cá trái phép trong vùng cấm và cơ chế xử phạt tài chính theo quy định.

3.2.2.9. Lực lượng đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội

Trước hết là bộ phận công an xã và dân quân tự vệ địa phương đảm bảo an ninh trên địa bàn đảo. Hiện nay, khách du lịch đến Đảo Bé chủ yếu là khách nội địa đến tham quan trải nghiệm, khách nước ngoài rất ít. Nhưng sau này khi làm công tác bảo tồn tốt, chất lượng sản phẩm du lịch được nâng lên, không những du khách trong nước mà cả du khách nước ngoài đến du lịch. Số lượng du khách ngày càng tăng lên, tình hình an ninh cần phải chặt chẽ đảm bảo an toàn cho du khách. Cần sự phối hợp

chặt chẽ của lực lượng biên phòng và công an từ tỉnh đến xã đảm bảo thực hiện công tác, tạo môi trường lành mạnh, an tâm khi du khách đến đảo.

3.2.3. Giải pháp thu hút, tham gia nâng cao nhận thức và các việc làm trong phát triển du lịch sinh thái bền vững

Nâng cao nhận thức cộng động về cách bảo tồn và những việc làm cần thiết liên quan đến phát triển du lịch bền vững là những việc làm vô cùng quan trọng. Để làm được điều này đòi hỏi cần phải có thời gian, lộ trình và những hướng đi đúng đắn thật sự khoa học của các bên liên quan. Từ những cứ liệu thông tin khoa học về di sản cả tự nhiên lẫn văn hóa của các nhà khoa học, cơ chế chính sách mềm dẻo áp dụng linh hoạt, cơ chế tài chính bền vững và cộng đồng địa phương cùng chung tay ra sức bảo vệ và được hướng dẫn cụ thể những sinh kế thân thiện với môi trường.

3.2.3.1. Thực hiện công tác truyền thông và giáo dục cộng đồng

Để có được những thông tin khoa học cần thiết ban đầu nhận diện giá trị di sản và sự vào cuộc giữa các bên liên quan, Công ty CP ĐT PT Đoàn Ánh Dương có trụ sở tại Quảng Ngãi (doanh nghiệp bảo tồn) đã nhiều lần phối hợp cùng với quản lý nhà nước, nhà khoa học tổ chức các chuyến khảo sát ở các khu vực trong phạm vi công viên địa chất. Công viên địa chất Lý Sơn được hình thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo quyết định công văn số 453/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Và Đảo Bé trở thành vùng lõi của công viên địa chất Lý Sơn. Với cơ sở pháp lý trên Đảo Bé được bảo vệ và có những hướng đi phù hợp trong phát triển bền vững của địa phương.

Và đến tháng 3/2016 Công ty bảo tồn phối hợp với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi mời các chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực địa chất, địa mạo, môi trường, văn hóa, khảo cổ học. Trong đó có 14 chuyên gia đầu ngành lĩnh vực địa chất, 7 chuyên gia đầu ngành lĩnh vực văn hóa, khảo cổ học, môi trường. Đoàn của Phó tổng thư ký Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam và Viện trưởng Viện khoa học Địa chất và Khoáng sản. Đặc biệt có sự tham gia của 2 phó chủ tịch UNESCO và các thành viên trong mạng lưới công viên địa chất toàn cầu về khu vực Lý Sơn – Bình Châu khảo sát và tư vấn cách làm phù hợp hướng đến tham gia mạng lưới công viên địa chất toàn cầu. Qua chuyến công tác lần này có những nội dung nổi bật trong giới truyền thông và cộng đồng về tỉnh Quảng Ngãi có di sản địa chất núi lửa biển đẹp trong tốp hàng đầu Việt Nam và các giá trị văn hóa biển đặc sắc mà hiếm có nơi nào có được. Du khách ngày càng đến nhiều với hòn đảo tiền tiêu của tổ quốc, là một tín hiệu vui trong ngành du lịch, nhưng khi phát triển lại có nhiều vấn đề không tốt và đe dọa đến di sản.

Ngày 12/4/2016 Công ty bảo tồn gửi tờ trình về việc xin chủ trương thực hiện các chương trình hành động trong phạm vi Công viên địa chất. Nhằm phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, bảo vệ các giá trị di sản trên địa bàn các xã trong phạm vi Công viên địa chất.

Ngày 24/5/2016 theo công văn số 2520/UBND- VX báo cáo một số nội dung liên quan đến xây dựng và phát triển Công viên địa chất Lý Sơn và cho phép Công ty lập dự án bảo tồn khẩn cấp toàn bộ diện tích Đảo Bé (Dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại Đảo Bé). Công ty đã tiến hành các hoạt động như tham vấn cộng đồng, tổ chức các buổi họp dân, thảo luận để giúp cộng đồng Đảo Bé hiểu tầm vai trò quan trọng công tác bảo tồn và phát triển du lịch bền vững. Tổ chức tham vấn cộng đồng đợt 1, từ ngày 15/8 – 18/8/2016 tại UBND xã An Bình, đợt 2 từ ngày 24/04 – 7/5/2017 nội dung liên quan đến vấn đề định hướng, mục tiêu, nguyện vọng của người dân trong việc phối hợp của người dân và doang nhiệp bảo tồn trong công tác bảo tồn. Nhằm hỗ trợ, nâng cao năng lực cho cộng đồng địa phương về các mặt: Sinh kế, vệ sinh – môi trường, bảo tồn dưới nước, cứu hộ cứu nạn, quan hệ quốc tế, truyền thông và giáo dục cộng đồng, nghiên cứu văn hóa địa phương. Trong đó có các việc làm hỗ trợ cụ thể như: homestay, thuyền thúng, hàng quán… Cộng đồng địa phương thống nhất công tác bảo tồn và nâng cao giá trị tài nguyên biển, địa chất văn hóa vật thể và phi vật thể.

Bênh cạnh các hoạt động tham vấn cộng đồng, Công ty đã tổ chức các chuyến tham quan học tập cách bảo tồn và cách làm du lịch cộng đồng tại Cù Lao Chàm – Hội An cho cộng đồng Đảo Bé. Đảo Bé hiện nay có 93 hộ dân thường xuyên sinh sống trên đảo, con số này rất thấp, thực hiện công tác truyền thông và giáo dục cộng đồng diễn ra thuận lợi và nhanh chóng. Đợt 1 tổ chức từ ngày 06 – 09/06/2017, đợt 2 tổ chức từ ngày 26 - 29/06/2017 và đợt 3 diễn ra ngày 14 – 17/08/2017, toàn bộ cộng đồng địa phương tham gia. Trong đó một số mô hình cần học tập và ứng dụng nhanh trong thời gian tới như bảo tồn và dán nhãn cua đá, phân loại rác tại nguồn và nói không với túi ni lông.

Sau các lớp tham quan học tập, nhận thức của cộng đồng Đảo Bé về bảo tồn có sự chuyển biến tích cực bằng những việc làm cụ thể:

- Đội đưa du khách lặn ngắm san hô kéo phao bảo vệ vùng biển khách tắm và lặn ngắm.
- Đội đưa du khách lặn ngắm san hô chăm sóc bãi biển trắng ngần- nói không với rác.
- Với hoạt động cụ thể chính quyền địa phương UBND xã An Bình và người dân đảo Bé thông qua 2 đề án bảo tồn cua đá và nói không với túi ni lông, được người dân hoàn toàn nhất trí diễn ra ngày 18/7/2017 tại văn phòng xã An Bình.

Song hành các hoạt động tổ chức cho cộng đồng địa phương, ngày 23/07/2017 Công ty đón đoàn PCT.UBND tỉnh Đặng Ngọc Dũng đi khảo sát và có các cuộc trò chuyện với người dân về bảo tồn và các hoạt động sinh kế. PCT Đặng Ngọc Dũng cho rằng đẩy nhanh công tác bảo tồn, hỗ trợ nâng cao nhận thức và các việc làm liên quan đến du lịch là giải pháp tốt cho hòn đảo này và tiến tới áp dụng hoạt động cho các xã còn lại nằm trong phạm vi CVĐC Lý Sơn.

Thực hiện công tác truyền thông và giáo dục cộng đồng là một việc làm thường xuyên và kéo dài, cần có kế hoạch cụ thể từng quý, năm cho hoạt động này.

3.2.3.2. Phân loại rác tại nguồn

Định hướng của Đảo Bé là bảo tồn và phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững. Do đó lựa chọn phương án phân loại rác tại nguồn là hợp lý phù hợp với chính sách phát triển chung của đảo và phù hợp với định hướng chung của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. (Quyết định số: 2149/QĐ-TTG ngày 17 tháng 12 năm 2009 của thủ tướng chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.) [46]

Đảo Bé có nhiều điều kiện thuận lợi như dân số tại đảo ít, chi phí đầu tư ban đầu thấp, thời gian tuyên truyền hướng dẫn người dân được rút ngắn. Và có thể học hỏi kinh nghiệm chương trình phân loại rác tại nguồn của thành phố Hội An hay đảo Cù Lao Chàm. Khối lượng rác hiện tại ít nên việc thí điểm các phương án xử lý như làm phân compost gặp nhiều thuận lợi, không gây ảnh hưởng đến môi trường cũng như cảnh quan.

Phân loại rác tại nguồn mang lại nhiều lợi ích lớn:

- Góp phần tiết kiệm được tài nguyên, mang lại lợi ích cho người chủ nguồn thải từ việc tận dụng phế liệu tái chế và phân compost tự chế biến.
- Phân loại rác tại nguồn góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Phân loại rác tại nguồn góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên và môi trường.
- Phân loại rác tại nguồn góp phần giảm thiểu tổng lượng rác thải trong cộng đồng thải ra môi trường nhằm giảm tải cho môi trường, tiết kiệm chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý. Bênh cạnh đó, cộng đồng dân cư trên đảo nên thay thế túi ny lông bằng các sản phẩm dễ phân hủy, thân thiện với môi trường như: giấy báo, túi Ecobag… như cách làm của người dân Cù Lao Chàm.

3.2.3.3. Cộng đồng địa phương và kêu gọi du khách chung tay thu gom, dọn rác trên đảo và bỏ rác đúng nơi quy định

Phân loại rác tại nguồn từ hộ gia đình là bước đầu tiên rất quan trọng trong khâu bảo vệ môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên hợp lý. Cả cộng đồng trên Đảo Bé thực hiện tốt công việc này là góp phần vào cùng một số địa phương trên cả nước tiên phong trong phân loại rác tại nguồn trên đất nước ta. Chính từ đây người dân có ý thức làm sạch khu vực mình sinh sống, sạch từ trong nhà ra đến đường làng.

Các tổ chức mặt trận đoàn thể của xã như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân, hội chữ thập đỏ … nên thường xuyên kêu gọi cộng đồng người dân tổ chức các buổi ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường trên đảo, góp phần làm cho hòn đảo trở nên sạch đẹp hơn. Hoặc chính quyền địa phương có thể kêu gọi các tổ chức tình nguyện cùng chung tay dọn vệ sinh bảo vệ môi trường. Một hình ảnh đẹp như chiều ngày 12/5/2017 đội tình nguyện xã An Bình phối hợp với cán bộ Trung tâm Nghiên cứu và

bảo tồn Di sản Chi nhánh Công ty CP ĐT PT Đoàn Ánh Dương dọn vệ sinh môi trường ven các bãi biển trên đảo, góp phần làm sạch bãi biển. Dịp lễ 30/04 – 01/05/2017 Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi phối hợp cùng đội tình nguyện xã An Bình phát túi thân thiện môi trường cho người dân và du khách. Nhằm hướng tới xã đảo An Bình giảm thiểu và dân nói không với túi ni lông để bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp.

Mở tour du lịch nhặt rác xung quanh các bãi biển trên Đảo Bé, nhằm cải thiện môi trường và cũng như nâng cao ý thức của du khách bỏ rác đúng nơi quy định. Một thực tế chứng minh hiện nay tour nhặt rác được các bạn trẻ hướng ứng nhiệt tình. Chẳng hạn như 25/10/2015 công ty du lịch Viet Mark tổ chức cho đoàn hơn 80 du khách, chủ yếu là các du khách trẻ đi dọc các điểm tham quan nổi tiếng như Hang Câu, Cổng Tò Vò, Chùa Hang, Chùa Đục (đảo Lớn – Lý Sơn) … và dọc theo các tuyến kè quanh đảo dọn rác giúp bảo vệ môi trường. Chương trình kết hợp dọn rác và nhổ cỏ trên cánh đồng hành tỏi cùng người dân. Đây cũng là tour nên ứng dụng cho Đảo Bé kể cả người dân địa phương và du khách tham gia, tăng cường nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường và tăng cường tình yêu thiên nhiên.

3.2.3.4. Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn trên đảo

Cả Đảo Bé là một sản phẩm du lịch kết hợp tinh hoa của các giá trị di sản từ tự nhiên đến di sản văn hóa. Nơi đây nổi tiếng với sự phun trào núi lửa hình thành nên đảo, nhiều miệng núi lửa âm, dương đang tồn tại xen lẫn các cánh đồng hành, tỏi với cây rừng xanh tươi, hoa lá tạo nhiều gam màu sắc với nhiều giá trị gắn với thời gian. Dưới biển với rạn san hô rộng lớn đầy đủ các loài tôm, cua, cá, mực, san hô cứng; mềm, các loại cỏ biển, chất lượng nước tốt và độ mặn cao… Gắn với con người nơi đây là nói đến giá trị di sản định cư, làng xóm, các lăng, miếu thờ, các lễ hội và tinh thần cố kết cộng đồng của người dân địa phương.

Một sản phẩm du lịch kết hợp đa dạng các loại hình, nhưng khai thác không có giới hạn sẽ dẫn đến bị suy thoái. Chính vì điều này, đảo cần phải bảo tồn các giá trị đó với những cơ chế, chính sách cho phù hợp, định hướng phát triển theo hướng bền vững để du khách và thế hệ hiện tại cũng như tương lai đều được thừa hưởng và trải nghiệm các giá trị đó.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã cho chủ trương Công ty CP ĐT PT Đoàn Ánh Dương thực hiện dự án bảo tồn và phát huy giá trị di sản tại Đảo Bé. Bước đầu đã có các công trình nghiên cứu từ các chuyên gia đầu ngành của các lĩnh vực nhận định các giá trị di sản địa chất, môi trường và văn hóa…. Công ty đã xây dựng 34 điểm thuyết minh và đã giới thiệu đến cộng đồng địa phương hiểu được giá trị và đây là tài sản quý mà cộng đồng địa phương đang thừa hưởng. Đây là những bước rất quan trọng trong công tác kêu gọi cộng đồng địa phương chung tay bảo tồn các giá trị và đó là sản phẩm du lịch mà du khách luôn tìm đến để thưởng thức và tận hưởng.

Hưởng ứng chương trình bảo tồn trên đảo và thực hiện nội dung thông báo số 106 - TB/HU ngày 06/7/2017 của Huyện ủy Lý Sơn về việc thông báo ý kiến kết luận của Bí thư huyện ủy tại buổi tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân xã An Bình. Ngày 18/7/2017 chính quyền và người dân địa phương thông qua hai đề án là nói không với túi ni lông và bảo tồn cua đá. Với hai đề án trên được người dân tham gia hưởng ứng tích cực và đồng thuận, cần triển khai trong cộng đồng dân cư, tạo cho môi trường thêm xanh, đẹp và bảo tồn được loài cua đá quý này.

Đó là những việc làm bước đầu khẳng định thực hiện công tác bảo tồn của chính quyền và cộng đồng địa phương. Và làm công tác bảo tồn cần đòi hỏi nhiều kế hoạch, nhiều dự dự án được triển khai nhiều qua thời gian với sự tham gia của các bên liên quan nhằm vào những mục đích mà công tác bảo tồn đang hướng tới.

3.2.3.5. Kết nối, hợp tác các trường Đại học, học viện trong nước và quốc tế

Trong thời gian qua có nhiều trường đại học, học viện đến Đảo Bé. Đầu tiên phải kể đến trường đại học Hiroshima Jogakuin, Nhật Bản do giáo sư Ashley Hollenbeck để hỗ trợ giảng dạy về tài sản cộng đồng địa phương. Trường đại học sư phạm Đà Nẵng đưa sinh viên chuyên ngành môi trường đến tham quan, học tập sự đa dang sinh học và quy hoạch trường. Trường Đại học sư phạm Đồng Nai đưa sinh viên chuyên ngành lịch sử đi tham quan học tập. Hay các giảng viên nghiên cứu của trường đại học khoa học xã hội và nhân văn đến tiền trạm, tham quan và nghiên cứu… Đó là bước đầu các trường đại học trong nước và quốc tế đến tham quan, học tập, hỗ trợ kiến thức … mở ra hợp tác, kết nối và chia sẽ thông tin lâu dài trong phát triển giáo dục.

Trong những năm tiếp theo cần liên kết, tổ chức các lớp tham quan học tập, trao đổi học thuật với các trường trong nước và trên thế giới.

3.2.3.6. Mở các lớp tập huấn giúp cộng đồng địa phương tìm hiểu tầm vai trò quan trọng của tài nguyên trên đảo trong phát triển du lịch

Mở lớp giới thiệu những nội dung cơ bản về tài nguyên trên đảo từ các giá trị địa chất, văn hóa, lịch sử, đa dạng sinh học, … mà tiêu biểu là các sản phẩm từ địa chất như: Mũi Ngóng, hồ Bán Nguyệt, hòn Đụn, Mom Tàu, bãi Trăng Tròn – vườn thú, bãi Hang, bãi Trăng Khuyết. Các giá trị văn hóa – lịch sử như: lăng Cá Ông, nhà Tiền Hiền, miếu Bà Hồng Nương, miếu Ông Cao Cát, các hồ đựng nước mưa, lễ cúng cá Ông. Các giá trị của đa dạng sinh học tiêu biểu là rừng Cam Đàng, bờ cây Dâm Bụt, Bông Tím, ruộng bậc thang hành, tỏi, con nhông, các loài cá và các rạn san hô nhiều màu sắc. Nhằm giúp cộng đồng địa phương hiểu được các giá trị và vai trò của nó trong phát triển du lịch địa phương.

Mở lớp giới thiệu chuyên sâu về các sản phẩm du lịch vừa kể trên, để mọi người dân ai cũng có thể hiểu, nhớ những nội dung cơ bản và sau này mỗi người dân là một thuyết minh trên đảo kể cho du khách nghe những câu chuyên của địa phương.

Một khi cộng đồng địa phương hiểu được tầm vài trò quan trọng của sản phẩm trong phát triển du lịch sinh thái bền vững gắn liền với sinh kế của họ, đây là lực lượng lớn trong cộng đồng làm công tác bảo vệ chăm sóc di sản.

3.2.4. Giải pháp đào tạo phát triển nguồn nhân lực cộng đồng địa phương

Làm công tác bảo tồn và làm du lịch cộng đồng định hướng phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững, cộng đồng địa phương phải có một năng lực nhất định. Trước hết là phải hiểu vì sao phải bảo tồn? Bảo tồn được cái gì? Khi cộng động địa phương hiểu, biết thì cần phải hành động bằng những việc làm cụ thể và mang lại những kết quả mà mục tiêu đề ra.

3.2.4.1. Chia cộng đồng thành các nhóm đi thăm quan học tập cách bảo tồn và các mô hình làm du lịch cộng đồng

Người dân và cán bộ Đảo Bé đã được thăm quan học tập cách làm bảo tồn và cách làm du lịch cộng đồng tại Cù Lao Chàm – Hội An. Công ty bảo tồn đã tổ chức ba lớp học vào các đợt: đợt 1 từ ngày 06 – 09/6/2017, đợt 2 từ ngày 26 – 29/6/2017 và đợt 3 từ ngày 14 – 17/8/2017. Toàn bộ người dân trên đảo được tham quan học tập và đã hiểu được cách làm bảo tồn và người dân cho rằng nên làm bảo tồn trên Đảo Bé. Bảo tồn là động lực cho phát triển và phát triển tái đầu tư lại cho công tác bảo tồn.

Các lớp học tổ chức vừa qua là những lớp học cơ bản về làm bảo tồn và du lịch cộng đồng. Nhưng làm du lịch cộng đồng cần phải có các nghiệp vụ và kỹ năng trong từng loại hình cụ thể. Các năm tiếp theo cần có các lớp học cụ thể cho từng loại hình như học làm homestay, nhà hàng, kỹ năng đón tiếp du khách, lặn ngắm san hô, thuyết minh viên trên đảo…

3.2.4.2. Mở các lớp dạy nấu ăn, tiếp đón và thuyết minh cho người dân

Kết nối với các trường đào tạo nghiệp vụ du lịch cho cộng đồng địa phương. Trong tỉnh có trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ Dung Quất và ở Huế có trường Cao Đẳng Nghề Du Lịch. Các trường này gần đảo Bé hơn so với các trường ở hai đầu đất nước Hà Nội và Hồ Chí Minh, thuận lợi trong công tác giảng dạy và hỗ trợ cộng đồng địa phương. Trường có đào tạo các nghề như chế biến đồ ăn; thức uống, nghiệp vụ hướng dẫn viên và tiếng anh chuyên ngành du lịch. Và hiện nay trường Cao đẳng nghề du lịch Huế đang mở lớp dạy thuyết minh cho cộng đồng Cù Lao Chàm – Quảng Nam nhằm tăng cường kiến thức và nâng cao chất lượng nghiệp vụ thuyết minh cho các thuyết minh viên. Cộng đồng người dân Đảo Bé cần được tổ chức các lớp học như cộng đồng Cù Lao Chàm nhằm tăng cường kiến thức, kỹ năng trong phát triển du lịch.

3.2.4.3. Mở các lớp dạy ngoại ngữ cho cộng đồng địa phương

Trong quá trình đón tiếp du khách trên đảo, không những khách nội địa mà còn khách quốc tế đến du lịch. Thực trạng hiện nay, người dân Đảo Bé hầu như không biết tiếng anh, không thể giao tiếp với khách nước ngoài khi đến đảo, đó là một rào cản lớn trong phát triển du lịch. Công ty bảo tồn cần tổ chức mở các lớp học ngoại ngữ cho cộng đồng địa phương, bằng cách đào tạo các lớp học ngắn, dài hạn, kêu gọi các

tình nguyện viên về tham gia giảng dạy hỗ trợ vốn tiếng anh. Hay vận động các em ở đảo đi học chuyên ngành ngoại ngữ, sau khi học xong về công tác tại đảo và mở trung tâm ngoại ngữ dạy cho cộng đồng địa phương mình.

3.2.4.4. Mở các lớp học và cấp chứng chỉ cho nhóm đưa du khách lặn ngắm san hô

Nhóm đưa du khách lặn ngắm san hô trên đảo có 44 thành viên tham gia hoạt động, trong đó thành phần thanh niên, trung niên và người tương đối lớn tuổi. Các thành viên của nhóm này phần lớn là người dân và người có quan hệ mất thiết với cộng đồng Đảo Bé. Khi du khách đến đảo có nhu cầu lặn ngắm san hô, ban đầu có một vài người dân tự phát sắm thúng đưa du khách lặn ngắm, nhưng dần về sau số lượng thành viên không ngừng tăng lên và chính quyền địa phương thành lập tổ hoạt động. Các lớp kiến thức hỗ trợ nghiệp vụ cho nhóm này vẫn chưa nhiều, thời gian qua hội chữ thập đỏ tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với huyện Lý Sơn tổ chức lớp học sơ cấp cứu cho người đuối nước. Cần phải tổ chức nhiều lớp học xoay quanh các chủ đề liên quan đến nghiệp vụ lặn, xử lý các tình huống khi đưa du khách đi biển… Nhằm trang bị những kiến thức chuyên sâu cho nhóm này, phục vụ an toàn cho du khách.

3.2.4.6. Xin cơ chế đặc thù cho nhóm xe điện hoạt động và mở lớp học cấp bằng lái xe

Nhiều nhà dân trên đảo góp vốn mua xe điện chở khách thăm quan xung quanh đảo. Mỗi chiếc xe điện có giá khoảng 100 – 120 triệu đồng một chiếc, tùy thuộc vào xe nhiều hay ít ghế. Các chiếc xe điện này thường dùng để di chuyển trong các khu resort hay sân golf, còn người dân địa phương dùng để chở khách, theo luật giao thông loại xe này không được chở khách lưu thông đường bộ. Ngoài ra lái xe hầu như không có bằng lái, theo điều tra thực tế, người dân địa phương mua tập lái vài ngày rồi chở khách. Xe điện gắn liền với sinh kế của nhiều hộ gia đình trên đảo, nên không thể loại bỏ mà cần xin cơ chế, tạo điều kiện hỗ trợ cho địa phương trong loại hình này.

Trước hết Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh Quảng Ngãi trình phương án lên chính phủ có cơ chế đặc biệt tạo điều kiện cho xe chở khách, lưu thông trên đường bộ. Về Công an, mảng giao thông phối hợp với sở Giao Thông Vận Tải mở các lớp học cấp bằng lái xe. Hội tụ đủ hai vấn đề trên là đủ tiêu chuẩn cho xe chở khách du lịch thăm quan trên đảo.

3.2.5. Giải pháp làm môi trường xanh, sạch, đẹp

Điểm đến du lịch xanh, sạch, đẹp tạo cho du khách thích thú và thoải mái thư giản, thưởng thức. Ngày nay du khách đánh giá môi trường là một trong những yếu tố quan trọng cùng các tiêu chí khác trong hành trình du lịch. Đảo Bé là hòn đảo thơ mộng được tự nhiên ban tặng, nhưng do tác động và các hoạt động của con người làm cho Đảo Bé mất dần đi cái đẹp hoang sơ như vốn có của nó. Dưới đây là một số giải pháp triển khai thực hiện góp phần làm cho hòn đảo trở nên xanh, sạch, đẹp.

3.2.5.1. Trồng cây xanh

Công ty bảo tồn phải phối hợp với chính quyền địa phương mời các nhà khoa học chuyên về nông – lâm nghiệp đến nghiên cứu hỗ trợ cùng người dân địa phương trồng cây xanh phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng tại một số tuyến đường trên đảo từ đoạn

cầu cảng An Bình đến Bãi Hang, Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Di sản đến Mom Tàu, Trường tiểu học An Bình qua Bãi Tây và nối Bãi Hang, trồng cây xanh trên dọc đường đến rừng Cam Đàng. Đó là những tuyến đường cơ bản mà cần phải trồng thêm cây xanh, tạo bóng mát, du khách thoải mái tản bộ, chụp ảnh… Đồng thời phối hợp với người dân giao từng đoạn đường trồng cây cho người dân chăm sóc. Khi trồng và chăm sóc cây xanh phát triển trên các tuyến đường, phủ thêm màu xanh trên đảo, có bóng mát, giúp không khí mát mẻ, đặc biệt vào những ngày hè nắng oi bức, giúp du khách thoải mái đi bộ ngắm cảnh trên các tuyến đường này.

3.2.5.2. Phân tuyến dành cho xe hoạt động và phố đi bộ

Trên đảo hiện nay chưa có phố đi bộ, tất cả mọi cung đường trên đảo cả xe và người đi bộ cùng lưu thông. Các phương tiện trên đảo như xe điện, xe máy, xe đạp cùng lưu thông. Đảo Bé có diện tích gần 69 ha là một đảo rất nhỏ, khuyến khích du khách đi xe đạp, đi bộ khám phá, trải nghiệm hòn đảo này. Để làm được việc này cần phân tuyến, thời gian dành cho xe hoạt động và phố đi bộ, nhằm tạo điều kiện thoải mái cho du khách khám phá, trải nghiệm mà không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn động cơ xe. Thời gian du khách sang đảo Bé là khoảng 6 giờ sáng đến 5 giờ chiều, tối là khoảng thời gian rất ít du khách lưu trú trên đảo.

Đoạn đường từ cầu cảng về đến trong khu dân cư chỉ dành cho người đi bộ, xe đạp và không dùng xe có động cơ. Sau khi các tuyến đường trồng cây xanh, đủ bóng mát, qui định du khách đến đảo đi bộ hoặc đi xe đạp từ khu dân cư đến các tuyến đường đi Bãi Tây nối Bãi Hang, đi Bãi Hang, đi đến Mom Tàu hay đến rừng Cam Đàng. Sau khi du khách tham quan, trải nghiệm, mệt mỏi, hoặc sau bữa trưa tại Bãi Hang có nhu cầu đi xe điện, gọi điện để được đáp ứng nhu cầu vận chuyển, chở du khách đến bãi đậu xe bên trường tiểu học và du khách đi bộ ra bến cảng, vừa đi có thể mua đồ lưu niệm trên tuyến đường đi bộ. Với việc phân tuyến dành cho người đi bộ xe và thời gian hoạt động vận chuyển du khách, nhằm tạo môi trường thân thiện, yên bình và xanh trong giao thông.

3.2.3.3. Xử lý rác thải và nguồn nước sau khi dùng tại nhà dân và các hàng quán

Nước thải và rác thải là hai vấn đề bức xúc của một số điểm đến du lịch của nước ta. Mãi đến bây giờ rác thải và nước thải trên Đảo Bé vẫn chưa được xử lý triệt để, đặc biệt tại các hàng quán ở Bãi Hang, rác thải rất nhiều và người dân thường thu gom đốt trực tiếp phía sau hàng quán. Rác thải từ rác thải sinh hoạt trong khu dân cư, rác bãi biển và rác từ khách du lịch. Công ty Đa Lộc (Công ty môi trường) đang thực hiện thu gom rác trên đảo Lý Sơn nói chung và Đảo Bé nói riêng, hai ngày thu gom một lần, đôi khi vài ngày không thu gom, làm cho nguồn rác bị ứ đọng, gây ra hôi thối. Hằng ngày, rác từ ngoài biển trôi vào khá nhiều ở các bãi biển, trong đó có hai bãi biển được thu gom, dọn dẹp là Bãi Trước và Bãi Sau (Bãi Hang), Bãi Trước có một nhân viên thu gom, lương nhận được trích từ nguồn vé ca nô, còn Bãi Hang do đội đưa du khách lặn ngắm san hô dọn dẹp trước giờ đón khách. Các bãi biển còn lại ngập rác, không

được thu gom, xử lý. Công ty bảo tồn cần làm việc với công ty Đa Lộc giao bộ phận môi trường thu gom xử lý bằng cách phân loại rác tại nguồn, rác không tái chế được mang về đảo Lớn cho công ty Đa Lộc đưa vào nhà máy xử lý. Bằng đội ngủ công nhân thu gom rác trong khu dân cư, trên các bãi biển, tại các hàng quán, làm cho đảo sạch nói không với rác.

Nước thải trong khu dân cư và nước thải từ các hoạt động du lịch cần được thu gom lại bằng hệ thống ống ngầm và xử lý nguồn nước tạo nguồn nước sạch tái phục vụ cho các hoạt động. Để thực điều này cần mời các nhà khoa học nghiên cứu kỹ địa hình, tổng số khối lượng nước thải ra hàng ngày để ứng dụng mô hình xử lý nguồn nước thải trên đảo. Xử lý được nguồn nước thải và rác thải trên đảo góp phần làm cho hòn đảo trở nên sạch đẹp hơn.

3.2.3.4. Trên đảo hạn chế dùng túi ni lông và dần nói không với túi ni lông

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 chính quyền và người dân xã An Bình thông qua đề án xã An Bình giảm thiểu và tiến tới "nói không với túi ni lông". Đề án cần sự đồng thuận của cộng đồng địa phương, du khách cùng với chính quyền địa phương xây dựng và chung tay thực hiện thành công đề án này. Việc hạn chế dùng túi ni lông và dần nói không với túi ni lông là một việc làm hết sức gian khó, nhưng cần phải truyền thông trong cộng đồng về tác hại của nó. Đồng thời có các buổi tập huấn, hội thảo cộng đồng để được bàn bạc thảo luận về những vấn đề không sử dụng túi ni lông. Đảo Bé thành công với mô hình này góp phần cùng với Cù Lao Chàm, là những điểm đến du lịch nói không với túi ni lông. Đó cũng là một sản phẩm góp phần quảng bá thương hiệu cho du lịch đảo Bé trong tương lai.

3.2.3.5. Thuyết phục người dân hạn chế và dần đi đến không nổ mìn đánh cá trên biển

Vùng biển xung quanh Đảo Bé có nhiều tàu, ghe và các loại lưới đánh bắt cá. Trong đó nổi trội là dùng nổ mìn đánh cá ở vùng biển này, dẫn đến các loài cá, tôm, cua… và các rạn san hô bị phá hủy rất nhiều. Theo điều tra thực tế ngư dân Đảo Bé dùng nổ mìn đánh cá rất ít, chủ yếu là một số tàu thuyền từ Đảo Lớn sang đánh bắt bằng thuốc nổ. Hiện nay, Khu Bảo tồn biển Lý Sơn đã thành lập, bộ phận biển của công ty bảo tồn phải kết hợp với Khu Bảo tồn biển mời các ngư dân đánh bắt bằng nổ mìn cả bên Đảo Lớn và Đảo Bé cùng họp.

Tổ chức nhiều cuộc họp giải thích tầm vai trò quan trọng của rạn san hô và cá, tôm, cua… sinh sống trong rạn, sự ảnh hưởng của nổ mìn đến hệ sinh thái biển và hệ sinh thái suy giảm ảnh hưởng đến cuộc sống của người ngư dân. Một điều cực kỳ quan trọng để thuyết phục người dân dần hạn chế và đi đến không nổ mìn đánh cá trên biển là vấn đề sinh kế của chính họ. Người ngư dân không đánh cá bằng thuốc nổ nữa thì họ phải làm gì?

Đối với ngư dân Đảo Bé họ không có tàu hay ghe mà chỉ dùng thuốc nổ mìn làm cá để ăn và bán cá cho người dân địa phương, hiện nay các ngư dân này đang tham gia làm du lịch, nên thuyết phục người dân dễ dàng hơn. Vì biển là sản phẩm lớn thu hút

du khách đến đảo, ảnh hưởng trực tiếp nguồn thu từ khách du lịch của cộng đồng địa phương.

Đối với người ngư dân bên Đảo Lớn đi tàu, ghe đánh cá bằng mìn, bộ phận biển của công ty bảo tồn phối hợp với Khu Bảo tồn biển Lý Sơn thống kê số lượng tàu, ghe tổ chức các cuộc họp. Trong cuộc họp tham vấn lấy các ý kiến của các chủ tàu và thành viên và định hướng cải hoán tàu chuyển đổi sinh kế. Bài học kinh nghiệm từ Cù Lao Chàm trước kia người ngư dân đánh cá, khi tham gia công tác bảo tồn, tàu thuyền cải hoán chuyển đổi sinh kế sang làm du lịch, tàu không đánh cá chuyển sang chở khách đi câu cá vùng được khai thác và lặn ngắm san hô. Cuộc sống của người dân Cù Lao Chàm giờ phát triển và nhiều người làm giàu trên chính mảnh đất quê hương mình. Đó cũng là một nơi xứng đáng người ngư dân Lý Sơn học hỏi từ ngư dân Cù Lao Chàm trong cải hoán tàu chuyển sang làm du lịch.

3.2.6. Giải pháp trùng tu các điểm di tích và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng địa phương

Trên Đảo Bé ngoài các giá trị di sản địa chất, môi trường, đa dạng sinh học còn có giá trị văn hóa vùng biển đảo gắn liền với các lăng, miếu, nhà tiền hiền… trùng tu và phát huy các giá trị văn hóa này góp phần bảo vệ các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống trên đảo và tăng thêm các sản phẩm trong phát triển du lịch.

3.2.6.1. Trùng tu di tích

Các điểm di tích lịch sử hiện hữu trên mặt đất như: Lăng Cá Ông, Lân Hội đồng (Nhà Tiền Hiền), Lân Huỳnh Ngọc Thanh, Miếu Ông Cao Cát, Miếu Bà Hồng Nương. Trong đó Lăng Cá Ông được trùng tu lại năm 2015 vững chắc và khang trang đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của người dân trên đảo. Các di tích lịch sử còn lại đang bị xuống cấp, như Miếu Bà Hồng Nương bị xuống cấp trầm trọng. Các di tích lịch sử văn hóa này cần có các dự án trùng tu di tích, trả lại nguyên bản như ban đầu phục vụ cuộc sống tâm linh của cộng đồng địa phương cũng như du khách khi đến đảo du lịch.

3.2.6.2. Tổ chức lễ hội

Theo truyền thống văn hóa người Việt, cộng đồng Đảo Bé cũng vậy trong năm có các ngày lễ cúng như đưa Ông Táo về trời (23 tháng chạp) Tết truyền thống cổ truyền, rằm tháng giêng, Tết Đoan Ngọ (5/5)… tính theo lịch âm. Bênh cạnh đó, cộng đồng Đảo Bé có thêm lễ hội Cầu Mùa và lễ hội cúng Cá Ông. Hai lễ hội này gắn liền với hai nghề truyền thống của người dân xứ đảo trồng hành; tỏi và đi biển. Các lễ hội và nghi lễ truyền thống cộng đồng địa phương vẫn gìn giữ bảo lưu tốt không bị phai nhạt.

Ngày nay, Đảo Bé đang làm du lịch và định hướng Đảo Bé phát triển du lịch sinh thái bền vững nên phần lễ hội cũng là một thành tố cần được bảo tồn và phát huy các giá trị phục vụ đời sống tâm linh, cầu nguyện khi du khách đến đảo.

3.2.7. Cơ chế tài chính bền vững

Đảo Bé hội tụ đa dạng các loại hình di sản, đang trong quá trình phát triển du lịch, nhưng đối mặt với sự phát triển không bền vững, vậy cần tìm các giải pháp phù hợp để phát triển du lịch sinh thái. Trong đó ưu tiên bậc nhất là phải có cơ chế tài chính bền vững để thực hiện các kế hoạch nghiên cứu khoa học, quan hệ hợp tác quốc tế, tuần tra giám sát, đào tạo – giáo dục, chuyển đổi sinh kế cho cộng động địa phương….Hiện nay các khu bảo tồn của nước ta hầu hết dùng tiền từ ngân sách nhà nước "bầu sữa mẹ" dùng cho các hoạt động được nêu trên. Nhưng với nhà thứ 5 là nhà điều phối trong mô hình này sẽ thực hiện thí điểm mô hình này với dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại Đảo Bé sẽ không dùng tiền ngân sách nhà nước mà hoàn toàn từ doanh nghiệp. Doanh nghiệp điều phối tham gia công tác bảo tồn các loại hình di sản và đại diện nhà nước thực hiện các dịch vụ công, loại hình này gần như bấy lâu nay chỉ có nhà nước làm.

Các dịch vụ công tại đảo Bé:

- Giáo dục – truyền thông bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường với người dân và du khách;
- Nâng cao năng lực cộng đồng trong xây dựng và chuyển đổi sinh kế cho người dân phù hợp với công tác bảo tồn;
- Cứu nạn, cứu hộ trên biển;
- Nghiên cứu ứng dụng các khoa học công nghệ tiến bộ phục vụ phát triển bền vững trong khu bảo tồn;
- Giám sát sức khỏe các hệ sinh thái;
- Thu gom, xử lý chất thải trên đảo;
- Hướng dẫn cộng đồng, xây dựng, phát triển sản phẩm địa phương và làm dịch vụ du lịch sinh thái…

Nguồn tài chính không lấy từ ngân sách nhà nước, không thu từ người dân, mặc dù người dân làm các dịch vụ du lịch dựa trên nền công tác bảo tồn, mà nguồn thu từ:

- Người hưởng lợi từ sự gia tăng giá trị chất lượng hệ sinh thái phải trả tiền được thu thông qua vé tham quan, thuế tài nguyên môi trường. Chi phí này được hiểu dùng để tái đầu tư cho chăm sóc sức khỏe các hệ sinh thái.
- Giá vé tham quan (đối với du lịch) và các phí dịch vụ sinh thái (giáo dục, thủy sản) khác được thay đổi, điều chỉnh tăng theo sự gia tăng chất lượng của các sản phẩm dịch vụ sinh thái trên cơ sở các nghiên cứu đánh giá khoa học.
- Các thông số giám sát phản ảnh chất lượng sức khỏe hệ sinh thái bao gồm hệ sinh thái rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, rạn san hô, chất lượng nước biển ven bờ, bãi biển, môi trường…được theo dõi và đo đạc theo thời gian nhằm hỗ trợ cho việc đánh giá và điều chỉnh gia tăng giá vé tham quan…

Tiểu kết chương 3:

Đảo Bé là điểm đến du lịch mới trên bản đồ du lịch Việt Nam. Đảo Bé với nhiều cái tên mỹ miều mà du khách ban tặng được gọi là "hòn ngọc giữa biển đông", "thiên đường xanh" hay "phiên bản Mandivel của Việt Nam". Thiên nhiên và cộng đồng bản địa nơi đây đã ban tặng và gìn giữ hòn đảo xinh đẹp là món quà vô giá của con người. Nhưng với phát triển du lịch nóng, con người đang có dấu hiệu xâm hại lên các giá trị di sản. Cần có các giải pháp phát triển DLST theo hướng bền vững (một mô hình mới) thực sự đúng đắn trong công tác quản lý và phát triển du lịch tại đảo.

Phát triển DLST theo hướng bền vững với các định hướng tổ chức lại không gian DLST mới phù hợp với điều kiện khí hậu, địa hình, cảnh quan của đảo. Xây dựng đa dạng các loại tour du lịch dựa vào các sản phẩm du lịch của đảo và thị hiếu của nhiều du khách. Mở rộng thị trường nguồn khách trong nước và quốc tế đến du lịch tại Đảo Bé. Đây được xem là các yếu tố cơ bản định hướng trước mắt và lâu dài để phát triển bền vững cho ngành du lịch Đảo Bé.

Với tiếp cận mô hình 5 nhà trong công tác quản lý được xem là mô hình mang nhiều ưu việt cho công tác bảo tồn và phát triển du lịch sinh thái. Mỗi nhà có vai trò thực hiện các nhiệm vụ và quyền lợi riêng không xung đột lẫn nhau và cùng nhau phát triển. Công ty bảo tồn (điều phối) với bốn nhà trong mô hình quản lý cùng làm việc tốt là bệ phóng cho sự phát triển bền vững và đó được gọi là sản phẩm đồng thuận. Trong đó cộng đồng địa phương rất quan trọng, là người trực tiếp tham gia công tác bảo tồn và trở thành người chủ thật sự trong công tác bảo tồn và phát triển. Do vậy, cộng đồng địa phương cần có các chính sách hỗ trợ như giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, tham gia các lớp học bảo tồn, các lớp học nghiệp vụ chuyên sâu liên quan đến sinh kế. Cộng đồng địa phương gắn kết sinh kế với công tác bảo tồn, kinh tế phát triển, xóa đói giảm nghèo, xã hội phát triển lành mạnh và gắn với chủ quyền an ninh biển đảo.

Mô hình 5 nhà là yếu tố then chốt hay còn gọi là chìa khóa vạn năng để mở ra cánh cửa thành công trong công tác bảo tồn và phát triển theo hướng bền vững tại Đảo Bé. Để thực hiện thành công mô hình này cần có nhiều giải pháp cụ thể ứng dụng cho hòn đảo này. Công tác bảo tồn là một chuỗi các công việc cần nhiều cơ quan có liên quan cùng tham gia thực hiện trách nhiệm và hưởng quyền lợi. Trong đó giải pháp thu hút tham gia nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương vô cùng quan trọng như tổ chức các lớp học bảo tồn và làm du lịch cộng đồng, phân loại rác tại nguồn, nói không với túi ni lông, hạn chế và đi đến không nổ mìn trên biển… những công việc rất thiết thực góp phần làm cho đảo trở nên xanh, sạch, đẹp. Cơ chế tài chính là yếu tố mới và quan trọng nhất trong mô hình 5 nhà, để có thể duy trì hoạt động công tác bảo tồn bền vững. Cơ chế tài chính đến từ nhà bảo tồn (điều phối) và cũng chính là nhà đầu tư, thực hiện đầu tư các loại hình dịch vụ công trong công tác bảo tồn, không cần đến nguồn ngân sách nhà nước, giảm thiểu gánh nặng cho ngân sách công, phát huy và đạt hiệu quả cao trong các khu bảo tồn. Đây là một điểm khác biệt so với các khu bảo tồn hiện nay của nước ta luôn trông chờ vào nguồn ngân sách nhà nước.

KẾT LUẬN

Trong mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, các hình thức dịch vụ sinh thái từ thiên nhiên mà con người được hưởng, hay nói cách khác là mối quan hệ giữa các hình thức dịch vụ của hệ sinh thái (thiên nhiên) và nhu cầu sống của con người thông qua các giá trị cuộc sống được cung cấp tối đa các lợi ích từ các hệ sinh thái khỏe mạnh. Hệ sinh thái cung cấp các dịch vụ sinh thái thông qua đó con người được thừa hưởng các lợi ích từ thiên nhiên mang lại phục vụ cho đời sống của mình.

Trong quá trình phát triển, con người xúc tiến các hoạt động kinh tế xã hội với không ít các hình thức khai thác, sử dụng các lợi ích thiên nhiên đáp ứng nhu cầu cuộc sống hằng ngày. Con người thường tập trung khai thác các lợi ích và đang ngày càng làm tổn thương cạn kiệt nguồn lực tài nguyên. Vì vậy, con người cần phải có một cách tiếp cận phù hợp, ứng xử phù hợp với thiên nhiên. Một trong những định hướng đó là đến lúc con người phải cùng hợp tác và đồng hành trong quản lý và bảo vệ thiên nhiên.

Đảo Bé định hướng phát triển DLST theo hướng bền vững là hướng đi đúng đắn và trở thành ngành kinh tế chủ đạo của địa phương. Hòn đảo hội tụ nhiều tiềm năng của các giá trị di sản mà hiếm nơi nào có được. Phát triển DLST gắn kết với công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản từ địa chất, môi trường, văn hóa – lịch sử và đa dạng các hệ sinh thái. Đó là những lợi thế lớn mà cộng đồng địa phương đang sở hữu. Tuy nhiên, các giá trị di sản ấy đang có dấu hiệu bị xâm hại và phát triển không bền vững từ tác động của con người, cần tìm ra các giải pháp phát triển DLST bền vững.

Công tác bảo tồn nhằm bảo vệ toàn bộ các giá trị tiềm năng và nguyên trạng của Đảo Bé bao gồm: di sản địa chất, di sản văn hóa, môi trường tự nhiên trên cạn và dưới nước... Công tác bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa bằng việc xây dựng hồ sơ, xếp hạng các di tích, khôi phục các làng nghề truyền thống. Các điểm di tích lịch sử văn hóa, lễ hội được bảo vệ giữ nguyên bản và phát huy các giá trị văn hóa địa phương bằng cách nó là sản phẩm phục vụ du khách với nhiều đối tượng khác nhau đến từ nội địa hay quốc tế.

Phát triển DLST theo hướng bền vững cần định hướng tổ chức lại không gian DLST phù hợp với điều kiện khí hậu, địa hình, cảnh quan của đảo. Xây dựng đa dạng các loại tour du lịch dựa vào các sản phẩm du lịch của đảo và thị hiếu của nhiều du khách. Xây dựng xã đảo An Bình nói riêng và Lý Sơn nói chung trở thành tâm điểm của Công viên địa chất Quốc gia và Toàn cầu. Bảo tồn góp phần vào việc

thúc đẩy sự phát triển của du lịch văn hóa địa phương, đồng thời tăng cường sự hiểu biết, tôn trọng và ý thức bảo vệ của khách thăm quan đối với các điểm du lịch và cộng đồng địa phương, phục vụ cho mục đích nghiên cứu, giáo dục các thế hệ trẻ tương lai ở đảo nói riêng và cả nước nói chung.

Các giá trị di sản trên đảo đang có dấu hiệu bị xâm hại và phát triển không bền vững từ tác động của con người. Cần tìm ra giải pháp phát triển DLST bền vững đó là mô hình 5 nhà, nhà nước, nhà khoa học, nhà dân, nhà doanh nghiệp truyền thống và nhà doanh nghiệp bảo tồn. Trong đó nhà doanh nghiệp bảo tồn (điều phối) có chức năng kết nối, điều phối cùng các nhà còn lại thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát triển bền vững. Doanh nghiệp đặt cộng đồng làm chủ thể của sự phát triển bền vững trong khu bảo tồn. Là nhà đầu tư lĩnh vực xã hội hóa công tác bảo tồn, giúp giảm bớt gánh nặng về quản lý và giải quyết vấn đề tài chính cho việc duy trì và phát triển các dịch vụ công. Doanh nghiệp điều phối phải đặt lợi ích bảo tồn lên hàng đầu, tiếp đến là lợi ích của cộng đồng và sau đó đến doanh thu của doanh nghiệp, doanh thu tuy cần nhiều thời gian để hòa vốn nhưng khi đạt đến giá trị nhất định mà doanh nghiệp đã đầu tư thì nguồn thu về là bền vững. Doanh nghiệp điều phối đóng vai trò là người kết nối, điều hành, phối hợp với các bên liên quan nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của các bên, không gây mâu thuẫn về lợi ích, đem đến sự công bằng, minh bạch trong công tác quản lý và chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan.

Với mô hình này chính là tìm ra cơ chế tài chính bền vững thực hiện các kế hoạch bằng các giải pháp cụ thể ứng dụng vào Đảo Bé giúp cộng đồng địa phương chuyển đổi sinh kế phù hợp, môi trường xanh, sạch, đẹp, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản. Đồng thời với cơ chế tài chính bền vững và chính sách thông thoáng cải cách theo thực tế có lợi cho nhà nước, doanh nghiệp đầu tư và nguồn nhân lực chất lượng cao trong công tác điều phối. Mô hình 5 nhà là yếu tố then chốt hay có thể gọi là chìa khóa vạn năng để mở ra cánh cửa thành công trong công tác bảo tồn và phát triển theo hướng bền vững tại Đảo Bé. Công tác bảo tồn là một chuỗi các công việc nhiều cơ quan có liên quan cùng tham gia thực hiện trách nhiệm và hưởng quyền lợi. Trong đó giải pháp thu hút tham gia nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương vô cùng quan trọng. Mô hình 5 nhà là mô hình mới, ứng dụng trong công tác bảo tồn tại Đảo Bé và đây là mô hình mẫu thí điểm tại hòn đảo này. Nếu ứng dụng thành công mô hình này tại xã An Bình (Đảo Bé) sẽ nhân rộng ra các xã còn lại nằm trong phạm vi Công viên địa chất Lý Sơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Vũ Tuấn Anh (2015), *Tiến tới nền kinh tế xanh ở Việt nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Lê Huy Bá (2006), *Du lịch sinh thái (Ecotourism)*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
3. Công ty CP ĐT PT Đoàn Ánh Dương (2017), dự án bảo tồn và phát huy các giá trị di sản tại đảo Bé, Lý Sơn, Quảng Ngãi.
4. Công ty CP ĐT PT Đoàn Ánh Dương (2017), nội dung thuyết minh các điểm tham quan đảo Bé, Lý Sơn, Quảng Ngãi.
5. Lê Cảnh Dũng (Chủ biên) (2015), *Giáo trình nguyên lý phát triển nông thôn*, NXB Đại học Cần Thơ.
6. Bùi Văn Dũng (Chủ biên) (2014), *Giáo trình phát triển bền vững*, NXB Đại học Vinh.
7. Thế Đạt (2003), *Du lịch và du lịch sinh thái*, NXB lao động, Hà Nội.
8. Lê Thị Hoa (2012), *Cơ sở khoa học cho định hướng phát triển kinh tế sinh thái tại đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*, luận văn thạc sĩ chuyên ngành sinh thái môi trường, Đại học KHTN, Đại học QGHN.
9. Nguyễn Đình Hòa (2006), *Du lịch sinh thái- thực trạng và giải pháp để phát triển ở Việt Nam*, Tạp chí kinh tế & phát triển, (103), tr 35-44.
10. Nguyễn Hoàng (2016), *Du lịch sinh thái trong vấn đề phát triển kinh tế - xã hội từ thực tiễn Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam*, luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Việt Nam học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
11. Nguyễn Đình Hòe – Vũ Văn Hiếu (2001), Du lịch bền vững, Đại học quốc gia Hà Nội.
12. Lê Văn Huy (2011), *Phát triển du lịch huyện Đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi*, luận văn Thạc sĩ chuyên ngành kinh tế phát triển, Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
13. Phạm Hồng Long (2013), *Tài liệu chương trình phát triển du lịch sinh thái*, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hà Nội.

14. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái - Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục.
15. Phạm Trung Lương (2008), *Cơ sở khoa học phát triển du lịch đảo ven bờ vùng du lịch Bắc Trung Bộ*, đề tài khoa học cấp ngành, Hà Nội.
16. Đào Thị Hoàng Mai (2015), *Du lịch nông thôn từ lý luận đến thực tiễn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Hồ Thúy Ngọc (Chủ biên) (2016), *Khai thác tài sản trí tuệ đến phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
18. Nguyễn Trọng Nhân (2011), *Du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Galapagos và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí khoa học số 5(153)-2011, trường Đại học Cần Thơ.
19. Phòng Văn hóa thông tin Lý Sơn (2017), báo cáo lượt khách và doanh thu du lịch Lý Sơn.
20. Phòng bán vé An Bình (2017), thống kế số lượt khách đến đảo Bé.
21. Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng lý thuyết và vận dụng tập 1*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
22. Hà Văn Siêu (2011), *Một số giải pháp phát triển bền vững du lịch biển đảo ở Quảng Ngãi và các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ*, Viện nghiên cứu phát triển du lịch, Hà Nội.
23. Tổ chức bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) tại Việt Nam (2003), *Hướng dẫn quản lý khu bảo tồn thiên nhiên - Một số kinh nghiệm và bài học quốc tế.*
24. Nguyễn Thị Tú (2006), *Những giải pháp phát triển du lịch sinh thái Việt Nam trong xu thế hội nhập*, luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học thương mại, Hà Nội.
25. Tổng cục Du lịch Việt Nam (1999), xây dựng chiến lược phát triển Du lịch sinh thái ở Việt Nam, Hội thảo quốc gia.
26. Nguyễn Thanh Tưởng NCS Đại học Sư Phạm Đà Nẵng, *Định hướng phát triển du lịch ở huyện Đảo Lý Sơn theo hướng bền vững* - tạp chí khoa học Đại học Sư Phạm Thành Phố Hồ Chí Minh. Số (73) năm 2015.
27. Trần Đức Thạnh (Chủ biên) (2012), *Biển đảo Việt Nam - Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu*, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.

28. Nguyễn Bảo Thoa (2015), *Những điều cần biết về phát triển du lịch cộng đồng*, NXB văn hóa dân tộc, Hà Nội.
29. Chu Mạnh Trinh (2008), *Cộng đồng tham gia đánh giá hiệu quả khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm*, tỉnh Quảng Nam, Ban quản lý khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm.
30. Chu Mạnh Trinh và nnk (2010), *Đề tài nghiên cứu lợi ích cộng đồng trong hoạt động du lịch tại khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An*, Ban quản lý khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm.
31. Trung tâm phát triển nông thôn bền vững (2014), *Hợp tác phát triển sinh kế cộng đồng kinh nghiệm và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, NXB thông tin và truyền thông.
32. Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn (2015), dự án thành lập khu bảo tồn biển Lý Sơn, Quảng Ngãi.
33. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2017), kỷ yếu hội thảo phát triển du lịch Lý Sơn, Quảng Ngãi
34. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2014), *quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 định hướng đến năm 2025*, Quảng Ngãi.
35. UBND tỉnh Quảng Ngãi (2015), quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc thành lập Công viên địa chất Lý Sơn (Công viên địa chất cấp tỉnh).
36. UBND tỉnh Quảng Ngãi (2016), quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 30/06/2016 về việc lập dự án đầu tư bảo tồn khẩn cấp Đảo Bé, huyện Lý Sơn.
37. Viện chiến lược phát triển (2014), *Hướng tới một nền kinh tế phát triển bền vững*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Bùi Thị Hải Yến (Chủ biên) (2012), *Du lịch cộng đồng*, NXB Giáo dục Việt Nam.
39. Koeman (1997), *Du lịch bền vững và du lịch sinh thái*, Hội thảo quốc gia về sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quản lý các khu bảo tồn tự nhiên Việt Nam tại TP.HCM tháng 4/1997.TP.HCM.

Tiếng Anh:

40. Ceballos- Lascurain, H.1996. *Tourism, Ecotourism, and Protected Areas*, IUCN, Gland, Switzerland.

41. Eagles P.F.J., McCool S. F. and Haynes C.D., (2002), *Sustainable Tourism in Protected Areas: Guidelines for Planning and Management*. IUCN, Gland, Switzerland and Cambridge, UK.

42. Hill, JL.& Hill, R.A. (2011), *Ecotourism in Amazonian Peru: uniting tourism, conservation and community development*, Geography, vol.96, pp 75-85.

43. Kreg Lindberg and Donal. E. Hawkins (1998*), Ecotourism: a guide for planners and managers*, Ecotourism Society.

44. Samdin, Zaiton,Yuhanis A. Aziz, Alias Radam and Mohd R.Yacob. (2013), *Sustainability of ecotourism resources at Taman Negara national park: Contigent valuation*, International Journal of Business and Society 14(2), pp 235-244.

Trang Web:

45. Chu Mạnh Trinh (2014) Một số kinh nghiệm quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm. <https://tongcucthuysan.gov.vn>

46. Quyết định số 2149/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (2009). <www.Chinhphu.vn>

PHỤ LỤC

Phụ lục 01: BẢNG CÂU HỎI DÀNH CHO CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Xin chào ông/bà!

Tôi là học viên cao học khóa 2015 – 2017 ngành Việt Nam học, thuộc Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà nội. Tôi đang thực hiện đề tài **Phát triển Du lịch sinh thái bền vững tại Đảo Bé, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.** Để có được các thông tin cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu, tôi rất cần các đóng góp ý kiến thiết thực của ông/bà. Tôi cam kết các thông tin do ông/bà cung cấp dùng vào mục đích nghiên cứu và thông tin cá nhân hoàn toàn bảo mật.

Phần I: Thông tin cá nhân

Xin quý vị cho biết một số thông tin cá nhân sau:

- Họ và tên: ……..
- Giới tính: ……
- Độ tuổi: ……..
- Nghề nghiệp: ……..
- Trình độ học vấn: ……
- Ông/bà sống ở đây được bao lâu? ……..

Phần II: Thông tin liên quan đến du lịch Đảo Bé

Ông/bà vui lòng đánh dấu (✓) vào câu trả lời phù hợp

Câu 1: Thu nhập chính của ông/bà từ hoạt động nào sau đây?

☐ Hoạt động du lịch (tiếp tục trả lời câu 3)

☐ Hoạt động nông nghiệp

☐ Hoạt động biển

☐ Khác: ……

Câu 2: Ông/bà có muốn tham gia hoạt động du lịch không?

☐ Có

☐ Không. Vì Sao không?……

……

……

Câu 3: Ông/bà tham gia vào các hoạt động du lịch nào sau đây?

☐ Chở khách du lịch bằng xe điện

☐ Kinh doanh homestay

☐ Kinh doanh hàng quán

☐ Bán hàng lưu niệm

☐ Hướng dẫn khách du lịch tham quan trên đảo

☐ Đưa du khách lặn ngắm san hô

Câu 4: Lợi ích của ông/bà nhận được khi tham gia hoạt động du lịch? (có thể chọn nhiều đáp án)

☐ Chính sách từ địa phương và các tổ chức khác

☐ Được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch

☐ Tạo việc làm và tăng thu nhập

☐ Biết được lợi ích và trách nhiệm với công tác bảo tồn

☐ Mục đích khác. Xin ghi rõ: …….

Câu 5: Ông/bà có thường xuyên giúp đỡ du khách không?

☐ Có, thường xuyên ☐ Có, thỉnh thoảng ☐ Không bao giờ

Câu 6: Ông/bà có được mời tham gia các lớp giới thiệu về di sản địa phương mình không?

☐ Có mời tham gia ☐ Không được mời tham gia

Câu 7: Ông/bà có được mời tham gia các hoạt động tham quan học tập thực tế tại Cù Lao Chàm – Hội An về bảo tồn và cách làm du lịch cộng đồng?

☐ Có mời tham gia (tiếp tục trả lời câu 8) ☐ Không được mời tham gia

Câu 8: Ông/bà sau chuyến tham quan học tập cách bảo tồn và cách làm du lịch cộng đồng nhận thức thay đổi như thế nào? (có thể chọn nhiều đáp án)

☐ Cần làm công tác bảo tồn đối với các tài nguyên trong phát triển du lịch

☐ Cần tổ chức nhiều chuyến tham quan học tập chuyên sâu về cách làm du lịch

☐ Cần có sự hỗ trợ từ chính quyền, công ty bảo tồn và các bên liên quan

☐ Khác. Xin ghi rõ ……..

Câu 9: Ông/bà có tham gia bảo vệ tài nguyên du lịch của địa phương mình không?

☐ Có (có thể chọn nhiều ý) **☐ Không**

☐ Tham gia các cuộc họp cộng đồng, đóp góp các ý kiến liên quan đến hoạt động bảo vệ tài nguyên du lịch địa phương;

☐ Sẵn sàng cung cấp các thông tin hoặc trả lời các câu hỏi có liên quan đến hoạt động bảo vệ tài nguyên;

☐ Được thông báo các vấn đề có liên quan như: bảo tồn cua đá, xã đảo An Bình giảm thiểu và dần đi đến nói không với túi ni lông;

☐ Ý Kiến khác. Xin ghi rõ

……

……

Câu 10: Hằng tháng ông/bà thu nhập từ hoạt động du lịch bao nhiêu? Những tháng nào là thu nhập cao nhất?

.....

.....

.....

Câu 11: Trong quá trình tham gia hoạt động du lịch ông/bà gặp khó khăn gì không?

……

……

……

Câu 12: Ông/bà cần hỗ trợ những vấn đề nào để có thể tham gia tốt hơn vào các hoạt động du lịch tại địa phương? (có thể chọn nhiều ô)

☐ Hỗ trợ vay về tài chính

☐ Đào tạo kỹ năng làm du lịch

☐ Đào tạo ngoại ngữ

☐ Hỗ trợ phát triển các nghề truyền thống

Khác. Xin vui lòng cho ý kiến

……

……

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của ông/bà!

Phụ lục 02: BẢNG CÂU HỎI DÀNH CHO KHÁCH DU LỊCH

Xin chào ông/bà!

Tôi là học viên cao học khóa 2015 – 2017 ngành Việt Nam học, thuộc Học viện Khoa học Xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà nội. Tôi đang thực hiện đề tài **Phát triển Du lịch sinh thái bền vững tại đảo Bé, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.** Để có được các thông tin cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu, tôi rất cần các đóng góp ý kiến thiết thực của ông/bà. Tôi cam kết các thông tin do ông/bà cung cấp dùng vào mục đích nghiên cứu và thông tin cá nhân hoàn toàn bảo mật.

Phần I: Thông tin cá nhân

Xin quý vị cho biết một số thông tin cá nhân sau:

- Họ và tên: ……..
- Giới tính: ……
- Độ tuổi: ……..
- Nghề nghiệp: ……..
- Trình độ học vấn: ……
- Nơi sinh sống: …….

Phần II: Thông tin liên quan đến du lịch đảo Bé

Ông/bà vui lòng đánh dấu (✓) vào câu trả lời phù hợp

Câu 1: Ông/bà đến du lịch đảo Bé bao nhiêu lần?

☐ Lần đầu tiên đến đảo

☐ Lần thứ hai

☐ Lần thứ ba

☐ Rất nhiều lần

Câu 2: Ông/bà biết đảo Bé qua kênh thông tin nào?

☐ Qua bạn bè, người thân

☐ Qua mạng xã hội

☐ Qua giới thiệu của chủ nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ

☐ Qua công ty du lịch

Câu 3: Ông/bà cho biết một vài ý kiến hài lòng về các sản phẩm du lịch trên đảo?……

……

……

……

Câu 4: Ông/bà cho biết một vài ý kiến về hài lòng các chất lượng dịch vụ trên đảo?

……

……

…….

Câu 5: Ông/bà cho biết một vài ý kiến không hài lòng về các sản phẩm du lịch trên đảo?

……

……

……

Câu 6: Ông/bà có quay lại đảo Bé để đi du lịch nữa không?

☐ Có ☐ Không

☐ Ý kiến khác. Xin vui lòng cho ý kiến……

…….....

Câu 7: Ông/bà có đóng góp thêm một vài ý kiến, giúp cho ngành du lịch của đảo Bé phát triển tốt hơn?

……

……

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của ông/bà!

PHỤ LỤC 03: MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA ĐẢO BÉ

Ảnh 1: Bản đồ đảo Bé **(nguồn: internet)**

Ảnh 2: Cầu cảng An Bình

Ảnh 3: Cổng chào xã An Bình

(nguồn: tác giả)

Ảnh 4: Lái xe điện trên đảo

Ảnh 5: Bãi Trước

(nguồn: tác giả)

Ảnh 6: Các thửa hành (nguồn: tác giả)

Ảnh 7: Hành lột vỏ (nguồn: Diễm Kiều)

Ảnh 8: Lưới nhái

(nguồn: tác giả)

Ảnh 9: Miếu Ông Cao Cát

Ảnh 10: Bãi Dừa

(nguồn: tác giả)

Ảnh 11: Nhông Cát

Ảnh 12: Nhà máy điện và nhà máy nước **Ảnh 13:** Bờ cỏ lau

(nguồn: tác giả)

PHỤ LỤC 04: ẢNH ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC – QUAN HỆ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Ảnh 14: Khoa Môi Trường – Đại học Sư Phạm Đà Nẵng tham quan học tập tại đảo **(nguồn: tác giả)**

Ảnh 15: Giám đốc Công ty Bảo tồn (phải) và giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Quảng Nam (trái) chia sẻ kinh nghiệm làm bảo tồn trong phát triển du lịch **(nguồn: tác giả)**

Ảnh 16: Chuyên viên bảo tồn – Trung tâm Nghiên cứu và bảo tồn di sản, chia sẻ các thông tin về đảo Bé cho học viên Pablo Racines Đại học Melbourne – Úc **(nguồn: tác giả)**

Ảnh 17: Thềm Holocen phía Tây đảo Bé **Ảnh 18:** Thềm Holocen phía Đông đảo Ảnh khảo sát tại đảo Bé **(nguồn: TS địa chất Ngô Quang Toàn)**

Ảnh 18: Tham vấn cộng đồng **Ảnh 19:** Tham vấn cộng đồng

Ảnh tham vấn lấy ý kiến cộng đồng đảo Bé – Lý Sơn trong công tác bảo tồn tại UBND xã An Bình **(nguồn: tác giả)**

Ảnh 20: Giới thiệu bảng thuyết minh cho cộng đồng đảo Bé

Ảnh 21: Đoàn Famtrip

Ảnh 22: Lớp học tại Cù Lao Chàm

Ảnh 23: Trò chuyện với người dân

Ảnh 24: Dán nhãn sinh thái cua đá

Ảnh 25: Bảng nói không với túi ni lông

Ảnh từ 22 đến 25 cộng đồng đảo Bé tham quan học tập cách bảo tồn và làm du lịch cộng đồng tại đảo Cù Lao Chàm (Quảng Nam). Nằm trong chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn của công ty điều phối.

(nguồn: Tác giả)

Sau các lớp học nâng cao nhận thức cộng đồng, giờ đây cộng đồng đảo Bé đã có chuyển biến theo hướng tích cực, hiểu cần làm công tác bảo tồn và phát triển theo hướng bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.

Ảnh 26: Bãi Hang – đảo Bé nói không với rác (do tổ đưa du khách lặn ngắm san hô dọn rác hàng ngày từ 6:00 – 6:30, trước khi đón du khách) **(nguồn: Tác giả)**

Ảnh 27: Họp dự án bảo tồn **(nguồn: Tác giả)**

Ảnh 28: Lãnh đạo tỉnh tham quan đảo Bé

PHỤ LỤC 05: CÁC BẢNG ĐIỀU TRA SỐ LIỆU TẠI ĐẢO BÉ

Bảng 01: Người dân đánh bắt hải sản tại đảo Bé

STT	Tên hộ gia đình	Ngư lưới cụ	Thời gian	Loại hải sản	Thu nhập
1	Bùi Xanh	Lưới nhái	Tháng 9 đến tháng 3 năm sau	Cá nhái	22 triệu/ mùa
		Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	20 triệu/ mùa
2	Nguyễn Dư	Lưới nhái	nt	nt	18 triệu/ mùa
		Câu mực	nt	nt	17 triệu/ mùa
3	Võ Văn Mạo	Lưới nhái	nt	nt	20 triệu/ mùa
		Câu mực	nt	nt	20 triệu/ mùa
4	Bùi Cao	Lưới nhái	nt	nt	10 triệu/ mùa
		Câu mực	nt	nt	16 triệu/ mùa
5	Trần Tư	Lưới nhái	nt	nt	6 triệu/ mùa
		Câu mực	nt	nt	15 triệu/ mùa
6	Nguyễn Nhi	Lưới nhái	nt	nt	9 triệu/ mùa
		Câu mực	nt	nt	18 triệu/ mùa
7	Võ Minh Diện	Lưới nhái	nt	nt	7 triệu/ mùa
		Câu mực	nt	nt	18 triệu/ mùa
8	Nguyễn Hữu Phước	Lưới dăn	Quanh năm	Đủ các loại cá chủ yếu là cá kình	Thức ăn cho gia đình
9	Võ Minh Ánh	nt	nt	Đủ các loại cá chủ yếu	Thức ăn cho gia đình

				là cá kình	
10	Bùi Minh	nt	nt	Đủ các loại cá chủ yếu là cá kình	Thức ăn cho gia đình
11	Phạm Văn Hậu	nt	nt	Đủ các loại cá chủ yếu là cá kình	Thức ăn cho gia đình
12	Trần Văn Chốn	nt	nt	Đủ các loại cá chủ yếu là cá kình	Thức ăn cho gia đình
13	Võ Văn Vui	nt	nt	Đủ các loại cá chủ yếu là cá kình	Thức ăn cho gia đình
14	Nguyễn Thành Lộc	nt	nt	Đủ các loại cá chủ yếu là cá kình	Thức ăn cho gia đình
15	Võ Minh Quang	Súng đọc cá	Quanh năm	Đủ các loại cá	Thức ăn cho gia đình
16	Lê Phước	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	30 triệu/ mùa
17	Trần Dững	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	20 triệu/ mùa
18	Phạm Min	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	7 triệu/ mùa
19	Trần Tia	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3	Mực lá	9 triệu/ mùa

			năm sau		
20	Trần Phi Hoàng	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	15 triệu/ mùa
21	Phạm Trọng	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	9 triệu/ mùa
22	Bùi Cường	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	8 triệu/ mùa
23	Trần Sơn	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	9 triệu/ mùa
24	Đặng Nhơn	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	8 triệu/ mùa
25	Lê Quang	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	12 triệu/ mùa
26	Trần Đủ	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	10 triệu/ mùa
27	Nguyễn Xuân	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	10 triệu/ mùa
28	Nguyễn Của	Câu mực	Tháng 12 đến tháng 3 năm sau	Mực lá	11 triệu/ mùa

**** nt: như trên** **(nguồn: Tác giả điều tra năm 2016)**

Những thông tin cơ bản về việc đánh bắt xung quanh bờ biển Đảo Bé:

- Tàu đất liền đánh bắt: Số lượng khoảng 20 chiếc các tàu chủ yếu dùng lưới ba màng để đánh cá;
- Địa điểm đánh bắt: Đánh quanh đảo cách bờ khoảng 3 - 4 km;
- Các địa phương đánh: Bình Hải, Bình Sơn, Tịnh Kỳ, Bình Châu;
- Những chiếc ghe, tàu của Đảo Lớn đánh bắt, số lượng khoảng 15 chiếc. Tên chủ tàu: Hoa, Chi, Nhựt, Tùng, Bình, Xứng, Tuấn (ghe, xà lan nhỏ), Vui (tàu lớn) đi lưới thanh ba đánh các loại cá nục, ngân, trác, ngừ, Hai (thúng máy);
- Người dân đảo Bé đánh lưới câu cá, câu mực cách bờ khoảng 300 - 400m.

Với bảng thông tin trên phục vụ cho công tác bảo tồn vùng biển quanh Đảo Bé và có những sinh kế phù hợp cho những hộ gia đình tham gia đánh bắt trong vùng bảo tồn biển.

Bảng 02: Thống kê danh sách hàng quán tại Đảo Bé

STT	Tên quán	Thành viên góp vốn	Thời gian làm quán	Nguồn nhập nguyên liệu
1	Ngân Hồng	Nguyễn Thịnh Võ Văn Vui	Tháng 02/2016	Mua hải sản ở bên đảo lớn, tàu thuyền neo đậu gần đảo.
2	Minh Ánh (2 quán)	Võ Minh Quang Võ Minh Ánh Bùi Minh Trần Tia	Tháng 02/2016	nt
3	Hoàng Anh	Bùi Văn Tân Lê Lộc Lê Đại Trần Văn Triền	Tháng 03/2016	nt
4	Tấn Anh	Trần Thị Lan Phạm Văn Nam	Tháng 04/2016	Chủ yếu mua bên đảo Lớn và đất liền

5	Tưởng Trần	Trần Tư Nguyễn Văn Long	Tháng 04/2016	nt
6	Hiệp Vũ	Nguyễn Thị Thành Ngô Thị Vân	Tháng 04/2016	nt
7	Sáu Kính	Đặng Hoàng Kính Đặng Thị Thắm	Tháng 04/2016	nt
8	Khánh Nam	Phạm Lai Phạm Hậu Phạm Thị Thanh (đảo Lớn)	Tháng 05/2016	nt
9	Như Hằng	Bùi Cường Bùi Thị Trường Bùi Văn Huyền Nguyễn Ngôn	Tháng 06/2016	nt
10	Cù Lao Ré	Nguyễn Văn Lành	Tháng 01/2017	nt
11	Minh Vy	Bùi Thị Đảnh	Tháng 01/2016	nt

(Nguồn: Tác giả điều tra 04/2017)

Bảng 03: Thống kê bán hàng đặc sản tại đảo Bé

STT	**Người bán**	**Loại hàng bán**	**Giá bán sản phẩm**	**Thu nhập hằng ngày**	Thu nhập/ tháng
1	Nguyễn Thị Đây	Tỏi, hành, dứa dại, rau cau	Tỏi: 120.000 nghìn đồng, hành: 40.000 nghìn đồng, dứa dại 30.000 nghìn đồng, rau cau: 100.000	Mỗi ngày 100.000 - 150.000 đồng	3.000.000 - 4.500.000đ

			nghìn đồng		
2	Trần Thị Mai	Tỏi, hành, dứa dại, rau cau	nt	Mỗi ngày 100.000 - 150.000 đồng	3.000.000 - 4.500.000đ
3	Bùi Thị Mười	Tỏi, hành, dứa dại, rau cau	nt	Mỗi ngày 100.000 - 150.000 đồng	3.000.000 - 4.500.000đ

(Nguồn: Tác giả điều tra tháng 02/2017)

Bảng 04: Thống kê nhà nghỉ và homestay ở Đảo Bé

Nhà nghỉ	**Tên**	**Giá phòng/đêm**
1	Minh Vy	150.000đ
2	Thảo Huỳnh	150.000đ
Homestay	**Tên**	**Giá người/đêm**
1	Bùi Minh	70.000đ
2	Bùi Cường	70.000đ
3	Đặng Thị Úc	70.000đ
4	Trần Dững	70.000đ
5	Nguyễn Hữu Thọ	70.000đ

(Nguồn: Tác giả điều tra tháng 02/2017)

Bảng 05: Dịch vụ đưa đón khách du lịch

DANH SÁCH THÀNH VIÊN LÁI XE CHỞ KHÁCH			
STT	**TÊN XE**	**SĐT**	**SỐ LƯỢNG**
1	NGỌC BÌNH	0976193467	2
2	MINH ÁNH	0964594948	2
3	THANH ÂN	01673937998	2
4	HOÀNG ANH	0964102501	1
5	TẤN ANH	0168789351	2

6	AN BÌNH	01683578931	1
7	VĂN TÂN	0969120751	1
8	THẢO VY	01663498028	1
9	THANH PHÚ	01678927890	1
10	TUẤN LỘC	01667691931	1
11	KHÁNH NAM	0984732380	2
12	HỮU NGÔN	01679065336	2
13	ATHENA	0988926511	2
		TỔNG CỘNG	**20 chiếc**

(Nguồn: Tác giả điều tra 2016 và 2017)

Bảng 06: Thống kê thành viên tham gia dịch vụ đưa khách lăn ngắm san hô

STT	**Họ và tên**	**Tuổi**
1	Trần Ty	36
2	Trần Sáng	39
3	Trần Tia	40
4	Lê Quang	54
5	Phạm Văn Min	60
6	Bùi Xanh	67
7	Trần Đủ	49
8	Đặng Nhơn	56
9	Trần Sơn	58
10	Phạm Văn Trọng	51
11	Ngô Lắm	52
12	Phạm Văn Nam	25
13	Nguyễn Nhi	42
14	Bùi Cường	35
15	Huỳnh Ưa	43
16	Trần Dững	50
17	Nguyễn Xuân	51
18	Võ Minh Diện	50
19	Nguyễn Sa	57
20	Bùi Cao	54
21	Nguyễn Thanh Liên	43
22	Nguyễn Văn Duyên	19
23	Nguyễn Thành Lộc	26
24	Võ Văn Mạo	48
25	Lê Phước	52
26	Trần Tư	49
27	Nguyễn Dư	48
28	Nguyễn Của	45
29	Bùi Trà	27
30	Nguyễn Văn Huệ	18

(Nguồn: Tác giả điều tra năm 2016)

Bảng 07: Thống kê danh sách các hộ dân mong muốn tham gia dịch vụ homestay

STT	HỘ ÔNG/BÀ	HIỆN TRẠNG	SĐT LIÊN HỆ	ĐẠT	CHƯA ĐẠT
1	Nguyễn Được	Bán kiên cố	Chị Thành:		X
2	Đặng Thị Úc	Kiên cố	Chị Vân:	V	
3	Nguyễn Dư	Bán kiên cố			X
4	Đặng Đức	Kiên cố	Chị Thông:	V	
5	Nguyễn Bút	Bán kiên cố			X
6	Trần Sáng	Kiên cố	Chị Hà:	V	
7	Nguyễn Hữu Thọ	Kiên cố	Chị Dung: 01659874131	V	
8	Trần Dững	Kiên cố	Cô Tý:	V	
9	Bùi Cao	Bán kiên cố			X
10	Trần Văn Chốn	Bán kiên cố			X
11	Bùi Long	Bán kiên cố			X
12	Đặng Yên	Bán kiên cố			X
13	Nguyễn Văn Duyên	Bán kiên cố			X
14	Nguyễn Thanh Lộc	Bán kiên cố			X
15	Lê Lớn	Bán kiên cố	Cô Tươi: 01656326334	V	
16	Trần Sơn	Bán kiên cố			X
17	Võ Minh Quang	Kiên cố	Chị Đảnh:01688313631	V	
18	Phạm Văn Trọng	Bán kiên cố			X
19	Ngô Thị Vân	Bán kiên cố	anh Hiệp: 01229569087		X
20	Phạm Văn Min	Bán kiên cố	chú Min: 01683578931		X
21	Lê Phước	Kiên cố	chị Bình (1992): 01234092564	V	
22	Nguyễn Của	Kiên cố	chị Ngà (1992):	V	
23	Nguyễn Xuân	Bán kiên cố	anh Ân lái xe: 01673937998		X
24	Nguyễn Nhi	Bán kiên cố	Diễm Hương(19t):		X

25	Bùi Cường	Kiên cố	chị Hộ: 01663979675	V	
26	Trần Tư	Bán kiên cố	anh Tưởng: 01678927892		X
27	Bùi Văn Tân	Bán kiên cố			X
28	Bùi Văn Huyền	Bán kiên cố	chị Hà: 01652817926		X
29	Trần Ty	Bán kiên cố	anh Ty: 0968995961		X
30	Nguyễn Thịnh	Bán kiên cố	chú Thịnh: 01697046160		X
31	Bùi Thị Phường	Bán kiên cố			X
32	Nguyễn Sa	Bán kiên cố	cô Thúy: 0974214833		X
33	Võ Minh Ánh	Nhà tạm			X
34	Võ Văn Vui	Kiên cố	Chị Huệ: 0986225684	V	
35	Nguyễn Hữu Phước	Bán kiên cố			X
36	Đặng Thanh Điền	Bán kiên cố	anh Điền: 01664576056	V	
37	Phạm Văn Hậu	Nhà tạm	anh Hậu:		X
38	Trần Tia	Bán kiên cố	chú Tia: 0984667341	V	
39	Huỳnh Ưa	Nhà tạm			X

(Nguồn: Tác giả điều tra năm 2016)

Qua bảng thống kê trên, đã nói lên các hộ dân luôn muốn tham gia loại hình homestay phục vụ du khách. Khi điều tra thực tế, tác giả đã nghe người dân trình bày thiếu nguồn tiền để đầu tư và cách phục vụ tốt cho du khách còn thiếu nhiều kỹ năng. Đây là những thông tin cơ bản, cần đưa vào kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho người dân địa phương.

Bảng 08: PHỎNG VẤN KHÁCH DU LỊCH TẠI ĐẢO BÉ

STT	Họ Và Tên khách	Quê Quán	Biết Đảo Bé qua kênh thông tin nào?	Ý kiến hài lòng	Ý kiến chưa hài lòng
1	Nguyễn Thị Thanh	TP.HCM	Qua 1 người bạn đi trước	- Cảnh đẹp nước trong xanh, quang cảnh còn hoang sơ. - Người dân và chủ phương tiện rất nhiệt tình phục vụ.	- Phí các dịch vụ cao: ca nô, xe, lặn ngắm san hô. - 1 xe chở nhiều khách khác nhau, nên đoàn này phải chờ đoàn kia, không theo yêu cầu của khách.
2	- Nguyễn Thị Nhi - Nguyễn Thị Phương Nhã - Nguyễn Văn Thiện	Bình Sơn – Quảng Ngãi	Qua facebook	- Có những tảng đá đẹp, nước trong xanh, cảnh quang còn hoang sơ. Người dân thân thiện.	Yêu cầu cần có nhà vệ sinh công cộng.
3	Nguyễn Như Hoàng	Hà Nội	Qua 1 người bạn đi trước	- Qúa đẹp, quá hoang sơ chỉ có đảo bé mà thôi. - Biển rất sạch và trong. - Có những vách đá ngay bãi tắm rất độc đáo. - Không cần đầy đủ tiện nghi hãy để hoang sơ. - Người dân rất thân thiện, phục vụ nhiệt tình. Rất muốn quay lại Đảo Bé.	Hài lòng tất cả chưa có cái gì mà thấy không hài lòng.

4	- Phạm Thu Trang - Đoàn Như Quỳnh - Trần Xuân Vinh	Hà Nội	Qua facebook	- Bãi tắm tiên quá tuyệt vời. - Nước trong, cảnh đẹp. - Không thích Đảo Lớn bằng Đảo Bé. - Để hoang sơ không cần chỉnh sửa. - Người dân rất thân thiện.	- Nên xây dựng nhà vệ sinh công cộng. - Nên trồng một vườn cây xanh để khách thăm quan, tận hưởng không khí trong lành, mát mẽ (có bán vé). - Cần có chuyến tàu đi thẳng từ cảng Sa Kỳ qua đảo bé mà không cần thông qua Đảo Lớn.
5	Nguyễn Thành Tài	Hà Nội	Qua facebook	Rất hài lòng. Vẻ đẹp tự nhiên không nơi nào có được, thích mãi nơi đây.	Chưa có gì tôi không hài lòng cả.

6	Lê Huyền Trang	Hà Nội	Interenet, nghe bạn bè kể lại.	- Cảnh đẹp, nước trong xanh, xung quanh hoang sơ. - Người dân thân thiện.	Không ý kiến
7	Trần Thành Công	Hà Nội	Chủ khách sạn giới thiệu qua tắm rất đẹp	- Người dân nhiệt tình. - Đi lặn ngắm san hô thấy đẹp.	Xe chở khách đi nhanh quá
8	Nguyễn Phi Hùng	Gia Lai	Trên mạng	- Dân nhiệt tình. - Cảnh đẹp, nước trong xanh, đá đẹp.	Không ý kiến
9	Nguyễn Văn Kiệt	Gia Lai	Google, nghe nói từ đảo lớn sang đảo bé rất đẹp	- Dân nhiệt tình. - Nhìn từ trên xuống nước biển trong xanh và đẹp.	Phí dịch vụ ca nô cao
10	Lê Văn Thành	Quảng Ngãi	Trên mạng, bạn bè giới thiệu	Nói chung cảnh đẹp.	- Ăn uống không được đảm bảo, nước

					ngọt tắm giá cao. - Vẫn còn rác nhiều.
11	Lê Thị Diễm Nga	Đà Nẵng	Qua face, tìm hiểu thêm trên mạng	- Cảnh quang tự nhiên đẹp và hoang sơ. - Người dân thân thiện.	Thời gian ca nô chạy không nhất định. Ăn uống thì sợ ca nô bỏ lại.
12	Đỗ Thị Thanh Thuận	Bình Dương	Facebook, bạn bè giới thiệu	- Cảnh quan đẹp. - Nước trong, đá đẹp, cát trắng	Không ý kiến
13	Nguyễn Thị Anh Ly	Đà Nẵng	Trên mạng	- Đẹp, yên tĩnh, nên giữ nét hoang sơ	Chưa có nhà vệ sinh công cộng
14	Steven Quan Lan	Hà Nội	Biết từ lữ hành giới thiệu	- Biển, núi còn hoang sơ. - Hải sản ăn ngon.	Không ý kiến
15	Phan Thanh Thuận	Huế	Trên mạng, bạn bè giới thiệu	- Thích biển nước trong xanh - Gió mát, cát trắng, đá đẹp.	Không ý kiến
16	Nguyễn Ngọc Oanh	Huế	Trên mạng, bạn bè rủ đi	- Biển nước trong xanh, cát trắng. - Đi ca nô thích	Còn rác trên bãi tắm rất nhiều.
17	Phan Thị Bích Hằng	Sài Gòn	Trên mạng, xem truyền hình thấy muốn đi 1 lần cho biết	-Thích thú, cảnh xung quanh rất đẹp, nước trong, gió mát.	Muốn khám phá đi bộ mà nắng quá.
18	Nguyễn Thị Nhạn	Đà Nẵng	Trưởng đoàn tour	Cảnh đẹp, đi các đảo nhưng đảo bé là đẹp nhất.	Không ý kiến
19	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Đà lạt	Thông qua mạng facebook	Rất hoài lòng, cảnh quan thiên nhiên rất đẹp, biển xanh, nước trong, cát trắng …	Không ý kiến
20	Hoàng kim Hòa	Đà lạt	Thông qua mạng facebook	Cảnh quan thiên nhiên đẹp, biển xanh, nước trong, cát trắng.	Không ý kiến
21	Hoàng Minh Hưng	Đà lạt	Thông qua mạng facebook	Biển rất đẹp, mọi thứ tuyệt vời.	Không ý kiến

22	Trần Thị Hằng	Nha Trang	Hướng dẫn viên du lịch	Thích cảnh quan nơi đây đẹp, hoang sơ, người dân thân thiện, chất phác, thật thà, …	- Phí cao - Đội chèo thúng quá nhiều làm khách du lịch cảm thấy không thoải mái. - Đội chèo thúng đánh bài gây mất mỹ quan với du khách - Thái độ phục vụ chưa tốt. - Phải có áo, mũ đồng phục cho đội chèo thúng và lái xe để khách an tâm hơn. - Phải làm cầu thang gỗ ngay tại bến cảng khi ca nô cập bến, để khách bước lên không trơn, té, …
23	Nguyễn Việt Hùng	Quảng Ngãi	Có bạn ở Lý Sơn giới thiệu	Thích cảnh quan nơi đây đẹp, hoang sơ, …	Giá bán đồ ăn, nước uống còn hơi đắt
24	Nguyễn Hồng Nhung	Hà Nội	Thông qua mạng facebook	Thích cảnh quan nơi đây đẹp tự nhiên, hoang sơ, …	Không ý kiến
25	Đỗ thị Thanh Thuận	Bình Dương	Mạng Facebook	Nước trong, cát trắng	Không ý kiến
26	Nguyễn Thị Ánh Ly	Đà Nẵng	Google	Đẹp, hoang sơ	Phải xây nhà vệ sinh công cộng

27	Phan Ngọc Yến Phương	Gia Lai	Internet	Đẹp, yên tĩnh	Nước tắm 20k/1 thùng đắt quá.
28	Phan Trọng Nghĩa	Gia Lai	Mạng, bạn bè rủ đi	Đẹp, hoang sơ, gió mát	Nhà ăn không bằng Đảo lớn
29	Ngô Thanh Ánh	Lý Sơn	Bạn bè rủ đi cho vui	Thích tắm biển, nước trong xanh, cát trắng, tắm mát hơn đảo lớn	Không ý kiến
30	Nguyễn Thị Thảo	Huế	Bạn bè giới thiệu	Biển đẹp, nước trong xanh	Rác nhiều
31	Nguyễn thị Thanh Lan	Gia Lai	Bạn bè giới thiệu	Quá đẹp, hoang sơ	Không ý kiến
32	Nguyễn Hoàn Thanh	Hà Nội	Thấy hình trên facebook và muốn đến Đảo Bé	- Biển đẹp như trên thiên đường - Muốn có cơ hội đi lần nữa	Nếu có cơ hội được ra đây lần nữa, thì muốn nơi đây phải phát triển du lịch hơn nữa.
33	Võ Thị Kim Liễu	Sơn Hà (Q.Ngãi)	- Bạn giới thiệu - Tìm hiểu trên mạng facebook	- Cảnh đẹp tuyệt vời - Nước trong xanh, cát trắng.	Trời nắng quá
34	Bùi Thị Thùy Quyển	Mộ Đức (Q.Ngãi)	- Bạn giới thiệu - Tìm hiểu trên mạng	Đẹp, nước trong xanh, cát trắng, muốn tắm	Giá bán đồ ăn còn đắt
35	Nguyễn Vũ Bảo	Mộ Đức (Q.Ngãi)	- Bạn giới thiệu - Tìm hiểu trên mạng facebook	- Đẹp, hoang sơ, muốn chụp hình cưới ở đây - Địa điểm trăng mật đầu tiên của 2 vợ chồng là nơi đây.	- Giá bán đồ ăn còn đắt - Nước tắm đã ít mà giá bán đắt.
36	Nguyễn Anh Vũ	Nha Trang	Facebook	- Đẹp, hoang sơ, biển đẹp, cát trắng hơn Nha Trang. - Người dân thân thiện.	- Cảnh quan đẹp thế này mà sao không đầu tư nhà hàng, khách sạn tại biển - Ẩm thực chưa được

					ngon và đẹp mắt.
37	Nguyễn Thanh Nhân	Quy Nhơn	Có bà con ở Lý Sơn	Đẹp, cát trắng, nước trong xanh, gió mát tự nhiên	Muốn bãi tắm ở đây có dù và ghế dựa, để khách khi tắm xong thì lên nằm nghỉ ngơi.
38	Nguyễn Thanh Tùng	Hà Nội	Người yêu giới thiệu	- Đẹp, muốn phơi nắng, hóng nước và gió biển - Muốn được đi lần nữa	Thức ăn không được ngon, nhìn lạ.
39	Võ Thị Hiền	Đà Nẵng	Xem hình trên mạng, tìm hiểu thêm trên facebook	- Cắm trại qua đêm để tận hưởng không khí trong lành tại bãi biển. - Cảnh hoang sơ - Đá nhìn lạ	- Nước tắm không thoải mái - Không có trò chơi.
40	Võ Thị Đài Trang	Nha Trang	Mạng	Người dân thân thiện Cảnh đẹp, hoang sơ, đá đẹp Giá cả vừa phải.	Chưa có gì thấy không hài lòng
41	Nguyễn Thị Minh	Quảng Ngãi	Mạng	Đẹp, hoang sơ, người dân thân thiện.	Chưa có gì thấy không hài lòng.
42	Đỗ Minh Long	Mộ Đức	Bạn đi trước về giới thiệu	Cát trắng, nước trong, đá đẹp, hoang sơ, người dân thân thiện.	Cần có bản niêm yết giá. Cần có nhà vệ sinh công cộng Cần chú trọng về an toàn thực phẩm Trồng nhiều cây xanh ven đường. Phải có nhãn dán thương hiệu tỏi.
43	Nguyễn Thị	Mộ Đức	Mạng	Người dân thân thiện,	In số điện

	Nhi (đoàn 14 người)			mến khách. Cảnh đẹp,hoang sơ	thoại đường dây nóng dán ở các quán để có gì không hài lòng khách gọi. Tăng cường trồng cây xanh. Phải kiểm sát chặt chẽ ngay cảng để khách không vứt rác xuống biển. Phải thu phí môi trường để chi trả cho đội thúng dọn rác dưới bãi tắm.
44	Lê Thị Mỹ Thuận	Huế	Hướng dẫn viên du lịch	Hoang sơ,cảnh đẹp. Nước trong xanh Đẹp hơn đảo lớn	Cơ sở hạ tầng yếu. Xây nhà vệ sinh công cộng. Cách phục vụ của chủ quán chưa chuyên nghiệp. Không thích xây cầu vì không còn thú vị
45	Lê Văn Thoại	Huế	Mạng	Cảnh đẹp, hoang sơ, nước trong.	Quy hoạch lộn xộn. Cơ sở hạ tầng còn yếu.
46	Nguyễn Thị Hoàng	Hà Nội	Mạng	Cảnh đẹp, hoang sơ Người dân thân thiện	Rác còn nhiều

	(4 người)				Xây nhà vệ sinh công cộng
47	Lưu Văn Ánh (Đoàn 14 người)	Đà Nẵng	Bạn giới thiệu	Đẹp Hoang sơ Người dân nhiệt tình. Nếu có cơ hội sẽ quay lại.	Thiếu điện. Xây nhà vệ sinh
48	Mai Thị Huệ	Đăc Lăk	Có họ hàng ở Lý Sơn	Cảnh đẹp, hoang sơ.	Xây nhà vệ sinh công cộng
49	Nguyễn Thị Thu Thủy (Đoàn 8 người)	Huế	Mạng	Đẹp Hoang sơ	Xây nhà chờ ở bến cảng Xây nhà vệ sinh

(Nguồn: Tác giả điều tra nhiều đợt trong 2 năm 2016 và năm 2017)

Thông qua phỏng vấn điều tra du khách khi đi du lịch tại đảo Bé, giúp tác giả đánh giá có cái nhìn khách quan về thực trạng và mong muốn chất lượng sản phẩm của Đảo Bé trong thời gian tới. Đa phần các du khách đều khen ngợi Đảo Bé đẹp và rất hoang sơ, nên có quy hoạch cụ thể theo hướng thân thiện với môi trường và phục vụ theo hướng chuyên nghiệp. Chẳng hạn như xây dựng nhà vệ sinh công cộng, dọn dẹp vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, trồng thêm cây xanh, cần niêm yết giá, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm…

Và đây là những đóng góp thiết thực và quý báu từ du khách, những người yêu đảo, yêu vẻ đẹp và muốn đảo ngày càng đẹp hơn. Muốn Đảo Bé trở thành thiên đường của du lịch cần nghiêm túc thực hiện các góp ý kiến trên theo lộ trình với các kế hoạch cụ thể.